

349.597 75

ĐC

C 455 T

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG NAI

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
Ở TỈNH ĐỒNG NAI**



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở TỈNH ĐỒNG NAI**
(Sách chuyên khảo)

202. 3445
C455 T

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG NAI

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
Ở TỈNH ĐỒNG NAI**
(Sách chuyên khảo)

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2024/ĐC/VL 001910

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

BAN CHỈ ĐẠO

ThS. Lê Thị Cát Hoa - Hiệu trưởng - Trưởng ban

TS. Vũ Thị Nghĩa - Hiệu phó - Phó trưởng ban

BAN BIÊN SOẠN

ThS. Bùi Văn An (Chủ biên)

ThS. Nguyễn Thành Văn

ThS. Nguyễn Thị Nhung

ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

ThS. Bùi Thị Xuyên

ThS. Vũ Thị Ngọc Liên

ThS. Tạ Văn Soát

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếp cận pháp luật	TCPL
Hội đồng nhân dân	HĐND
Ủy ban nhân dân	UBND
Phổ biến, giáo dục pháp luật	PBGDPL
Thủ tục hành chính	TTHC

Lời nói đầu

Vấn đề tiếp cận pháp luật (TCPL) trước đây ít được các chuyên gia, nhà nghiên cứu quan tâm, thường đề cập chung với các công trình nghiên cứu về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) hoặc liên quan quyền tiếp cận thông tin. Đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 ban hành Quy định về chuẩn TCPL của người dân tại cơ sở thì vấn đề TCPL đã trở thành đề tài được một số chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu tìm hiểu dưới các góc độ, phương diện và hình thức khác nhau như sách chuyên khảo, luận án, luận văn, bài viết, bài báo khoa học trên các tạp chí, v.v...

Với tầm quan trọng của việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL hiện nay, nội dung cuốn sách hướng đến việc hệ thống hóa các vấn đề lý luận, pháp lý về TCPL và chuẩn TCPL; phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện về thực trạng xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL qua trường hợp nghiên cứu cụ thể tại tỉnh Đồng Nai. Qua đó, cuốn sách là cơ sở để nhận thức rõ hơn về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên thực tiễn và các giải pháp cho công tác này thời gian tới.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích không chỉ trong công tác giảng dạy, nghiên cứu mà còn có tác dụng tham khảo tốt phục vụ cho cán bộ, công chức hoạt động thực tiễn trong các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và những ai quan tâm đến vấn đề này.

Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc!

MỞ ĐẦU

Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”⁽¹⁾ và “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình...”⁽²⁾. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội đã ban hành nhiều luật để ghi nhận, bảo đảm quyền được thông tin pháp luật, quyền được tiếp cận và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, hỗ trợ, giúp đỡ công dân thực hiện các quyền, nghĩa vụ, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, đồng thời quy định về nội dung, cách thức, hình thức, biện pháp đảm bảo, thực hiện việc tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL. Không chỉ là quyền của công dân đã được Hiến pháp khẳng định và được thể chế hóa ở nhiều luật, văn bản dưới luật của các cơ quan Nhà nước, TCPL còn là tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của chính quyền các cấp ở địa

1 Khoản 1, Điều 8, Hiến pháp năm 2013.

2 Điều 25, Hiến pháp năm 2013.

phương thông qua việc công nhận địa phương đạt chuẩn TCPL. Xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL hướng tới các mục tiêu sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

Thứ hai, tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật; tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ tư, góp phần thúc đẩy, thực hiện toàn diện mục tiêu xây dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh. Hiện nay, tiêu chí xã đạt chuẩn TCPL là một tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tiêu chí thành phần 18.5 trong Tiêu chí 18. Hệ thống chính trị và TCPL). Việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn TCPL là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới; là tiêu chí đánh giá phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

Ở Đồng Nai, từ năm 2017 đến nay đã tiến hành triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL. Qua đánh giá hàng năm, năm 2017 có 139/171 xã, phường,

thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL, có 11/171 đơn vị chưa đạt, 21/171 đơn vị cấp xã không đánh giá⁽¹⁾. Năm 2018 có 162 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL, 09/171 đơn vị chưa đạt⁽²⁾. Năm 2019 có 161/170 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL, 09/170 đơn vị chưa đạt⁽³⁾. Năm 2020 có 159/170 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL, 11/170 đơn vị chưa đạt⁽⁴⁾. Năm 2021 có 165/170 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL, 05/170 đơn vị chưa đạt⁽⁵⁾.

Qua việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng xã hội lành mạnh, văn minh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; nâng cao hiệu quả hòa giải ở cơ sở, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn tại cộng đồng, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy dân chủ ở cơ sở; thông qua hoạt động đối thoại, góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

1 Văn bản số 594/STP-PBGDPL ngày 14/3/2018 của Sở Tư pháp Đồng Nai công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2017.

2 Văn bản số 598/STP-PBGDPL ngày 06/3/2019 của Sở Tư pháp Đồng Nai công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2018.

3 Văn bản số 256/STP-XDPBPL ngày 03/2/2020 của Sở Tư pháp Đồng Nai công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2019.

4 Văn bản số 447/STP-XDPBPL ngày 24/2/2021 của Sở Tư pháp Đồng Nai công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2020.

5 Văn bản số 300/STP-XDPBPL ngày 26/01/2022 của Sở Tư pháp Đồng Nai công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2021.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai hiện nay còn tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, vướng mắc với nhiều nguyên nhân khác nhau như: một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, sâu sát và thường xuyên, từ đó dẫn đến đánh giá một cách sơ sài, không bảo đảm tính khách quan, thực chất và không kịp thời; các hoạt động liên quan đến đánh giá chuẩn TCPL còn chậm triển khai, có lúc, có nơi còn lúng túng; điển hình có địa phương còn có cách hiểu: chỉ tiến hành đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn TCPL khi xã đó được lựa chọn về đích nông thôn mới; hoặc sau khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì những năm tiếp theo không cần phải đánh giá xã đạt chuẩn TCPL; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cá nhân trong triển khai thực hiện còn bất cập, v.v...

*** Kinh nghiệm xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại một số địa phương ở nước ta**

Trên thực tiễn đã có nhiều địa phương xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đạt kết quả khá tốt.

Tại tỉnh Bình Dương, công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL là một nhiệm vụ thường xuyên của hệ thống chính trị nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước tại cơ sở và nâng cao năng lực phục vụ nhân dân, hỗ trợ nhân dân thực hiện tốt quyền tiếp cận thông tin, TCPL. Dưới sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã ban hành văn bản để tổ chức thực hiện nhiệm vụ này tại địa phương trong các năm; kiện toàn Hội đồng đánh

giá TCPL cấp huyện theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; hướng dẫn về công tác TCPL; xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL gắn với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được thực hiện tốt. UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh quan tâm bố trí kinh phí, thường xuyên tiến hành bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL lồng ghép trong quá trình tập huấn các văn bản pháp luật mới.

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã chú trọng thực hiện về công tác quán triệt, tập huấn, truyền thông trong triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chủ trì tổ chức các hội nghị quán triệt, hướng dẫn xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL đến tất cả các Phòng Tư pháp các huyện, thành phố, lãnh đạo UBND và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh. Sau hội nghị cấp tỉnh, các huyện, thành phố đều tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt, triển khai đến toàn bộ đội ngũ lãnh đạo UBND cấp xã, UBMTTQ cấp xã, các công chức cấp xã để tổ chức thực hiện công tác xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở địa phương mình. Đặc biệt trong 02 năm 2018 và 2019, Sở Tư pháp đã chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL cho lãnh đạo UBND, công chức chuyên môn và công chức Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã.

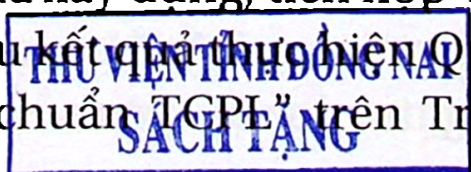
Tại tỉnh Nghệ An, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại các đơn vị cấp huyện. Tỉnh Nghệ An rất chú trọng kiểm tra công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá, công nhận của cấp huyện và công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận tại một số đơn vị cấp xã. Việc kiểm tra công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL cũng được thực hiện trong quá trình kiểm tra chỉ tiêu 18.5 “Xã đạt chuẩn TCPL theo quy định” của Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới và chỉ tiêu 14.2 “Tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân” của Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Bên cạnh đó, một số đơn vị cấp huyện đã tổ chức được các cuộc tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL (như huyện Anh Sơn, Diễn Châu, Đô Lương, Tân Kỳ, Yên Thành và Thanh Chương). Đồng thời, UBND cấp huyện chỉ đạo tự kiểm tra đơn vị cấp xã, kiểm tra thông qua báo cáo và trực tiếp kiểm tra công tác TCPL lồng ghép trong quá trình kiểm tra công tác tư pháp.

Tại tỉnh Quảng Bình là một trong năm địa phương được thí điểm thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn TCPL của người dân tại cơ sở, là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước thực hiện nhiệm vụ đánh giá cấp xã chuẩn TCPL. Ở cấp huyện đã ban hành các văn bản, kế hoạch thực hiện, thành lập và kiện toàn Hội đồng đánh giá TCPL huyện nhằm đảm bảo cho việc đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn TCPL chính xác và khách quan. Hội đồng đã ban hành

quy chế hoạt động, đánh giá, xem xét, thẩm tra hồ sơ của các xã, phường, thị trấn, ra quyết định công nhận các xã đạt chuẩn TCPL đủ điều kiện.

Để đạt được hiệu quả trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL trên, huy động mọi tầng lớp nhân dân cùng tham gia, UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể thông qua hội nghị tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 619/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2017/TT-BTP, các văn bản, chủ trương của Trung ương và của tỉnh liên quan PBGDPL, hòa giải cơ sở và chuẩn TCPL nói chung. Ngoài ra, UBND cấp huyện còn chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện và các Đài Truyền thanh cơ sở tiến hành phát nội dung của Quyết định số 619/QĐ-TTg, kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL thường xuyên, định kỳ để nhân dân nắm rõ, đồng hành cùng chính quyền hoàn thành việc xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL có hiệu quả hơn. Tỉnh Quảng Bình rất quan tâm, chú trọng công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, việc tuyên truyền được thực hiện quy mô, bài bản và thường xuyên, đem lại hiệu quả lớn góp phần vào việc đạt được những thành công bước đầu trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại địa phương này.

Tại tỉnh Gia Lai, địa phương này đã đẩy mạnh việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Cụ thể, tỉnh Gia Lai đã xây dựng, tích hợp và vận hành “Hệ thống rà soát dữ liệu kết quả thực hiện Quyết định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL” trên Trang thông tin điện tử



PBGDPL tỉnh Gia Lai. Để tổng hợp kịp thời thông tin, số liệu, kết quả đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL trong năm 2021; sau thời gian nghiên cứu, áp dụng Hệ thống thu thập thông tin số liệu của 182 xã trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác theo dõi, đánh giá mức độ đạt đối với “Chỉ tiêu - Xã đạt chuẩn TCPL theo quy định” trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; đầu năm 2022, Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai đã phát triển, cập nhật dữ liệu, hoàn thiện và đưa vào hoạt động “Hệ thống rà soát dữ liệu kết quả thực hiện Quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL - tỉnh Gia Lai” (gọi tắt là Hệ thống) trên nền tảng Biểu mẫu (Forms) và Trang tính (Sheets) của Google, được tích hợp và vận hành trên Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Gia Lai tại đường dẫn liên kết (link): <https://pbgdpl.gialai.gov.vn/chuyen-trang/Chuan-tiep-can-phap-luat/He-thong-RSKQ-CTCPL-GLi>.

Sau khi vận hành, hệ thống cho thấy các ưu điểm: (i) Tiết kiệm về chi phí thiết lập vận hành (khi sử dụng các tiện ích sẵn có và miễn phí trên các nền tảng của Google và khai thác, sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật đã xây dựng của Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Gia Lai); (ii) Hệ thống có thể tùy chỉnh theo thiết kế và nội dung; (iii) Dữ liệu thu thập là các thông tin điểm số các xã, huyện, tỉnh phải công bố, niêm yết công khai theo quy định; mỗi đơn vị cấp xã, Phòng Tư pháp chỉ được đăng ký một email để cập nhật dữ liệu vào hệ thống và chỉ được phân quyền xem kết quả của địa phương; dữ liệu kết quả trên địa bàn tỉnh chỉ được công bố, đăng tải khi kết quả đã được xác thực thông tin, do vậy, yếu tố an toàn thông

tin được bảo đảm; (iv) Dữ liệu được cập nhật nhanh, độc lập giữa kết quả tự đánh giá, chấm điểm (cấp xã), kết quả thẩm tra, công nhận (cấp huyện), cấp tỉnh có thể đối chiếu dữ liệu giữa cấp huyện với cấp xã để theo dõi toàn bộ quá trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL theo quy định...

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Khái niệm, nội dung, hình thức TCPL

1.1. Khái niệm về TCPL

Khái niệm “tiếp cận” theo nghĩa Hán - Việt được giải thích là làm cho một cái gì đó “gần sát nhau” hơn với một cái khác, trong đó thuật ngữ “tiếp” được giải thích là “nối lại, hợp lại, nhận lấy, giáp với, liền với” còn “cận” có nghĩa là gần⁽¹⁾. Thuật ngữ này cũng được hiểu là “kề gần nhau”, là “đến để giao thiệp” hoặc là “tiến sát gần”, là “ở gần, kề cạnh”⁽²⁾.

Như vậy, có thể hiểu “tiếp cận” chính là quá trình tương tác giữa chủ thể này với một chủ thể khác nhằm đạt được một mục đích xác định. Đó là quá trình xích lại gần nhau giữa các chủ thể, giữa các sự vật, hiện tượng, không chỉ về mặt không gian mà còn cả về mặt thời gian, nó cũng chính là quá trình thu hẹp khoảng cách giữa chủ

1 Nguyễn Lâm (2002), *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 718.

2 Nguyễn Như Ý chủ biên (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr. 1637.

thể có nhu cầu tiếp cận với đối tượng. Trong xã hội, khái niệm tiếp cận thường gắn với hoạt động có mục đích, có ý thức của con người, là quá trình nhận thức về một sự vật, hiện tượng, một quá trình để qua đó có thể hình thành tri thức về đối tượng nhằm thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người. Nói đến tiếp cận trước hết phải nói đến chủ thể thực hiện hoạt động có mục đích nhằm hướng tới nhận thức về đối tượng, qua đó hình thành tri thức về đối tượng để có thái độ xử sự phù hợp với những yêu cầu cũng như quy luật khách quan của đối tượng tiếp cận.

Về khái niệm “pháp luật”, xét ở góc độ bản chất, pháp luật được quan niệm là ý chí chung (quy tắc xử sự chung) của cộng đồng được Nhà nước ghi nhận và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Pháp luật chính là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị trong xã hội và là nhân tố điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Hay là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trên cơ sở ghi nhận các nhu cầu về lợi ích của toàn xã hội, được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội với mục đích trật tự và ổn định xã hội vì sự phát triển bền vững của xã hội⁽¹⁾.

Theo định nghĩa tại Khoản 1, Điều 3, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của Quốc hội thì

1 Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), PGS,TS Hoàng Kim Quế (chủ biên), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 288.

quy phạm pháp luật “là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện”; hay nói một cách khác pháp luật dưới góc độ luật học được hiểu như là tổng thể các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí chung của một quốc gia, khu vực, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, và cưỡng chế.

Còn xét về nội dung, pháp luật là những quy tắc xử sự chung của cộng đồng, do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước, để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nhằm duy trì, định hướng, thúc đẩy các quan hệ này phát triển trong trật tự phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng và yêu cầu của thực tiễn với những thuộc tính công bằng, nhân đạo, dân chủ và thể hiện đầy đủ nhất yếu tố lợi ích của các giai tầng trong xã hội, trong đó lợi ích của giai cấp thống trị giữ vị trí trung tâm, chi phối các lợi ích của các giai tầng khác. Tuy nhiên, như vậy mới chỉ thấy được pháp luật là một yếu tố tĩnh mà chưa thấy được cơ chế vận hành của nó trong thực tiễn, trong mối tương quan với các công cụ điều chỉnh xã hội khác, pháp luật cần phải hiểu như một cơ thể sống, thể hiện qua đời sống pháp luật, là pháp luật trong hiện thực, sự vận hành của pháp luật trong thực tiễn.

Khi kết nối “tiếp cận” với “pháp luật” thì chúng ta có thể hình dung “tiếp cận pháp luật” là một quá trình nhận

thức về một hiện tượng xã hội đặc biệt, tồn tại khách quan đó là pháp luật. Nhưng pháp luật ở đây không phải thuần túy là các quy định của pháp luật thực định, nó vừa là pháp luật với tư cách là một yếu tố tĩnh. Nó không chỉ là các quy định của pháp luật mà còn là pháp luật trong thực tiễn, trong sự vận động, phát triển và tương tác với các yếu tố khác, là đời sống pháp luật. Quá trình nhận thức này sẽ giúp chủ thể pháp luật có được những tri thức cơ bản về pháp luật, không chỉ giúp chủ thể nhận thức nắm bắt được những quy định, những nội dung, tinh thần của pháp luật, quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong của pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử mà điều quan trọng hơn là giúp chủ thể nhận thức tìm ra những quy luật cơ bản, điển hình của pháp luật và quy luật vận động của pháp luật trong thực tiễn đời sống với tư cách là một hiện tượng xã hội; thấy được pháp luật như là một bộ phận cấu thành chính thể xã hội, trong sự tương tác qua lại và mối liên hệ lẫn nhau giữa pháp luật với các hiện tượng khác.

Các quan niệm về TCPL hiện nay

Khi bàn về TCPL, hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm về cách hiểu “tiếp cận pháp luật là gì”, mỗi quan điểm thể hiện cái nhìn ở khía cạnh nhất định và đều có lý đúng trong việc nhận định về TCPL. Trong đó có hai quan niệm phổ biến sau đây:

Quan niệm thứ nhất: Có ý kiến đồng nhất với quyền được thông tin pháp luật và tiếp cận dịch vụ pháp lý. Mọi công dân đều có quyền được biết, được nắm bắt các quy định pháp luật, thông tin pháp lý do các chủ thể trong bộ máy nhà nước công khai, cung cấp. Khi nhìn nhận TCPL

ở góc độ là quyền được thông tin pháp luật thì có thể hiểu tính chất đề cập là quyền cơ bản của công dân đã được nêu ra trong Hiến pháp năm 2013 và Luật Tiếp cận thông tin. Còn dịch vụ pháp lý hiểu một cách đơn giản là hoạt động cung cấp những dịch vụ pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan và nảy sinh từ các hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp, v.v... Dịch vụ pháp lý được cung cấp cho người dân gồm nhiều lĩnh vực như: kinh tế, thương mại, hôn nhân và gia đình, lĩnh vực tổ tụng hình sự, dân sự, lao động và việc làm, đất đai, v.v... Thông qua hoạt động dịch vụ pháp lý các cá nhân sẽ nắm bắt được những thông tin pháp lý, quy định pháp luật cần thiết, hướng giải quyết các vấn đề liên quan của mỗi cá nhân. Việc lựa chọn loại hình dịch vụ nào, tổ chức, cá nhân nào cung cấp có thể xem là quyền lựa chọn của người dân, do đó việc tiếp cận các dịch vụ pháp lý thể hiện tính chủ động của người dân trong việc tìm hiểu các quy định pháp luật hay vấn đề pháp lý nào đó hoặc giải quyết vụ việc liên quan pháp luật của bản thân.

Quan niệm thứ hai: Bên cạnh nhìn nhận TCPL như là quyền được thông tin pháp luật nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ của công dân và cũng là trách nhiệm của Nhà nước. Cách tiếp cận này nhấn mạnh đến trách nhiệm của cá nhân trong tiếp cận thông tin pháp luật và việc Nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin pháp luật đến cho mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội. Mọi thông tin pháp luật của Nhà nước phải đảm bảo được công khai, phổ biến rộng rãi. Mỗi cá nhân sống trong xã hội cần phải ít nhiều có sự hiểu biết nhất định về tri thức pháp luật. Khi nhìn nhận TCPL như là nghĩa vụ phải tìm hiểu, nắm

bắt quy định pháp luật của công dân thì TCPL cũng được nhìn nhận ở góc độ là trách nhiệm của Nhà nước trong việc làm thế nào để mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội có điều kiện hiểu biết, nắm bắt các quy định pháp luật; làm cho mỗi cá nhân, tổ chức chấp hành nghiêm các quy định pháp luật, nhằm hướng đến mục tiêu thiết lập trật tự xã hội thông qua công cụ pháp luật mà Nhà nước đã đặt ra. Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (viết tắt UNDP) trình bày trong Khảo sát ý kiến của người dân về TCPL và Tư pháp ở Việt Nam tháng 5 năm 2004, thuật ngữ TCPL được trình bày: *“...tiếp cận pháp luật là khả năng tiếp cận của người dân trong sử dụng các dịch vụ pháp luật công và tư”*. Như vậy, TCPL có thể được hiểu là quyền của người dân được hưởng thụ/sử dụng những thiết chế trong hệ thống pháp luật để qua đó, tìm kiếm sự công bằng và lợi ích hợp pháp. Cũng có thể nói cách khác, TCPL là nghĩa vụ của Nhà nước cung cấp các dịch vụ, các thiết chế pháp luật để đảm bảo sự bình đẳng của các nhóm xã hội trong việc hưởng thụ/sử dụng các dịch vụ pháp lý để có thể được đảm bảo về các quyền và lợi ích hợp pháp.

Dù là quan niệm nào thì cũng đều thừa nhận một vấn đề cốt lõi khi nói về TCPL, đó là TCPL là một quá trình qua đó hình thành tri thức hiểu biết về pháp luật, hình thành ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật, niềm tin pháp luật và hành vi pháp luật, tạo sự gắn kết giữa pháp luật với thực tiễn và sự thể hiện của thực tiễn trong pháp luật. Quá trình này vận động theo xu hướng đi từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ đơn giản đến phức tạp, từ nắm bắt những cái đơn lẻ đến việc nắm bắt cái chung,

từ chỗ nắm bắt được những yếu tố bộ phận đến nắm bắt, hiểu biết sâu sắc và đầy đủ về hệ thống pháp luật. Chủ thể pháp luật từ chỗ nắm bắt những quy định của pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích thiết thân, hàng ngày của mình đến việc hiểu biết những quy định liên quan đến các lĩnh vực, các nhóm quan hệ xã hội theo hướng chuyên sâu theo ngành nghề và cao hơn. Họ có thể hành nghề luật, biết phân tích đầy đủ các khía cạnh pháp lý của hiện thực, dự báo hậu quả pháp lý phát sinh từ việc thực hiện pháp luật; biết lấy kiến thức pháp luật của mình để giúp đỡ người khác; nắm bắt không chỉ từng lĩnh vực pháp luật chuyên sâu mà còn nắm bắt trong chỉnh thể hệ thống pháp luật; nắm bắt mối quan hệ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế; nhận thức các học thuyết pháp luật, trường phái pháp luật, tìm ra quy luật vận động và phát triển của pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử và mối quan hệ giữa pháp luật của quá khứ với pháp luật trong hiện tại và xu hướng vận động của pháp luật trong tương lai để từ đó giúp chủ thể pháp luật nắm bắt các quy luật vận động nội tại của pháp luật và mối quan hệ của pháp luật với các hiện tượng xã hội khác... Quá trình TCPL không chỉ hình thành tri thức hiểu biết về pháp luật mà còn hình thành ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật, tâm lý pháp luật, đời sống pháp luật, hành vi pháp luật, từ đó hình thành ở chủ thể tính tích cực và sự chủ động trong việc tham gia vào các quan hệ xã hội, giúp họ vận dụng tri thức hiểu biết đó vào cải tạo xã hội, cải tạo thực tiễn, kiểm nghiệm tính đúng đắn, khách quan và phù hợp của pháp luật trong thực tiễn.

Quá trình TCPL không chỉ hình thành tri thức hiểu biết về pháp luật mà còn hình thành ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật, tâm lý pháp luật, đời sống pháp luật, hành vi pháp luật, từ đó hình thành ở chủ thể tích cực và sự chủ động trong việc tham gia vào các quan hệ xã hội, giúp họ vận dụng tri thức hiểu biết đó vào cải tạo xã hội, cải tạo thực tiễn, kiểm nghiệm tính đúng đắn, khách quan và phù hợp của pháp luật trong thực tiễn.

Ở góc độ hẹp hơn, TCPL là quá trình nhận thức pháp luật với tư cách là những yếu tố tĩnh, thuần túy pháp lý tách rời các mối quan hệ hiện thực - đó là quá trình nắm bắt những quy định của pháp luật qua việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật, các tiền lệ pháp, các tập quán pháp, giúp chủ thể hình thành tri thức về pháp luật (trong không gian, thời gian xác định). Các tri thức hiểu biết về pháp luật sẽ giúp chủ thể pháp luật nhận thức được giới hạn hành vi được làm, hạn chế làm, hành vi bị nghiêm cấm, hành vi không được làm... Từ đó, giúp mỗi chủ thể pháp luật tránh được những vi phạm, chủ động và tích cực tham gia vào các quan hệ xã hội để thực thi và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích xã hội và lợi ích của chủ thể pháp luật khác; tham gia phòng ngừa, đấu tranh và chống mọi hành vi vi phạm pháp luật.

Như vậy, với những góc độ tiếp cận trên đây cho thấy, TCPL vừa là một nhu cầu khách quan, vừa là yêu cầu đối với chủ thể pháp luật trong xã hội có giai cấp và Nhà nước, khi mà pháp luật trở thành quy tắc xử sự chung của cả cộng đồng và đòi hỏi các cá nhân trong cộng đồng đó

phải có trách nhiệm tuân thủ, tự giác chấp hành. Mỗi chủ thể pháp luật đều cần biết được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, trong cộng đồng, những cái mà xã hội, cộng đồng dành cho mình cũng như giới hạn hành vi được phép hành động. Yêu cầu của xã hội thể hiện ở chỗ pháp luật là ý chí chung, mọi chủ thể đều có trách nhiệm nắm bắt và tuân thủ, qua đó thấy được giới hạn thực hiện hành vi phù hợp với yêu cầu chung của cả cộng đồng và không xâm hại lợi ích của các chủ thể khác.

Như vậy, qua các nội dung phân tích của các tác giả đã nghiên cứu, đề tài đồng nhất quan niệm về TCPL theo hướng tiếp cận của các nghiên cứu trên, do đó có thể hiểu: *TCPL là quá trình nhận thức về pháp luật nhằm hình thành và phát triển ở mỗi cá nhân hệ thống tri thức pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự theo pháp luật.*

1.2. Nội dung TCPL

Nhìn từ góc độ phương pháp luận, nội dung là một phạm trù chỉ tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật, hiện tượng. Với cách tiếp cận này, nội dung của TCPL là tổng hợp những mặt, những yếu tố, những quá trình TCPL, cụ thể bao gồm:

Thứ nhất, quá trình nắm bắt, tìm hiểu, nhận thức về pháp luật và thực tiễn đời sống pháp lý (sự vận hành của pháp luật trong thực tiễn), là quá trình hình thành hệ thống tri thức pháp luật cho bản thân chủ thể TCPL. Quá trình nhận thức pháp luật bao hàm nhiều vấn đề hợp thành như kiến thức hiểu biết cơ bản về pháp luật; những vấn đề nảy sinh trong mối liên hệ với pháp luật hiện

hành; những yêu cầu mang tính chế ước của pháp luật và những vấn đề trong mối quan hệ của việc vận dụng những mệnh lệnh mang tính pháp luật. Thông qua quá trình nhận thức đó, giúp các chủ thể hình thành tri thức hiểu biết về pháp luật một cách hệ thống, toàn diện (bao gồm tri thức hiểu biết về các quy định cụ thể của hệ thống pháp luật thực định được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật và tri thức hiểu biết cơ bản về Nhà nước và pháp luật). Quá trình nhận thức đó được vận hành theo quy luật của quá trình nhận thức, từ biết ít đến biết nhiều, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, từ bộ phận, cá biệt đến tổng thể, hệ thống (bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai) để thấy được quy luật vận động, phát triển và biến đổi của các hiện tượng nhà nước và pháp luật cũng như các quy định của hệ thống pháp luật thực định đặt trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Thứ hai, quá trình vận dụng kiến thức, tri thức hiểu biết về pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong từng sự kiện, hoàn cảnh, tình huống pháp lý cụ thể cũng như quá trình vận dụng, sử dụng pháp luật để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Đây chính là quá trình chuyển tải từ tri thức hiểu biết pháp luật thành hành vi pháp luật cụ thể của chủ thể trong quá trình tham gia vào các quan hệ xã hội, khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa của chủ thể trước Nhà nước, trước xã hội và trước các chủ thể khác. Thông qua quá trình này, giúp các chủ thể nhận thức, ý thức được về các hành vi hợp pháp, hành vi tích cực được xã hội chấp thuận, ủng hộ; các hành vi bất hợp pháp, tiêu cực, bị xã hội lên án, phê phán. Quá trình này không chỉ giúp chủ thể pháp luật nhận thức được hành vi của mình, mà

còn nhận thức được hành vi của chủ thể khác; thấy được các quy tắc, chuẩn mực hành vi xử sự để từ đó lựa chọn biện pháp xử sự phù hợp và tích cực nhất, không xâm hại đến chủ thể khác; đồng thời tham gia vào quá trình duy trì, củng cố trật tự chung, tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Nói cách khác, đây là quá trình gắn liền với việc giải quyết những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày của mỗi cá nhân trong mối quan hệ với sự điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội, qua đó, giúp cho mọi công dân nắm được một cách chung nhất các tình huống pháp luật và cách xử lý đối với các hình huống đó. Sự hiểu biết pháp luật của người dân càng đầy đủ, sâu sắc thì hiện tượng vi phạm pháp luật càng giảm xuống, càng tránh được những trường hợp vi phạm pháp luật do nguyên nhân kém hiểu biết pháp luật.

Thứ ba, quá trình nhận thức về các hành vi xã hội, về sự thâm thấu của pháp luật trong đời sống xã hội, gắn với quá trình tác động của đời sống Nhà nước và pháp luật lên các chủ thể pháp luật, qua đó, giúp các chủ thể pháp luật hình thành tình cảm pháp luật, thói quen ứng xử phù hợp với các chuẩn mực, đòi hỏi của pháp luật. Quá trình này giúp cho mọi thành viên của xã hội nắm bắt kịp thời nội dung các văn bản pháp luật mới được ban hành, biết vận dụng nó vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong đời sống. Từ đó, mỗi người phát huy tinh thần tự giác, tích cực, tham gia xây dựng, thực thi pháp luật, thể hiện quan điểm, chính kiến, thái độ và hành vi ứng xử của mình với pháp luật. Phát huy dân chủ, tinh thần làm chủ của mỗi người dân, để từ đó hình thành văn hóa tuân thủ, chấp hành pháp luật, lấy pháp luật làm chuẩn mực

hành vi của mỗi người để mọi người không chỉ nắm vững quy định của pháp luật, có được tri thức hiểu biết pháp luật đúng đắn, có hệ thống và toàn diện mà còn biết vận dụng pháp luật một cách chính xác, đầy đủ trong những trường hợp, hoàn cảnh, tình huống cụ thể. Chủ thể pháp luật thấy được pháp luật là công cụ bảo vệ mình, kiến tạo sự phát triển xã hội, khai thông mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy những hành vi tích cực, hạn chế những hành vi tiêu cực chứ không phải chỉ là công cụ cai trị, quản lý xã hội và trừng trị đối với các hành vi vi phạm, từ đó giác ngộ, tham gia xây dựng đời sống chính trị, pháp lý, đạo đức của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, ở mức độ sâu hơn, nội dung TCPL còn hướng đến những giá trị, chuẩn mực chung được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Thấy được quy luật vận động, biến đổi, tác động, chi phối của các hiện tượng pháp luật cũng như sự tác động của điều kiện địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa - xã hội, của cả các nhân tố khách quan và chủ quan lên đời sống pháp luật. Từ đó, thấy được quy luật vận động, phát sinh, phát triển và tiêu vong của các hiện tượng pháp luật, hình thành ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật, tư tưởng, học thuyết chính trị - pháp lý để tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, định hướng sự phát triển của xã hội trong trật tự, phù hợp với quy luật vận động tất yếu của pháp luật trong cuộc sống để từ đó hình thành những hành vi phù hợp với quy luật vận động, phát triển của hiện tượng pháp luật.

1.3. Hình thức TCPL

Có nhiều cách phân loại hình thức TCPL, tuy nhiên nếu xét theo vị trí, vai trò của chủ thể pháp luật trong việc

hình thành tri thức pháp luật thông qua tác động của các hình thức TCPL do Nhà nước và xã hội đặt ra để đưa pháp luật đến với người dân có thể rút ra một số hình thức TCPL cơ bản sau đây:

- Hình thức thông tin pháp luật do Nhà nước và các tổ chức đoàn thể xã hội thiết lập nên nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về các quy định của pháp luật để người dân có thể chủ động tiếp cận hoặc tìm hiểu mỗi khi có nhu cầu. Trong đó đáng chú ý nhất là hệ thống thông tin pháp luật mang tính chính thức từ phía Nhà nước để công khai hoá các chủ trương, chính sách, pháp luật cho toàn dân, trong đó đáng lưu ý nhất là Công báo và hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật trên mạng diện rộng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, các địa phương và hệ thống thông tin pháp luật của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo pháp luật, các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống sách báo pháp lý, các nhà xuất bản, trong đó đáng lưu tâm nhất là hệ thống tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Hình thức PBGDPL được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật, các trường học, các thiết chế xã hội, đặc biệt là các hoạt động tích cực của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ.

- Hình thức dịch vụ pháp lý, bao gồm dịch vụ pháp lý có thu phí và không thu phí của luật sư, của các Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm, của các tổ chức đoàn thể xã hội nhằm giúp đỡ, hỗ trợ nhân dân thực hiện quyền và

nghĩa vụ pháp lý cũng như bảo vệ các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

- Hình thức giúp đỡ pháp luật mang tính chất Nhà nước được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức nhà nước, các cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực thi công vụ, giải quyết các công việc gắn liền với các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Hình thức giúp đỡ pháp luật mang tính cộng đồng được thực hiện bởi các tổ chức đoàn thể xã hội trong quá trình giúp đỡ, vận động các thành viên, hội viên thực hiện pháp luật; qua hoạt động của các tổ hoà giải ở cơ sở, các cá nhân có uy tín trong cộng đồng và các cá nhân có kiến thức pháp luật.

Dựa trên cơ sở nội dung quy định về các tiêu chí TCPL, trong phạm vi nghiên cứu đề tài tập trung vào các hình thức TCPL cơ bản của người dân ở xã, phường, thị trấn là hình thức PBGDPL, hình thức thông tin pháp luật do Nhà nước và các tổ chức đoàn thể xã hội thiết lập nên nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về các quy định của pháp luật; hình thức giúp đỡ pháp luật mang tính chất Nhà nước được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức nhà nước và hình thức giúp đỡ pháp luật mang tính cộng đồng (như tổ hoà giải ở cơ sở). Đây là những hình thức TCPL khi thực hiện phù hợp với những điều kiện quản lý, thực thi nhiệm vụ của chính quyền cơ sở.

2. Khái niệm chuẩn TCPL của người dân ở xã, phường, thị trấn

TCPL được xem là quá trình nhận thức, tích lũy sự hiểu biết về pháp luật của người dân nhằm hướng đến

nâng cao tri thức pháp luật, ý thức của người dân về tính nghiêm minh của luật pháp, nếu suy rộng ra cũng chính là việc bảo đảm quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và được đánh giá thông qua kết quả thực hiện trách nhiệm của chính quyền nói chung, khi xét cụ thể ở từng địa phương xã, phường, thị trấn thì đó chính là trách nhiệm của chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn.

Chuẩn TCPL của người dân ở xã, phường, thị trấn có thể hiểu là những yêu cầu, điều kiện đặt ra nhằm đánh giá hoàn thành trách nhiệm của chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn trong việc bảo đảm quyền, lợi ích cũng như đảm bảo quá trình nhận thức về pháp luật của người dân với các điều kiện phù hợp nhằm mục đích nâng cao ý thức pháp luật, hình thành tình cảm pháp luật và hành vi xử sự theo đúng pháp luật của người dân ở địa bàn xã, phường, thị trấn.

Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL chính là việc thực hiện các nhiệm vụ như: xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân; đánh giá việc thực hiện tiêu chí, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; lồng ghép trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Như vậy, chuẩn TCPL phải được hiểu là chính quyền cấp xã phải bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin về pháp luật của công dân; bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật; thực hiện tốt thủ tục hành chính; thực hiện dân chủ ở cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở ở một mức độ tối đa; phải thực hiện nghiêm chỉnh Luật PBGDPL, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở và các Luật có liên quan như Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định liên quan đến thực hiện các thủ tục hành chính. Người dân phải có hiểu biết pháp luật, nắm vững pháp luật, dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng pháp luật; các cơ quan nhà nước và người thi hành công vụ phải thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ trách nhiệm được giao theo Luật để bảo đảm thực hiện đầy đủ nhất các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Các tổ chức đoàn thể xã hội, nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận và người dân phải được tham gia, giám sát việc thực hiện.

Việc triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL sẽ nâng cao nhận thức pháp luật trong toàn xã hội, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin về pháp luật của công dân, mà còn bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất, phát huy và thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực thi trên thực tế các quyền con người, quyền công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính tại cấp xã và kịp thời giải tỏa mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật ngay tại cộng đồng dân cư, không để tranh chấp, mâu

thuần, xung đột đẩy lên cao gây ra bất ổn xã hội. Qua thực hiện tốt nhiệm vụ này còn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ; cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

II. GIÁ TRỊ XÃ HỘI CỦA PHÁP LUẬT VÀ VAI TRÒ, Ý NGHĨA CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL

1. Giá trị xã hội của pháp luật ở Việt Nam

1.1. Quan niệm về giá trị xã hội của pháp luật

Trong khoa học lý luận về pháp luật, giá trị xã hội của pháp luật là một trong những khái niệm cơ bản phản ánh bản chất, vai trò và kết quả tác động của pháp luật tới xã hội nói chung, từng lĩnh vực xã hội nói riêng. Cho tới nay, trong khoa học pháp lý ở Việt Nam, khái niệm “giá trị xã hội của pháp luật” đã có một số nghiên cứu làm sáng tỏ, tuy nhiên khái niệm này được đưa ra với những quan điểm còn chưa hoàn toàn đồng nhất với nhau. Trong một số công trình, các nhà nghiên cứu chủ yếu nêu ra các yếu tố cấu thành nội dung giá trị xã hội của pháp luật hay chỉ dừng lại ở việc mô tả bề ngoài giá trị xã hội của pháp luật, thậm chí còn đồng nhất khái niệm “giá trị xã hội của pháp luật” với “vai trò xã hội của pháp luật”.

Trước hết, cần tìm hiểu khái niệm “giá trị” của một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội. Theo *Từ điển tiếng Việt*, “giá trị” là “Cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa,

là đáng quý về một mặt nào đó”; “Tác dụng, hiệu lực”⁽¹⁾. Như vậy, giá trị xã hội của pháp luật là “cái làm cho” pháp luật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó của xã hội hay cho cả xã hội; là tác dụng, hiệu lực của pháp luật đối với một mặt nào đó của xã hội hoặc cho cả xã hội. Nếu hiểu vấn đề theo cách đó thì giá trị xã hội của pháp luật là tổng thể những yếu tố hữu ích bên trong của pháp luật, nhờ đó mà pháp luật có tác dụng tích cực đối với xã hội. Nếu hiểu theo quan niệm này thì giá trị xã hội của pháp luật vừa là phẩm chất, nội dung hữu ích bên trong của pháp luật, vừa là kết quả thực tế tích cực của sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội. *Theo nghĩa thứ nhất*, giá trị xã hội của pháp luật được biểu hiện trong nội dung các quy định pháp luật. *Trong nghĩa thứ hai*, giá trị xã hội của pháp luật được biểu hiện ở một trật tự xã hội với những lợi ích, thành tựu, giá trị về vật chất và tinh thần mà pháp luật đem đến cho xã hội, đó là những kết quả tích cực cụ thể của sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội cơ bản trên các lĩnh vực đời sống xã hội của con người mà sự điều chỉnh pháp luật đó thông qua hoạt động của Nhà nước.

Để nhìn nhận đầy đủ về giá trị xã hội của pháp luật trước hết phải nhận thức về chức năng của pháp luật. Về chức năng của pháp luật cần phải xuất phát từ các tiền đề sau:

- Pháp luật với tư cách là một hiện tượng thuộc thượng tầng kiến trúc suy cho cùng được quy định bởi các điều kiện vật chất của đời sống xã hội và cùng với những thay

1 *Từ điển tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Chủ biên: Hoàng Phê, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 1996, tr. 371.

đổi của các điều kiện đó các chức năng của pháp luật cũng được biến đổi. Ở nghĩa đó, các chức năng của pháp luật được phát sinh từ hệ thống các quan hệ xã hội được biểu hiện dưới hình thức pháp lý, dù rằng các chức năng đó phụ thuộc vào các thuộc tính đặc thù và nội dung của chính pháp luật.

- Pháp luật là sản phẩm của hoạt động có ý thức của con người nhằm bảo đảm và bảo vệ cá nhân, các nhóm xã hội, các giai tầng và các giai cấp, nhằm đạt được các mục đích chung của sự phát triển xã hội. Ở nghĩa đó, việc điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội bằng cách này hay cách khác liên quan với việc giải quyết các nhiệm vụ do cuộc sống xã hội đặt ra đối với pháp luật ở giai đoạn phát triển lịch sử đó.

- Pháp luật là một trong những yếu tố của hệ thống xã hội và các yếu tố của hệ thống đó đều ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận hợp thành của nó.

Chức năng của pháp luật là những phương diện, mặt tác động chủ yếu của pháp luật phản ánh bản chất giai cấp và giá trị xã hội của pháp luật.

Chính vì vậy cần phải xem xét, nghiên cứu các chức năng xã hội của pháp luật trong hệ thống thống nhất của sự quản lý xã hội và cả trong mối quan hệ lẫn nhau với các nhân tố kinh tế, xã hội, chính trị và tư tưởng riêng của sự phát triển xã hội.

Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng cần xem xét chức năng xã hội của pháp luật trên các chức năng cơ bản sau:

Một là, chức năng điều chỉnh: Chức năng điều chỉnh

của pháp luật thể hiện vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Pháp luật được đặt ra nhằm hướng tới sự điều chỉnh các quan hệ xã hội. Sự điều chỉnh của pháp luật lên các quan hệ xã hội được thực hiện theo hai hướng: một mặt pháp luật ghi nhận các quan hệ xã hội chủ yếu trong xã hội. Mặt khác pháp luật bảo đảm cho sự phát triển của các quan hệ xã hội. Như vậy pháp luật đã thiết lập “trật tự” đối với các quan hệ xã hội, tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị, phù hợp với quy luật vận động khách quan của các quan hệ xã hội.

Hai là, chức năng bảo vệ: Chức năng bảo vệ là công cụ bảo vệ các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Khi có các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế được quy định trong bộ phận chế tài của các quy phạm pháp luật đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Chẳng hạn hành vi xâm phạm tính mạng sức khỏe con người bị xử lý theo Luật Hình sự, hành vi gây thiệt hại tài sản buộc phải bồi thường theo Luật Dân sự.

Ba là, chức năng giáo dục: Chức năng giáo dục của pháp luật được thực hiện thông qua sự tác động của pháp luật vào ý thức của con người, làm cho con người xử sự phù hợp với cách xử sự được quy định trong các quy phạm pháp luật. Việc giáo dục có thể được thực hiện thông qua tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, có thể thông qua việc xử lý những cá nhân, tổ chức vi phạm (phạt những hành vi vi phạm giao thông, xét xử những người phạm tội hình sự,...).

Xuất phát từ các vấn đề đã phân tích ở trên có thể đưa ra định nghĩa pháp luật như sau: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật là công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước.

Chức năng giao tiếp của pháp luật: Một trong những khái niệm cơ bản của khoa học xã hội trong giai đoạn hiện nay là khái niệm và mối liên hệ nhân quả - thông tin. Khái niệm đó có ý nghĩa rất lớn ở khía cạnh quản lý sự phát triển xã hội. Hoạt động sống về mặt xã hội của các cá nhân liên quan chặt chẽ hữu cơ với việc thu nhận, tiếp nhận, chiếm lĩnh, lưu giữ và sử dụng thông tin xã hội. Thông tin pháp luật là một trong những dạng của thông tin xã hội mang tính chất mệnh lệnh, quy định. Với sự hỗ trợ của quy phạm pháp luật, quan điểm của Nhà nước về hành vi đòi hỏi phải có hành vi cho phép hoặc cấm đoán được thông báo cho những người tham gia các quan hệ xã hội. Như vậy, trong hoạt động của mình - hoạt động cá nhân hoặc tập thể, các công dân được thông tin về các phương pháp và các biện pháp của việc đạt được các kết quả cần thiết, về các hậu quả của việc vi phạm các quy định của pháp luật.

1.2. Giá trị xã hội của pháp luật được thể hiện ở những khía cạnh

Thứ nhất, pháp luật đảm bảo cho việc thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước.

Có thể khẳng định rằng quốc gia chẳng thể tồn tại nếu thiếu pháp luật và luật pháp không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của bộ máy quốc gia. Trong khoa học có những quan điểm nhấn mạnh ý nghĩa tuyệt đối của quyền lực nhà nước, coi đó là cái nảy sinh (cái thứ nhất), còn pháp luật chỉ là cái phái sinh (cái thứ hai); hoặc coi pháp luật đứng trên quốc gia, quốc gia phải tuyệt đối phục tùng luật pháp... là chưa có cơ sở xứng đáng vì: *Một là*, tuy pháp luật do nhà nước ban hành, nhưng luật pháp không phải chỉ là kết quả của tư duy chủ quan một cách đơn thuần, mà nó còn xuất phát từ những nhu cầu khách quan của tầng lớp. Luật pháp chỉ có thể đi vào cuộc sống nếu như nó tương đồng với trình độ phát triển kinh tế xã hội. *Hai là*, pháp luật cũng còn cần có quyền lực quốc gia bảo đảm mới có thể phát huy tác dụng trong thực tại đời sống. Do vậy nói pháp luật đứng trên nhà nước là không thực tại. *Ba là*, nhu cầu về luật pháp còn là nhu cầu tự thân của bộ máy quốc gia. Bộ máy nhà nước là một thiết chế phức tạp bao gồm nhiều bộ phận (nhiều cơ quan). Để bộ máy đó hoạt động có hiệu quả đòi hỏi phải xác định đúng chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi loại cơ quan, mỗi cơ quan; phải xác lập mối quan hệ đúng đắn giữa chúng; phải có những phương pháp tổ chức và hoạt động thích hợp để tạo ra một cơ chế đồng bộ trong quá trình thiết lập và thực thi quyền lực quốc gia. Tất cả những điều đó chỉ có thể thực hành được khi dựa trên cơ sở vững chắc của những nguyên tắc và quy định cụ thể của luật pháp. Thực tế cho thấy khi chưa có một hệ thống quy phạm luật pháp về tổ chức đầy đủ, đồng bộ, hiệp nhất và chính xác để làm cơ sở cho việc củng cố và hoàn thiện

bộ máy quốc gia thì dễ dẫn đến tình trạng trùng, chồng chéo, thực hành không đúng chức năng, thẩm quyền của một số cơ quan quốc gia, bộ máy sẽ sinh ra công kênh và kém hiệu quả. Pháp luật có vai trò quan yếu trong việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi loại cán bộ, mỗi cán bộ làm việc trong từng cơ quan cụ thể của bộ máy quốc gia. Nhờ có luật pháp, các hiện tượng lạm quyền, bao biện, vô trách nhiệm... của hàng ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước dễ dàng được phát hiện và loại trừ.

Thứ hai, pháp luật đảm bảo cho những chủ thể có ngang quyền với nhau thực hiện những nhu cầu về quyền lựa chọn hành vi và trách nhiệm của mình thông qua các phạm trù pháp lý: quyền chủ thể, nghĩa vụ chủ thể, năng lực hành vi... Pháp luật là thước đo trong mối quan hệ giữa các thiết chế quyền lực. Ví như giữa là thước đo các quan hệ trên - dưới như quan hệ Trung ương và địa phương. Việc thiết lập mối quan hệ này phải tuân theo các quy định của pháp luật về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở “bình đẳng trước pháp luật”. Pháp luật là cơ sở cho hoạt động của các thiết chế quyền lực, còn các thiết chế quyền lực phải thực sự đảm bảo để cho pháp luật có được thuộc tính công bằng, bình đẳng và dân chủ. Bên cạnh đó, pháp luật còn tạo ra mối quan hệ bình đẳng giữa nhân dân với chính quyền. Nhờ đó mà nhà nước mới thực sự là nhà nước của nhân dân, vì nhân dân, tạo nên môi trường pháp lý đúng đắn, dân chủ, công khai,... Với những đặc điểm riêng của mình, luật pháp có khả năng triển khai những chính sách của nhà nước một cách nhanh nhất, đồng bộ và có hiệu quả nhất trên quy

mô rộng lớn nhất. Cũng nhờ có luật pháp, quốc gia có cơ sở để phát huy quyền lực của mình và kiểm soát các hoạt động của các tổ chức, các cơ quan nhà nước và mọi công dân.

Thứ ba, pháp luật là công cụ và là cơ sở để nhận thức xã hội. Xuất phát từ tính quy phạm của pháp luật đã hình thành và phát triển trong lịch sử, chúng ta có thể hình dung các quan hệ xã hội của xã hội loài người từ khi phân chia thành giai cấp đến nay. Nó duy trì một trật tự xã hội mà trong đó các giai cấp và các nhóm xã hội có lợi ích khác nhau, đấu tranh với nhau cùng tồn tại, tạo tiền đề cần thiết cho sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, pháp luật mang tính giai cấp. Nó trước hết là công cụ của giai cấp thống trị nhằm duy trì địa vị thống trị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, đàn áp mọi sự phản kháng của các giai cấp và các tầng lớp xã hội khác. Như vậy, pháp luật là công cụ điều chỉnh và điều hòa các quan hệ xã hội trong xã hội có sự phân chia giai cấp với những lợi ích khác biệt nhau.

Pháp luật của bất cứ xã hội nào cũng có vai trò điều chỉnh và điều hòa các quan hệ xã hội. Nhưng vai trò đó không phải là bất biến. Xã hội càng phát triển thì vai trò nói trên của pháp luật càng lớn, mà vai trò xã hội của pháp luật càng lớn thì càng tạo ra các tiền đề, điều kiện cho sự tiêu vong của chính nó: tính cưỡng chế giảm, phạm vi các quan hệ xã hội được chuyển từ lĩnh vực điều chỉnh của pháp luật sang lĩnh vực điều chỉnh của các quy phạm xã hội càng tăng. Trên cơ sở đánh giá về tính điển hình, tính quy luật và chuẩn mực ổn định của pháp luật mà ta có thể từ pháp luật hiểu, nhận thức được một cách khoa học

lịch sử của các quan hệ xã hội trong quá khứ. Xuất phát từ tính quy phạm của pháp luật chúng ta có thể thêm một phương pháp nghiên cứu xã hội, ngoài những phương pháp của các khoa học xã hội khác như: triết học, kinh tế chính trị học, xã hội học,...

Thứ tư, pháp luật khi được chính thức ban hành có giá trị và đăng tải thông tin, định hướng hành vi xã hội, tác động mạnh mẽ vào ý thức và tâm lý xã hội. Pháp luật là phương tiện thông báo quan điểm chính thức của Nhà nước, của xã hội về khuôn mẫu, hành vi về mô hình giải quyết các vấn đề và phương thức điều chỉnh các giá trị xã hội thông qua pháp luật, các chủ thể có thể biết được những phương thức, biện pháp, và phương tiện dùng để đạt được mục đích của hành vi. Đồng thời, pháp luật cũng chỉ rõ những hậu quả pháp lý có thể xảy ra (có thể là khuyến khích, có thể là các chế tài cưỡng chế) để các chủ thể điều chỉnh hành vi cho phù hợp. Pháp luật là hiện thân của công bằng xã hội, là công cụ bảo vệ hữu hiệu nhất quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân không một chế định nào có thể thay thế được. Pháp luật không chỉ đơn thuần là công cụ nặng về tính chất trừng trị mà còn là kim chỉ nam định hướng hành vi, định hướng lối sống và là công cụ mang giá trị hữu ích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi cá nhân. Từ đó các chủ thể pháp luật xây dựng, hình thành cho mình tình cảm, thái độ pháp luật đúng đắn và chuyển biến thành hành vi tích cực, tự giác, phù hợp với những đòi hỏi, yêu cầu của pháp luật; chủ động, tự giác, tích cực vận dụng pháp luật để thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định, tham gia quản lý nhà

nước và xã hội, tôn trọng trật tự chung, tôn trọng quyền, lợi ích của chủ thể khác, phòng ngừa, đấu tranh và chống hành vi vi phạm pháp luật.

2. Vai trò, ý nghĩa của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

Pháp luật do nhà nước ban hành không phải lúc nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Bản chất pháp luật của nhà nước ta là tốt đẹp, nó phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội. Tuy nhiên, dù những quy định pháp luật có tốt đẹp nhưng không được nhân dân biết đến thì vẫn không đi vào cuộc sống. Chính vì vậy, việc đảm bảo các điều kiện TCPL cho người dân đóng vai trò rất quan trọng trong quản lý nhà nước và xã hội, đặc biệt là trong việc góp phần nâng cao dân trí và hướng đến xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Vai trò của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL thể hiện rõ nét trên hai khía cạnh sau:

Thứ nhất, đối với hoạt động quản lý nhà nước: thực hiện nhiệm vụ này sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ; góp phần giữ gìn trật tự, kỷ cương, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là đối với chính quyền ở cơ sở; góp phần nâng cao hiểu biết, kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở. Việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL có tác động trực tiếp đến hoạt động của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt

chuẩn TCPL sẽ giúp chính quyền cấp xã thấy được những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ chuyên môn để có giải pháp khắc phục, thực hiện đạt kết quả tốt hơn, bảo vệ và phát huy quyền con người trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Thứ hai, đối với xã hội: thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL có vai trò góp phần nâng cao ý thức pháp luật, văn hoá pháp lý cho nhân dân, tăng cường sự hiểu biết pháp luật, khuyến khích thói quen ứng xử theo pháp luật, đảm bảo trật tự, kỷ cương xã hội, góp phần vào việc phòng ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức và công dân. Xét ở góc độ rộng hơn còn có vai trò nhằm bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền công dân; duy trì xã hội phát triển ổn định, bền vững; phòng ngừa, hạn chế xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn, không để xung đột nảy sinh tạo thành xung đột xã hội. Xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Một trong những vai trò cơ bản của pháp luật đối với nhà nước, đối với đời sống xã hội là: pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước. Đổi lại, thông qua quyền lực nhà nước, pháp luật mới có thể phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, phát huy vai trò quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Hệ thống pháp luật là “con đường”, là cái “khung pháp lý” do nhà nước vạch ra để mọi tổ chức, mọi công dân dựa vào đó mà tổ chức, hoạt động và phát triển. Đảm bảo cho người dân đủ điều kiện TCPL góp phần đem lại cho mọi người có tri

thức pháp luật, xây dựng tình cảm pháp luật đúng đắn và có hành vi hợp pháp, biết sử dụng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

3. Vai trò của công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ tiêu chí được thực hiện nhằm đánh giá, xây dựng xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 gồm 19 tiêu chí và 39 chỉ tiêu thành phần, trong đó phần lớn các tiêu chí, chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất; ít các tiêu chí, chỉ tiêu về văn hóa, không có tiêu chí, chỉ tiêu về TCPL. Điều đó thể hiện tinh thần thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất đi trước một bước, phù hợp với giai đoạn trước.

Bước sang giai đoạn 2016 - 2020, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo Hiến pháp năm 2013, vấn đề cải cách tư pháp, cải cách hành chính; xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và thực thi công khai đòi hỏi Đảng và Nhà nước quan tâm. Ngày 16/8/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ký, ban hành Quyết định số 1600/QĐ- TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Ngày 17/10/2016, Thủ

tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Nhóm tiêu chí quy hoạch gồm tiêu chí quy hoạch với 02 chỉ tiêu;

2. Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội gồm 08 tiêu chí: Giao thông; Thủy lợi; Điện; Trường học; Cơ sở vật chất văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Nhà ở và dân cư với 19 chỉ tiêu;

3. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất gồm 04 tiêu chí: Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm và Tổ chức sản xuất với 05 chỉ tiêu;

4. Nhóm tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường gồm 04 tiêu chí: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa; Môi trường và An toàn thực phẩm với 15 chỉ tiêu;

5. Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị gồm 02 tiêu chí: Hệ thống chính trị và TCPL; Quốc phòng và An ninh với 08 chỉ tiêu, trong đó nội dung TCPL là chỉ tiêu số 5 của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và TCPL: “18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”.

Bộ Tư pháp được giao chủ trì, hướng dẫn tiêu chí thành phần 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”.

Như vậy, một trong những điểm mới quan trọng của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là đã bổ sung vào tiêu chí 18 “Hệ thống chính trị và pháp luật” tiêu chí thành phần 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”. Lần đầu tiên chuẩn TCPL được xác định và trở thành một trong nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Việc bổ sung tiêu chí TCPL là một nội dung thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm gắn kết, thực hiện toàn diện các mục tiêu, nội dung xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg; bảo đảm và tăng cường khả năng TCPL cho người dân tại cơ sở, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền xã; đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, khẳng định vai trò của pháp luật và ngành Tư pháp trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL áp dụng từ năm 2017 đến hết năm 2021, kể từ ngày 01/01/2022 áp dụng theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, cả hai văn bản đều quy định về các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL. Các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL là căn cứ để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn

mới có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích và nâng cao năng lực TCPL cho người dân, thúc đẩy thực hiện toàn diện mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân mà Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đề ra. Điểm cần lưu ý ở đây là Quyết định số 619/QĐ- TTg quy định việc xây dựng, đánh giá đạt chuẩn TCPL và kể cả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không chỉ đối với các xã mà áp dụng cho cả các phường và thị trấn trong cả nước. Vì vậy, đối với các xã đăng ký xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì khi đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn TCPL cần đặt trong tổng thể các quy định về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo gắn kết, đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ được giao.

Việc bổ sung tiêu chí TCPL trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã còn nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các chính sách trong hệ thống pháp luật; việc lựa chọn, xây dựng và đưa các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL phù hợp vào Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Bên cạnh đó, việc triển khai gắn kết nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn TCPL và xã đạt chuẩn nông thôn mới còn nhằm tận dụng, tiết kiệm nguồn lực của nhà nước khi tổ chức triển khai; hơn nữa, các địa phương cũng sẽ nhanh chóng nắm bắt được nội dung để tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí TCPL do đã tương đối quen thuộc với phương thức tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

III. NỘI DUNG VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL

1. Nội dung của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL chủ yếu tập trung vào việc thực hiện một số nội dung như:

Một là, xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL và tăng cường khả năng TCPL cho người dân. Đây là nội dung quan trọng đầu tiên trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, cơ quan nhà nước ở Trung ương (Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp) xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL và tăng cường khả năng TCPL cho người dân. Trên cơ sở các văn bản của cơ quan nhà nước ở Trung ương, các địa phương sẽ ban hành chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu cơ bản trong chương trình, kế hoạch của các cơ quan nhà nước cấp trên. Có thể nói việc xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL đóng vai trò rất quan trọng, là bước khởi đầu cho mục tiêu xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Trong đó, nội dung chính của xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL bao gồm việc xác định các mục tiêu và mục đích cuối cùng; tổ chức huy động và bố trí nguồn lực thực hiện cho phù hợp và phân công trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân liên quan.

Hai là, việc tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Ba là, thực hiện việc rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí TCPL; công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng TCPL cho người dân tại cơ sở.

Bốn là, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Năm là, tiến hành lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo.

Sáu là, thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

2. Các tiêu chí đánh giá

Các tiêu chí đánh giá TCPL được quy định tại Điều 5, Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL (viết tắt Quyết định số 619/QĐ-TTg) gồm có 5 tiêu chí. Đến ngày 22/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL (viết tắt Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg) áp dụng từ ngày 01/01/2022; các tiêu chí TCPL được quy định tại Điều 3 cũng bao gồm 5 tiêu chí, cụ thể:

	Quyết định số 619/QĐ-TTg	Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý
Tiêu chí 4	Hòa giải ở cơ sở	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Bảng 1.1. Các tiêu chí giữa Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Thông qua đối chiếu so sánh, nghiên cứu nội dung quy định các tiêu chí theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 và Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày

22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhận thấy rằng giữa hai nội dung văn bản quy định về tiêu chí TCPL đều tập trung vào các vấn đề cốt lõi, đó là 6 vấn đề: các thiết chế TCPL cho người dân; nhiệm vụ thi hành hiến pháp và pháp luật của chính quyền cấp xã; giải quyết các thủ tục hành chính; nhận thức, ý thức chấp hành luật pháp của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở và vấn đề thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Do đó, trong phần này đề tài tập trung làm rõ các nội dung nghiên cứu về các tiêu chí xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL gồm các vấn đề cốt lõi sau đây:

2.1. Tổ chức, hoạt động của các thiết chế TCPL cho người dân ở cấp xã

Tổ chức hoạt động của các thiết chế TCPL là điều kiện cơ bản để đáp ứng các nhu cầu TCPL của người dân. Ở cấp xã, việc thực hiện nhiệm vụ cung cấp các điều kiện TCPL cho người dân cũng chính là nhiệm vụ được phân công cho HĐND, UBND xã, công an xã, tổ hòa giải và hòa giải viên, tuyên truyền viên pháp luật... Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, tiến hành hệ thống hóa vai trò, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thiết chế này trong một chỉnh thể thống nhất. Đồng thời phân tích về các điều kiện tiếp cận của người dân đến các thiết chế này để phản ánh xu hướng tiếp cận của người dân đối với các thiết chế và các dịch vụ pháp luật được cung cấp ở cấp xã.

2.2. Tổ chức, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành hiến pháp và pháp luật của chính quyền cấp xã

Nội dung này nghiên cứu về kết quả thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp

luật thuộc thẩm quyền của cấp xã và kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Mục đích đánh giá tiêu chí này nhằm đo lường trách nhiệm, năng lực xây dựng, ban hành và hiệu quả tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền và kế hoạch, văn bản khác nhằm triển khai thi hành kịp thời Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên của chính quyền cấp xã. Đồng thời nó cũng phản ánh, đánh giá thực trạng và đo lường khả năng, mức độ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn của chính quyền cấp xã.

2.3. Tổ chức giải quyết các thủ tục hành chính của chính quyền cấp xã

Nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai thủ tục hành chính; bảo đảm nguồn lực (bố trí địa điểm, công chức) để tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo thẩm quyền; kết quả giải quyết các thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính. Mục đích nghiên cứu của nội dung này là:

Thứ nhất, đánh giá, đo lường mức độ bảo đảm các điều kiện cần thiết; trách nhiệm thực hiện các hoạt động công vụ nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công vụ, trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ công chức cấp xã trong việc đáp ứng nhu cầu TCPL của người dân.

Thứ ba, xây dựng giải pháp nâng cao năng lực, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cải thiện điều kiện TCPL cho người dân, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, góp phần thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính nói riêng và cải cách hành chính nhà nước nói chung.

2.4. Nhận thức, ý thức chấp hành luật pháp của người dân

Nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân; cung cấp thông tin pháp luật; lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách pháp luật mới cho cán bộ, công chức; triển khai các hoạt động PBGDPL cho nhân dân, đối tượng đặc thù; sử dụng các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật; đối thoại chính sách, pháp luật; bảo đảm kinh phí cho công tác PBGDPL.

Việc đánh giá nội dung về PBGDPL nhằm mục đích:

Thứ nhất, đo lường, đánh giá trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong việc tổ chức thực thi các hoạt động PBGDPL; đo lường mức độ tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp

luật của chính quyền nhằm bảo đảm, tạo điều kiện cho người dân TCPL;

Thứ hai, đánh giá thực trạng, tính hiệu quả của các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ người dân TCPL;

Thứ ba, đo lường mức độ, trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm các nguồn lực về kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, qua đó tạo điều kiện cho người dân TCPL.

2.5. Khả năng tiến hành hòa giải ở cơ sở

Nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về thành lập, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải; bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải, nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở; giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; bố trí kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải. Việc đánh giá nội dung về công tác hòa giải nhằm mục đích:

Thứ nhất, đo lường, đánh giá tổ chức, hoạt động và hiệu quả của thiết chế hòa giải ở cơ sở - một trong những hoạt động thuận lợi cho người dân tại địa bàn cơ sở TCPL.

Thứ hai, đo lường mức độ, trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm kinh phí hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, qua đó tạo điều kiện cho người dân TCPL.

2.6. Phát huy dân chủ ở cơ sở của các cơ quan, tổ chức của cá nhân

Nội dung đánh giá về kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai, minh bạch các nội dung về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định; kết quả thực hiện các nội dung

cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp hoặc được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát.

Mục đích của tiêu chí này nhằm đo lường mức độ bảo đảm của Nhà nước trong việc phát huy quyền làm chủ của người dân tại cơ sở và đánh giá, đo lường mức độ tham gia và tiếp cận của người dân đối với nội dung công khai để nhân dân biết, nội dung nhân dân bàn và quyết định; nội dung nhân dân tham gia ý kiến và nội dung nhân dân thực hiện giám sát.

IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL

1. Đối với UBND cấp xã

UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) tổ chức triển khai việc tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá kết quả đạt chuẩn TCPL theo quy trình sau đây:

Bước 1:

Các công chức chuyên môn cấp xã theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tự chấm điểm, tổng hợp kết quả; lấy ý kiến và tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả tại cơ sở; chuẩn bị tài liệu đánh giá; đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có).

Bước 2:

Xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn TCPL, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo đánh giá và Bản tổng hợp điểm số được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, đối với chỉ tiêu 4 của tiêu chí 5 (theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL) thì sử dụng kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, quy định các điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL bao gồm đủ các điều kiện sau:

- + Tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên;
- + Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên;
- + Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bước 3:

Niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn TCPL, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu tại trụ sở làm việc của UBND cấp xã trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày; đăng tải trên Cổng (hoặc Trang)

thông tin điện tử trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày hoặc thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) ít nhất 03 (ba) lần trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày.

Bước 4:

Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ, khách quan ý kiến của nhân dân, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) về Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn TCPL, bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và các vấn đề khác liên quan đến việc chấm điểm, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

Bước 5:

Tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn TCPL của xã, phường, thị trấn. Cuộc họp do đại diện lãnh đạo UBND cấp xã chủ trì. Thành phần cuộc họp bao gồm các công chức chuyên môn được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện Công an cấp xã; đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; trưởng thôn, làng, bản, ấp, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn); tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố).

Bước 6:

Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, phường, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn TCPL quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg thì UBND cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến Phòng Tư

pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Trường hợp đối với xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn TCPL thì UBND cấp xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn TCPL, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá để Phòng Tư pháp tổng hợp, lập danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn TCPL trình Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Đối với UBND cấp huyện

UBND cấp huyện tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL theo quy trình sau đây:

Bước 1:

Phòng Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL của xã, phường, thị trấn; yêu cầu UBND cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có). UBND cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Bước 2:

Tổ chức cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng để tư vấn, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL của xã, phường, thị trấn.

Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL tư vấn, giúp Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: thẩm định, đánh giá hồ sơ, kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL; tư vấn các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND cấp huyện giao.

Về thành phần Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL bao gồm:

- + Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

- + Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phòng Tư pháp; mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

- + Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện; mời đại diện lãnh đạo Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham gia Hội đồng;

- + Thư ký Hội đồng: Công chức Phòng Tư pháp.

Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định nhưng không quá 15 người. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Bước 3:

Căn cứ kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ và trình

Chủ tịch UBND cấp huyện (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

Hồ sơ trình bao gồm: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL của xã, phường, thị trấn; Báo cáo thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL kèm theo biên bản cuộc họp hoặc Bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng (nếu không tổ chức cuộc họp); Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, phường, thị trấn do Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL thẩm định; dự thảo Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL kèm theo danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn TCPL.

Bước 4:

Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá. Việc công bố kết quả thực hiện trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của UBND cấp huyện trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

V. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL

Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan. Các yếu tố chủ quan được hiểu là những yếu tố tồn tại bên

trong ý thức của các chủ thể là cá nhân, tổ chức (cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các tổ chức đoàn thể, người dân, v.v..) trong hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, chi phối quan niệm, nhận thức và hoạt động thực tiễn của họ; từ đó, ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả của hoạt động nhiệm vụ này. Các yếu tố khách quan được hiểu là các yếu tố tồn tại bên ngoài nhận thức, quan niệm của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Tất nhiên, sự phân chia các yếu tố chủ quan và khách quan chỉ mang ý nghĩa tương đối, vì về cơ bản, các yếu tố này luôn nằm trong sự đan xen và có quan hệ mật thiết với nhau. Điều đó giúp giải thích tại sao, cùng trong điều kiện, hoàn cảnh như nhau, hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL ở nơi này thì diễn ra tích cực, đạt hiệu quả cao; ở nơi khác lại mang tính chất cầm chừng và hiệu quả kém hơn. Các yếu tố chủ quan và khách quan đan xen lẫn nhau và thể hiện tập trung qua 5 yếu tố chính: (i) chính sách, pháp luật của Trung ương và địa phương về xây dựng cấp xã chuẩn TCPL; (ii) năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở; (iii) trình độ nhận thức của công dân về luật pháp; (iv) sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức của địa phương trong xây dựng cấp xã chuẩn TCPL; (v) nguồn lực cho công tác xây dựng xã đạt chuẩn TCPL.

1. Chính sách, pháp luật của Trung ương và địa phương về xây dựng cấp xã chuẩn TCPL

Đây là yếu tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại các địa phương, được chính quyền từ Trung ương tới địa phương quan tâm thực hiện, nhất là việc thể chế hóa

bằng những văn bản quy phạm pháp luật như Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu TCPL, Hội đồng đánh giá TCPL và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL. Trong năm 2021, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, đây là 2 văn bản quan trọng nhất về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được áp dụng kể từ 01/01/2022.

2. Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở

Nhân tố con người (cán bộ, công chức thực hiện, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở) là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Đối với các địa phương cơ sở, đội ngũ công chức chuyên môn phải được nâng cao chất lượng hiệu quả thực thi công vụ gắn với việc thực hiện các chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện TCPL của người dân, cũng như hiệu quả thực thi các nhiệm vụ của nhà nước. Vì vậy cần phải chú trọng nâng cao năng lực thực hiện chuyên môn nghiệp vụ, thường

xuyên đổi mới cung cách làm việc, giao tiếp với nhân dân đảm bảo thực thi đúng quy định, tạo điều kiện TCPL thuận lợi nhất cho người dân.

3. Trình độ nhận thức của người dân về luật pháp

Trình độ nhận thức của công dân là một yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng xã chuẩn TCPL. Mỗi người dân vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là “tai mắt” của Đảng, của chính quyền trong giám sát hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên địa bàn. Vì vậy, mỗi người dân nói chung và cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị nói riêng phải nhận thức đúng đắn và đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò của chuẩn TCPL của người dân tại cơ sở để từ đó bảo đảm và phát huy quyền, lợi ích của các đối tượng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

Để có thể đẩy mạnh xã đạt chuẩn TCPL thì cần thiết phải nâng cao ý thức và sự hiểu biết cho người dân về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương, trong đó tuyên truyền, PBGDPL đóng vai trò then chốt đảm bảo nhận thức của người dân về quyền và lợi ích của bản thân trong lĩnh vực này.

4. Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức của địa phương trong xây dựng cấp xã chuẩn TCPL

Nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL là nhiệm vụ với vai trò của ngành Tư pháp là chủ đạo, nhưng bên cạnh đó cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan có liên quan với nhau trong tổng thể xây dựng cấp xã chuẩn TCPL như đảm bảo an ninh trật tự của ngành công an; thiết chế văn hóa, thông tin, truyền thanh, thư viện của văn hóa, thông tin;

thiết chế dân chủ ở cơ sở của ngành nội vụ; kinh phí, ngân sách của tài chính, và sự tham gia của các đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, đánh giá như Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, v.v...

Với một nội dung có ý nghĩa sâu rộng và liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp như xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL thì sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan là rất cần thiết. Các cơ quan, ban ngành đoàn thể có liên quan giống như những mắt xích quan trọng trong hệ thống xây dựng xã chuẩn TCPL. Việc phối hợp tốt đảm bảo hiệu quả, hài hòa, đáp ứng quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân khi TCPL. Ngược lại, sự phối hợp thiếu chặt chẽ, thiếu nhịp nhàng của hệ thống có thể ảnh hưởng tới đánh giá chung của các ngành, lĩnh vực chuyên môn khác trong tổng thể xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

5. Đầu tư các nguồn lực cho công tác xây dựng xã đạt chuẩn TCPL

Nguồn lực được đề cập đến trong nội dung này là nguồn lực về vật chất thuần túy về cơ sở vật chất, kinh phí được đơn vị bố trí cho xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Bên cạnh nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ, công chức trực tiếp tham gia vào xây dựng, đánh giá chuẩn TCPL, điều kiện làm việc và các trang thiết bị công tác cũng rất có ảnh hưởng đến công tác này. Do đó trang thiết bị, cơ sở vật chất phải ngày càng được cải thiện và nâng cao. Tại trụ sở làm việc, mỗi cán bộ, công chức cần được đảm bảo trang bị đầy đủ máy vi tính, các thiết bị phục vụ khác để giúp cho việc giải quyết công việc ngày càng nhanh, gọn và có chất lượng cao.

Ngoài ra, đối với các hoạt động cụ thể khác như rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hòa giải, PBGDPL cũng như các thiết chế phục vụ công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL khác (như loa đài, thư viện...) cần được bố trí đầy đủ mới có thể đảm bảo chất lượng TCPL cho người dân cũng như hiệu quả trong công tác của chính quyền.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở ĐỒNG NAI HIỆN NAY

I. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NỘI DUNG XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

1. Thực trạng triển khai thực hiện nội dung của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

Ngay từ thời điểm triển khai thực hiện theo Thông tư số 07/2017/TT- BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu TCPL, Hội đồng đánh giá TCPL và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL có hiệu lực từ ngày 15/9/2017, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã sớm triển khai việc đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL trên toàn tỉnh. Đối với các xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện thực hiện đánh giá chuẩn TCPL, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai đã phối hợp UBND cấp huyện đã chỉ đạo, hướng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị tiếp tục chỉ đạo, tham mưu, theo dõi, tuyên truyền thực hiện các tiêu chí TCPL theo quy định. Rà soát, có giải pháp để thực hiện hiệu quả hơn các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL thuộc lĩnh vực quản lý còn hạn chế, khó khăn; quan tâm giải quyết những vấn đề còn nổi cộm trong thực thi pháp luật, những lĩnh vực, nội dung thiết thực gắn bó với đời sống người dân.

1.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL và tăng cường khả năng TCPL cho người dân

Hàng năm, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành các Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, tập trung các nhiệm vụ PBGDPL, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL theo chương trình và chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả⁽¹⁾. Trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hàng năm.

Qua khảo sát ý kiến công chức tư pháp ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, về nội dung xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL có 49,5% số người được hỏi cho rằng địa phương thực hiện rất tốt nội dung này, 47,4% đánh giá mức độ thực hiện tốt, 1,03% đánh giá chưa tốt và 2,06% không ý kiến. Như vậy, đánh giá từ chính đội ngũ triển khai thực hiện trực tiếp ở các xã, phường, thị trấn cho thấy được tín hiệu tốt trong việc thực hiện nội dung này. Tuy nhiên, thực tế việc ban hành các kế hoạch hàng năm vào đầu năm là việc đảm bảo thường xuyên qua các năm, ngoài ra trong năm quá trình triển khai thực hiện các cơ quan, địa phương đã thể hiện trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời khi có vướng mắc, khó khăn

1 Các văn bản: Kế hoạch số 407/KH-UBND ngày 15/01/2018; Kế hoạch số 376/KH-UBND ngày 11/01/2019; Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 14/01/2020; Kế hoạch số 671/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

phát sinh, cho thấy nhận thức của chính quyền về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL là tương đối tốt.

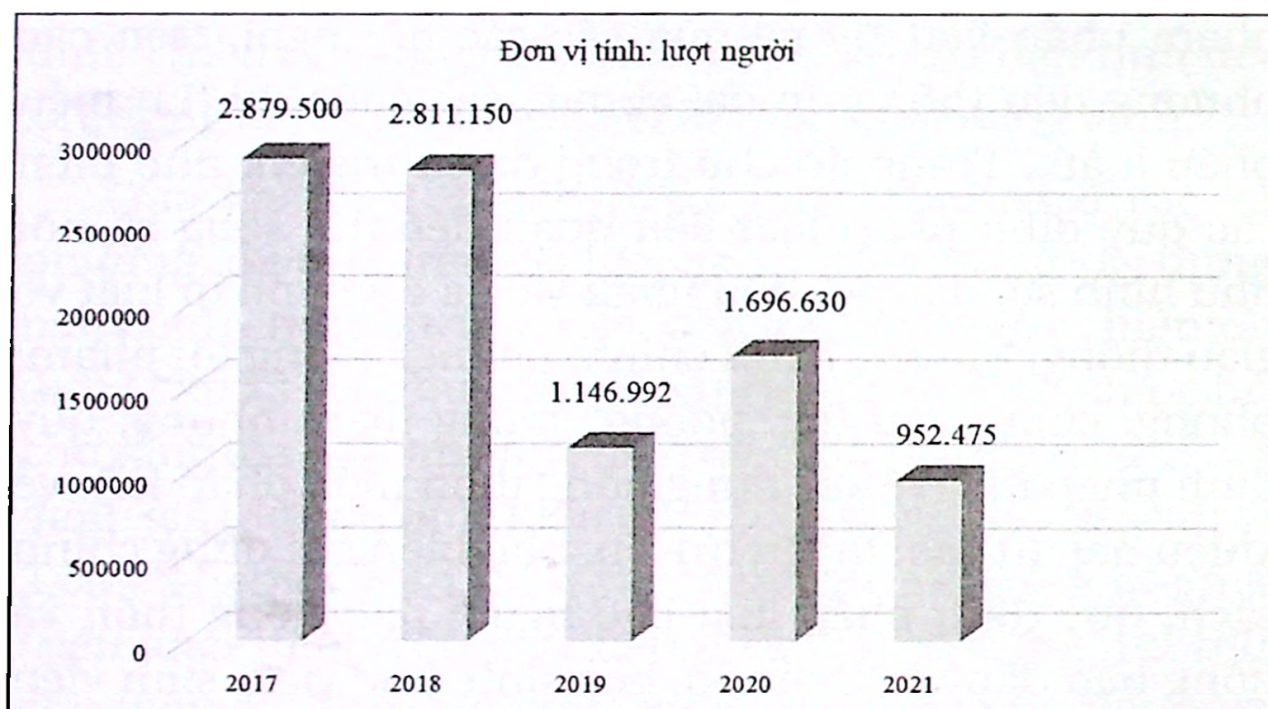
- Về tăng cường khả năng TCPL cho người dân

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm thực hiện công tác PBGDPL, không ngừng đa dạng về hình thức cũng như nội dung để tăng cường khả năng TCPL cho người dân.

Tổ chức phổ biến, thông tin rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật thông qua các các hội nghị, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật... Trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến đời sống xã hội như hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, pháp luật về giao thông, thủ tục hành chính; phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy, phòng, chống tham nhũng; quy định pháp luật về xây dựng nông thôn mới; pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách, quy định pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, học viên, sinh viên trong nhà trường; tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư.

Hình thức PBGDPL ngày càng đa dạng và phong phú, phù hợp với đối tượng và địa bàn như phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; tổ

chức thi tìm hiểu pháp luật; thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.



Biểu đồ 2.1: Kết quả thống kê số lượng người được phổ biến pháp luật trực tiếp giai đoạn 2017-2021 (Nguồn: Báo cáo của UBND tỉnh Đồng Nai)⁽¹⁾.

1 Báo cáo số 9716/BC-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Đối với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, qua khảo sát công chức tư pháp - hộ tịch có 48,5% ý kiến đánh giá mức độ thực hiện rất tốt, 51,5% đánh giá mức độ thực hiện tốt, 2,06% không có ý kiến về việc này.

Trên thực tế, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được triển khai lồng ghép trong các hội nghị, tuyên truyền, tập huấn cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

1.3. Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí TCPL; công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng TCPL cho người dân tại cơ sở

- Về rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí TCPL: thực hiện theo đúng quy định về quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL, việc rà soát đánh giá việc thực hiện tiêu chí TCPL được thực hiện nghiêm túc bởi Phòng Tư pháp các huyện, thành phố với tư cách cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện.

Tiêu chí	Mức độ							
	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt		Không ý kiến	
Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	46	47,4%	50	51,57%	0	0%	1	1,03%
Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	49	50,5%	47	48,47%	0	0%	1	1,03%
Phổ biến, giáo dục pháp luật	49	50,5%	47	48,47%	0	0%	1	1,03%
Hòa giải ở cơ sở	51	52,6%	45	46,37%	0	0%	1	1,03%
Thực hiện dân chủ ở cơ sở	39	40,2%	56	57,74%	0	0%	2	2,06%

Bảng 2.1: Kết quả khảo sát đánh giá mức độ thực hiện đánh giá các Tiêu chí TCPL

- Khó khăn trong đánh giá các tiêu chí

Với hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá khá nhiều nên việc tiến hành đánh giá cũng mang lại những khó khăn nhất định. Qua khảo sát ý kiến của đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch, những khó khăn trong đánh giá chuẩn TCPL có thể kể đến như: khó khăn trong xây dựng tài liệu minh chứng (77,3%); có nhiều chỉ tiêu mang tính ước chừng, định tính (59,8%); thời gian thực hiện đánh giá ngắn (22,7%); quy định về tiêu chí, chỉ tiêu chưa rõ ràng,

hợp lý (21,6%); cơ cấu điểm số các chỉ tiêu chưa phù hợp (15,5%). Qua tìm hiểu thực tế trong quá trình nghiên cứu đề tài nhận thấy rằng việc tập hợp, xây dựng tài liệu minh chứng cho từng chỉ tiêu trong các tiêu chí là rất nhiều và ở các xã, phường, thị trấn đôi khi còn khác nhau về các tài liệu minh chứng này. Có nơi tập hợp, xây dựng khá bài bản, công phu nhưng cũng có nơi làm tương đối sơ sài, hình thức. Do đó, thiết nghĩ cần có quy chuẩn chung thống nhất để các xã, phường, thị trấn cần thiết tập hợp những loại văn bản, tài liệu, giấy tờ, hình ảnh nào thật sự cần thiết, phản ánh đúng thực chất kết quả thực hiện, vừa đảm bảo tính khoa học, tránh sự lãng phí thời gian, công sức, vừa tránh tình trạng đối phó hình thức.

Về công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL:

Năm	Công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL		
	Số xã, phường, thị trấn đạt/Tổng số xã, phường, thị trấn	Số xã, phường, thị trấn không đạt/ Tổng số xã, phường, thị trấn	Số xã, phường, thị trấn không tiến hành đánh giá
2017	139/171	11/171	21/171
2018	162/171	09/171	0
2019	161/170	09/170	0
2020	159/170	11/170	0
2021	165/170	05/170	0

Bảng 2.2: Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn TCPL qua các năm từ 2017-2021 (Nguồn: Sở Tư

pháp tỉnh Đồng Nai)⁽¹⁾

Hàng năm kể từ 2017 đến nay, các xã, phường, thị trấn đều tiến hành đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL theo đúng quy định. Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tính từ năm 2018 đến nay khá cao (năm 2018 đạt 94,7%, năm 2019 đạt 94,7%, năm 2020 đạt 93,5%, năm 2021 đạt 97%), riêng năm 2017 chỉ đạt 81,2% do đây là năm đầu tiên triển khai thực hiện đánh giá, có nhiều trường hợp các địa phương còn lúng túng, chưa kịp tiến hành triển khai đánh giá kịp thời.

- *Việc đề ra giải pháp*: trong việc đề ra giải pháp khắc phục các hạn chế của quá trình xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, cải thiện khả năng TCPL cho người dân tại cơ sở. Trong đề tài nghiên cứu đã tiến hành kết quả khảo sát tìm hiểu ý kiến của đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch thì có 42,3% ý kiến đánh giá địa phương thực hiện rất tốt nội dung này, 49,5% đánh giá ở mức độ tốt, vẫn còn 5,2% ý kiến cho rằng nội dung này thực hiện chưa tốt và 3,1% không ý kiến.

Gần đây trong năm 2020, 2021 trên thực tiễn triển khai, để có giải pháp thiết thực, UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản có tính chất giải pháp

1 Các văn bản của Sở Tư pháp công bố danh sách cấp xã đạt và không đạt chuẩn TCPL qua các năm: Văn bản số 594/STP-PBGDPL ngày 14/3/2018 công bố danh sách năm 2017; Văn bản số 598/STP-PBGDPL ngày 06/3/2019 công bố danh sách năm 2018; Văn bản số 256/STP-XDPBPL ngày 03/2/2020 công bố danh sách 2019; Văn bản số 447/STP-XDPBPL ngày 24/2/2021 công bố danh sách năm 2020; Văn bản số 300/STP-XDPBPL ngày 26/01/2022 công bố danh sách năm 2021.

liên quan về nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL⁽¹⁾, trọng tâm nội dung tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân, đồng thời thực hiện đánh giá TCPL theo đúng thời gian, quy trình và đảm bảo tránh hình thức; gắn kết xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

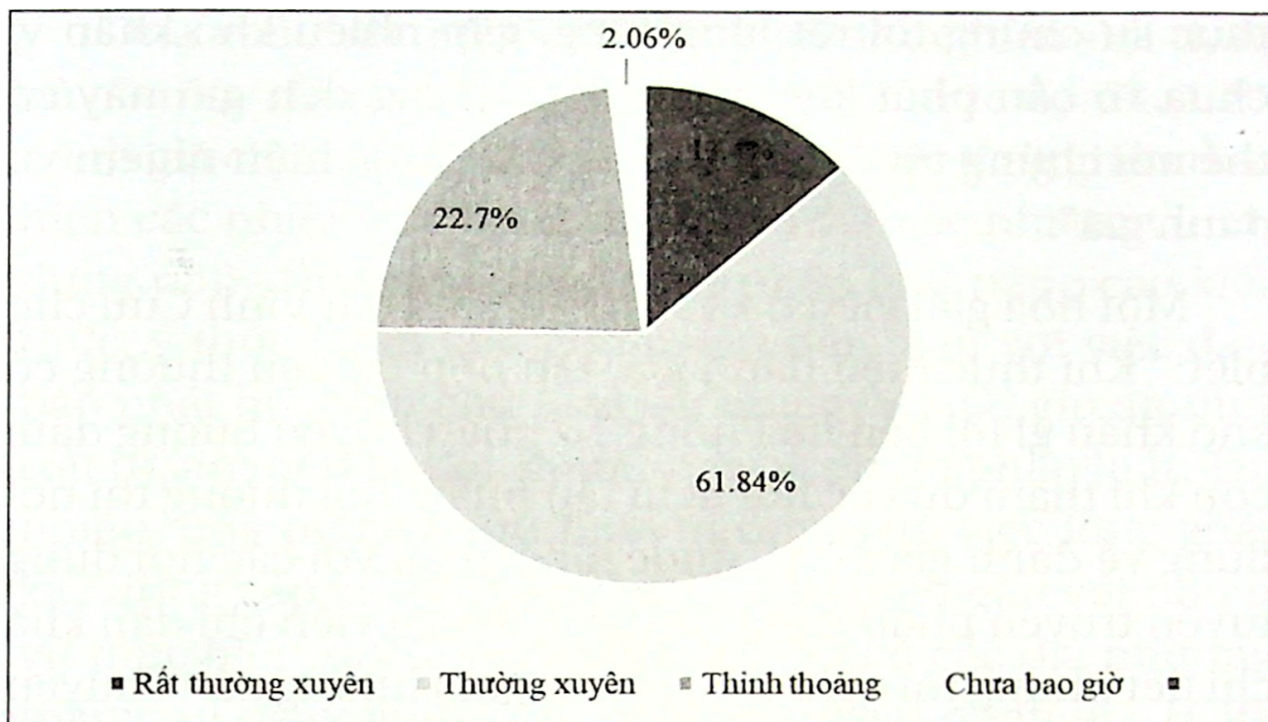
Qua nghiên cứu thực tế thì mức độ quan tâm đến việc hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL chủ yếu tập trung vào nhóm đối tượng chủ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL, đó là đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch ở xã, phường, thị trấn.

Một công chức làm việc tại Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai cho rằng: “Công tác chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

1 Văn bản số 4022/UBND-THNC ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; Sở Tư pháp phụ trách thực hiện theo dõi cũng đã ban hành các văn bản có tính chất giải pháp như: Văn bản số 2126/STP-XDPBPL ngày 04/9/2020 về việc nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; Văn bản số 3774/STP-XDPBPL ngày 21/12/2020 về việc thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đảm bảo theo quy định.

luôn được chúng tôi quan tâm, hàng năm trong kế hoạch đề ra luôn có sự phối hợp với UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch, người làm công tác hòa giải ở cơ sở; trong đó nhấn mạnh đến vai trò đội ngũ công chức tư pháp ở xã, phường, thị trấn. Trong quá trình triển khai đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL, ở các địa phương có khó khăn, vướng mắc gì về nghiệp vụ, chuyên môn thì chúng tôi luôn quan tâm, lắng nghe và hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời; đồng thời cũng có văn bản thường xuyên yêu cầu Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thành phố theo dõi, quan tâm sát sao, đôn đốc các xã, phường, thị trấn tiến hành đánh giá chuẩn TCPL theo đúng quy trình, quy định”.

Nhóm nghiên cứu đề tài đã tiến hành khảo sát để đánh giá mức độ thường xuyên của các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.



Biểu đồ 2.2: Kết quả khảo sát về hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Kết quả khảo sát cho thấy có đến 75,24% ý kiến đánh giá ở mức độ từ thường xuyên trở lên (gồm thường xuyên và rất thường xuyên), có 22,7% cho rằng chỉ thỉnh thoảng, ý kiến cho rằng chưa bao giờ chiếm tỷ lệ rất thấp 2,06%. Tuy nhiên, kết quả khảo sát trên chỉ phản ánh được một khía cạnh là về mức độ thường xuyên, còn về khía cạnh tính chuyên sâu của việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thì lại còn tồn tại hạn chế.

Một người cán bộ trực tiếp làm công tác này cho rằng: “Hàng năm chúng tôi đều tham dự các buổi tập huấn tổ chức ở huyện, thường thì lồng ghép trong tập huấn về PBGDPL, công tác hòa giải. Nội dung tập huấn chủ yếu hướng dẫn cho chúng tôi các nội dung quy định về chuẩn TCPL, đánh giá các tiêu chí, năm 2017 khi mới triển khai

thực sự chúng tôi rất lúng túng, gặp nhiều khó khăn vì chưa rõ cần phải làm những gì, nhưng đến giờ này có thể nói chúng tôi đã quen cách thức thực hiện nhiệm vụ đánh giá”.

Một hòa giải viên ở xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu cho biết: “Khi thực hiện đánh giá, tập hợp tài liệu thường có khó khăn gì tôi liên hệ Phòng Tư pháp huyện hướng dẫn, còn khi tham dự các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng thì nội dung về đánh giá TCPL được lồng ghép với các nội dung tuyên truyền pháp luật, tuy các báo cáo viên chỉ dẫn khá chi tiết nhưng tôi nghĩ cần có thời gian hướng dẫn chuyên sâu hơn để ở cơ sở nắm rõ và thống nhất thực hiện cho phù hợp”.

Mặc dù việc tập huấn hiện nay về các nội dung nghiệp vụ tương đối chi tiết, nhưng theo tìm hiểu trong nghiên cứu của đề tài thì riêng nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được hướng dẫn qua các văn bản là chủ yếu, số lượng hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL còn hạn chế, thiếu tính bài bản và toàn diện, thường lồng ghép vào các đợt tập huấn liên quan công tác PBGDPL hoặc hòa giải ở cơ sở. Vì vậy trong thời gian tới, cần phải xây dựng kế hoạch tập huấn nhiệm vụ này một cách cụ thể, chi tiết nhằm xây dựng đội ngũ nòng cốt phát huy được hiệu quả các thiết chế chuẩn TCPL ở địa phương.

1.5. Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo

Qua khảo sát, có 43,2% đánh giá thực hiện nội dung này ở mức độ rất tốt, 50,5% đánh giá ở mức độ tốt, 4,1% đánh giá chưa tốt, 2,1% không ý kiến. Việc lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ TCPL được gắn với các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, phổ biến pháp luật nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật cho người dân, gắn với việc đảm bảo phát huy dân chủ ở cơ sở, nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, giảm số vụ vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tế tìm hiểu, việc lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL chủ yếu gắn với nhiệm vụ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các địa phương, thậm chí ngay năm 2017 mới triển khai đánh giá TCPL, một số cá nhân còn nhầm lẫn cho rằng thực hiện đánh giá nông thôn mới theo tiêu chí liên quan thì mới tiến hành đánh giá chuẩn TCPL, chưa nắm rõ được đánh giá chuẩn TCPL là một nhiệm vụ phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm cho dù cấp xã có đạt chuẩn nông thôn mới hay chưa và đạt chuẩn TCPL năm nay thì năm sau vẫn phải thực hiện đánh giá theo từng năm. Nhìn chung, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL góp phần ý nghĩa thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội nói chung của địa phương.

1.6. Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Đây là nội dung mà các địa phương thực hiện đầy đủ hàng năm. Trên thực tế, các hoạt động sơ kết, tổng kết, thống kê và cả báo cáo liên quan về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được tổng hợp chung khi tiến hành sơ kết, tổng kết hay trong báo cáo về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở. Tại các xã, phường, thị trấn nhìn chung chưa tách

các nội dung này ra riêng biệt, phần lớn thực hiện chung trong báo cáo PBGDPL hoặc báo cáo tổng kết công tác tư pháp. Hàng năm, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tổ chức các đoàn kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại các huyện, thành phố. Qua đó đã kiểm tra công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá, công nhận của cấp huyện và công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận tại một số đơn vị cấp xã. Đồng thời, UBND cấp huyện chỉ đạo tự kiểm tra các đơn vị cấp xã, kiểm tra thông qua báo cáo và trực tiếp kiểm tra công tác TCPL lồng ghép trong quá trình kiểm tra công tác tư pháp.

Hàng năm, các nội dung thực hiện xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL được nêu trong kế hoạch hoạt động tư pháp, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Khi tiến hành tổng kết cuối năm thì các nội dung về TCPL cũng được báo cáo thành một nội dung riêng nằm chung trong báo cáo về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở của các xã, phường.

Hầu hết các địa phương thực hiện nội dung sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn TCPL ở mức độ đảm bảo thực hiện tốt trở lên. Qua khảo sát, có 43,2% đánh giá thực hiện nội dung này ở mức độ rất tốt, 50,5% đánh giá ở mức độ tốt, 5,2% cho rằng thực hiện chưa tốt, 1,03% không ý kiến. Thực tế triển khai từ năm 2017 đến nay, vẫn chưa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL một cách toàn diện và chuyên sâu về mảng công tác này trên toàn tỉnh, vì các địa phương đánh giá kết quả được lồng ghép chung trong sơ kết, tổng kết công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.

2. Thực trạng triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

2.1. Về tổ chức, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thi hành hiến pháp và pháp luật

Nội dung này đồng thời cũng là nội dung đánh giá của Tiêu chí 1 trong bộ tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn TCPL. Đây là tiêu chí có vai trò quan trọng trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Tiêu chí 1 gồm 3 chỉ tiêu phải thực hiện gồm có: chỉ tiêu 1 Bảo đảm thi hành hiến pháp và pháp luật; chỉ tiêu 2 An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn được kiểm chế, có giảm so với năm trước; chỉ tiêu 3 Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước. Có thể nói Tiêu chí 1 được hoàn thành tốt có vai trò như nền tảng cho việc thực hiện các Tiêu chí còn lại hoặc ngược lại, Tiêu chí 1 phản ánh mức độ hiệu quả của các Tiêu chí còn lại bằng việc tạo ra văn hóa tuân thủ pháp luật đối với người dân địa phương.

Xét trên mặt bằng chung thì tiêu chí 1 là chỉ tiêu có mức độ hoàn thiện cao, thể hiện vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong mục tiêu phổ biến các quy phạm pháp luật và văn bản, chỉ thị của cấp trên vào đời sống người dân trên địa bàn.

Tiêu chí	Mức độ							
	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt		Không rõ	
Về nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương	41	42,3%	53	54,6%	0	0%	3	3,1%
Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm	36	37,1%	55	56,7%	0	0%	6	6,2%
Về giải quyết khiếu nại, tố cáo	38	39,2%	55	56,68%	0	0%	4	4,12%

Bảng 2.3: Đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật

Tuy nhiên, do phạm vi của các nội dung trên rất rộng và đồng thời để bám sát vào các mục tiêu đánh giá nên tác giả chỉ lựa chọn trình bày các kết quả đạt được và một số tồn tại hạn chế của các nhiệm vụ nêu trên.

Thứ nhất, về nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương.

Thông qua nghiên cứu kết quả đánh giá của các địa phương, Tiêu chí 1 là nội dung đạt được điểm số rất cao (hầu như đạt tối đa). Có thể mặc dù trong năm không có bất kỳ văn nào quy phạm pháp luật nào được ban hành

trên địa bàn nhưng “vì lý do khách quan nên chỉ tiêu này cho dù không thực hiện nhưng vẫn đạt điểm tối đa” theo sự phân cấp tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Bên cạnh đó hoạt động chỉ đạo việc ban hành các văn bản được thực hiện thường xuyên liên tục, nhất là từ sau khi trang bị phần mềm quản lý văn bản thống nhất trên địa bàn, đảm bảo các đơn vị trên địa bàn tỉnh cập nhật đầy đủ các nhiệm vụ về triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật.

Thứ hai, về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, theo khảo sát có đến 93,8% ý kiến cho rằng thực hiện nhiệm vụ ở mức độ tốt trở lên đối với việc bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Các địa phương đã tổ chức thực hiện các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực; từng bước giảm số vụ việc và người vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Kết quả thể hiện cụ thể thông qua việc chuyển hóa địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật, cụ thể năm 2018, tỉnh Đồng Nai có 14 xã, phường, thị trấn trọng điểm về vi phạm pháp luật, đến năm 2021 còn 12 xã. Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát nhu cầu PBGDPL tại các địa bàn trọng điểm lồng ghép trong việc khảo sát đánh giá hiệu quả tác động của công tác PBGDPL. Công an tỉnh đã xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát, qua khảo sát đã xác định nhu cầu PBGDPL tại các địa bàn trọng điểm chủ yếu là các lĩnh vực đất đai, môi trường, an toàn giao thông, hình sự, tệ nạn xã hội...

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu PBGDPL, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, qua đó lồng ghép tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông, hình sự, phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội đến quần chúng nhân dân tại những địa bàn trọng điểm. Các địa phương đã duy trì và nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động có hiệu quả như: Mô hình “Khu nhà trọ văn minh không có tội phạm và tệ nạn xã hội”, mô hình Câu lạc bộ “Thắp sáng niềm tin” (trước đây là Câu lạc bộ “Người hoàn lương”), mô hình “Camera giám sát an ninh”, mô hình “Tiếng kèn an ninh”, v.v... Thông qua các hình thức tuyên truyền, vận động đến các tầng lớp nhân dân tại một số địa bàn phức tạp, trọng điểm về vi phạm pháp luật, đã nâng cao nhận thức về các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để từ đó nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm giữa lực lượng công an và quần chúng nhân dân tại các địa bàn trọng điểm. Tuy nhiên, số vụ việc vi phạm và số người vi phạm tại địa bàn trọng điểm có giảm (khoảng 6%) nhưng chưa đạt chỉ tiêu đặt ra (từ 10% đến 15%)⁽¹⁾.

Tình hình an ninh trật tự là một thước đo quan trọng trong việc đánh giá việc duy trì pháp luật trên địa bàn, một

1 Nguồn: Báo cáo số 9715 BC/UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổng kết thực hiện Đề án “Tăng cường công tác PBGDPL tại địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2013 -2016” đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

địa phương với tình hình an ninh chính trị được giữ vững cũng đồng nghĩa với việc phát huy các thiết chế TCPL cho người dân hiệu quả.

Thứ ba, đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được đánh giá 95,9% đạt mức độ thực hiện tốt trở lên. Tuy vậy, vẫn còn tình trạng khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp, có nhiều trường hợp sau khi chính quyền địa phương tiến hành giải quyết đảm bảo sự đồng thuận của người dân thì sau đó cũng chính cá nhân đó lại đề nghị được giải quyết theo hướng khác. Chính vì vậy làm cho việc giải quyết khiếu nại tố cáo thường kéo dài và gây khó khăn phiền hà cho cơ quan nhà nước và cho cả chính người dân, đòi hỏi chính quyền địa phương cần phải nâng cao hơn nữa hiệu quả của nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL trong đó cần hết sức chú trọng nhiệm vụ tuyên truyền PBGDPL.

2.2. Tổ chức giải quyết các thủ tục hành chính của chính quyền cấp xã

Đối với nội dung này, tác giả nhận định công dân là chủ thể thụ hưởng chính của kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy trong phần nghiên cứu nội dung này, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu về thực trạng giải quyết thủ tục hành chính đồng thời kết hợp với ý kiến đánh giá của người dân để từ đó có thể so sánh hiệu quả thực tế hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính của địa phương.

a) Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)

- Khảo sát người dân về chất lượng thực hiện TTHC

Tại nội dung này tác giả đã tiến hành khảo sát người dân tại 08 xã, phường, thị trấn được chọn làm điểm nghiên cứu và để kết quả khách quan nhất tác giả đã lựa chọn các đối tượng có đặc điểm chung là đều có ít nhất 01 lần thực hiện thủ tục hành chính tại UBND cấp xã để làm kết quả đo lường giá trị thực tế nhất mức độ hài lòng của người dân về TTHC.

Theo điều 6 Quy định về xây dựng xã phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, một trong những điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL là kết quả đánh giá sự hài lòng của cá nhân, tổ chức quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 5 Quy định này đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên (điểm c, khoản 1), đây còn là chỉ tiêu 5 của Tiêu chí 2 trong tiêu chí TCPL. So với mẫu phiếu đánh sự hài lòng ban hành kèm theo Thông tư 07/2017/TT-BTP, nội dung khảo sát của tác giả bổ sung thêm mức độ hài lòng (và cả sự lựa chọn “Không ý kiến” để người dân có thể đa dạng sự thể hiện quan điểm của mình, có nhiều trường hợp người dân chưa mạnh dạn đánh giá hoặc chính họ chưa rõ về việc đánh giá hài lòng hay không) để người dân có thể đánh giá chi tiết hơn mức độ hài lòng của mình. Kết quả qua khảo sát cho thấy mức độ đánh giá của người dân với TTHC ở mức độ hài lòng trở lên (rất hài lòng và hài lòng với TTHC được giải quyết) chiếm 86,2%, không hài lòng chiếm tỷ lệ rất nhỏ 1,06%. Theo báo cáo của UBND tỉnh⁽¹⁾, tỷ lệ hài lòng

1 Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.

tại cấp xã trung bình đạt 97,06%, chênh lệch giữa nghiên cứu và báo cáo là 10,8%, nguyên nhân do trong khảo sát của nghiên cứu có sự lựa chọn “Không ý kiến”, nên có một lượng nhất định người dân không muốn bày tỏ quan điểm đánh giá của mình (có 12,8% người dân được hỏi không đưa ra ý kiến của mình). Ngược lại, nếu nhìn vào mức độ đánh giá “Không hài lòng” thì kết quả giữa báo cáo và nghiên cứu đều rất thấp, lần lượt là: 1,84% (trong báo cáo) và 1,06% (trong khảo sát của nghiên cứu). Như vậy, nhìn chung người dân đánh giá ở mức hài lòng trở lên về kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.

Mức độ đánh giá	Số lượng ý kiến chọn	Tỷ lệ	Tỷ lệ mức hài lòng trở lên
Rất hài lòng	103	54,8%	86,2%
Hài lòng	59	31,4%	
Không hài lòng	2	1,06%	
Không ý kiến	24	12,8%	
Tổng	188	100%	

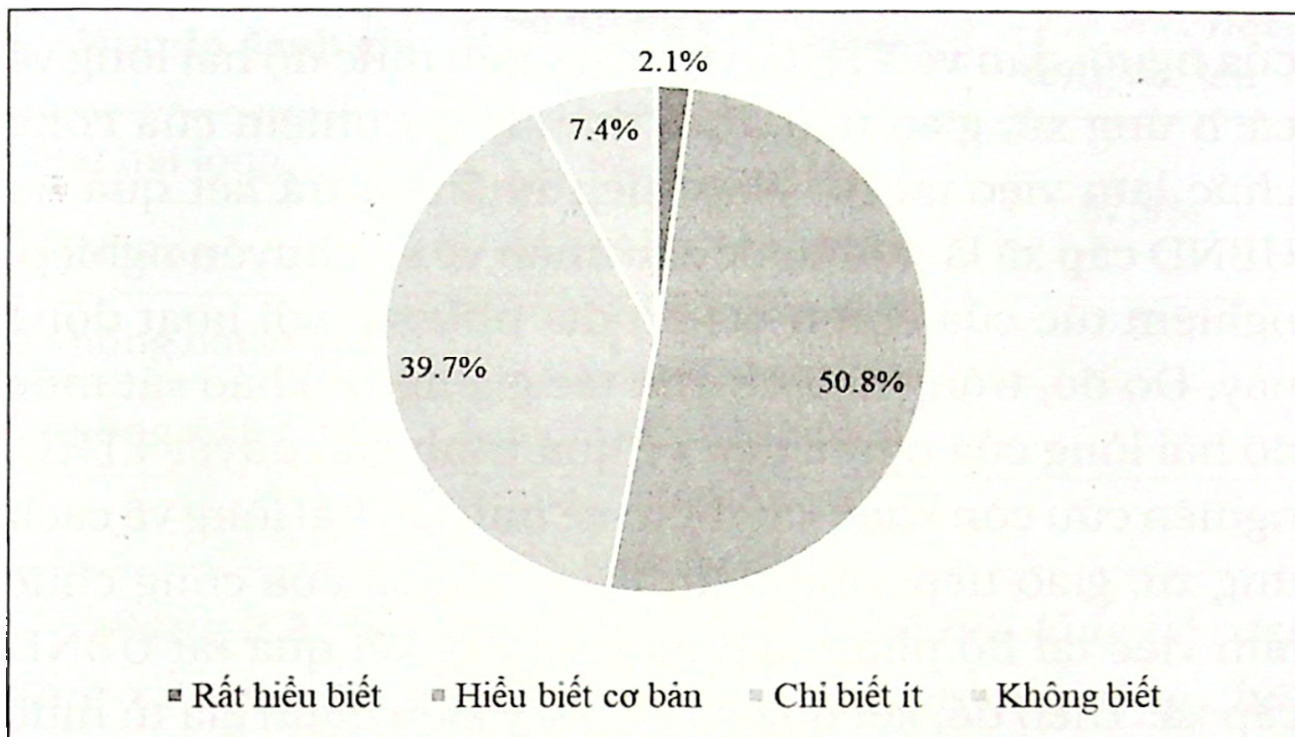
Bảng 2.4: Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân về giải quyết thủ tục hành chính tại UBND cấp xã

Theo báo cáo của UBND tỉnh trong năm 2021, tỷ lệ hài lòng tại cấp xã trung bình đạt 97,06%; so với năm 2020, tỷ lệ đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng tại cấp xã tăng lên (0,05% lên 1,84%); tỷ lệ người dân đánh giá ở mức bình thường cũng tăng lên 1,04%. Các phiếu đánh giá ở mức bình thường tập trung ở lĩnh vực hộ tịch, trong khi đó, các phiếu đánh giá không hài lòng tập trung ở lĩnh

vực đất đai⁽¹⁾. Cũng theo báo cáo của UBND tỉnh, nguyên nhân người dân chưa hài lòng về quá trình giải quyết hồ sơ TTHC tại cấp xã: bổ sung hồ sơ nhiều lần (27%), hồ sơ giải quyết trễ hạn (13,5%) và trong giai đoạn giãn cách xã hội nhưng chưa nhận được sự hỗ trợ (16,2%), kết quả giải quyết hồ sơ không thoả đáng (16,2%).

Để có cơ sở xác định đến yếu tố nào quan trọng đến sự hài lòng của người dân nhất về TTHC, tác giả tiến hành khảo sát thêm về mức độ hiểu biết của người dân về TTHC đã thực hiện. Kết quả có 52,4% ý kiến cho rằng mình hiểu biết cơ bản và rất hiểu biết, số người biết ít chiếm 33,3%, có 7,4% cho rằng không biết và có 6,9% số người được hỏi không ý kiến. Như vậy, nhìn chung thì có 85,8% số người được hỏi biết về TTHC từ mức độ “Chỉ biết ít” trở lên.

1 Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.



Biểu đồ 2.3: Kết quả khảo sát mức độ hiểu biết của người dân về TTHC

Qua khảo sát tác giả có thể nhận thấy 92,6% người dân được hỏi cho biết có thể xác định hoặc biết về TTHC mà mình cần được giải quyết là gì ở nhiều mức độ (từ chỉ biết ít đến hiểu biết cơ bản, rất hiểu biết). Qua thu thập và thống kê kết quả các phiếu khảo sát tại 08 địa bàn xã, phường, thị trấn nhận thấy rằng: những người có trình độ học vấn cao, có hiểu biết cụ thể hơn về TTHC thường có xu hướng đánh giá khắt khe hơn về TTHC. Tác giả cho rằng khi hiểu biết của người dân về TTHC chưa cao thì thái độ của chính quyền địa phương đối với người dân thực hiện TTHC là rất quan trọng, sự tận tình của công chức chuyên môn của chính quyền xã với người dân là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự hài lòng của người dân.

Tiếp tục với sự hài lòng về TTHC, từ cơ sở hiểu biết của người dân về TTHC, việc tìm hiểu mức độ hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã là một bước xác nhận về sự chuyên nghiệp, nghiêm túc của chính quyền địa phương với hoạt động này. Do đó, trong nghiên cứu tác giả ngoài khảo sát mức độ hài lòng của người dân về quá trình giải quyết TTHC, nghiên cứu còn khảo sát thêm về mức độ hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã. Theo đó, kết quả có 87,9% ý kiến đánh giá từ mức hài lòng trở lên, không hài lòng chiếm 2,1%. Còn theo báo cáo của UBND tỉnh⁽¹⁾, mức độ hài lòng về thái độ phục vụ của công chức trung bình tại cấp xã là 97,25%, không hài lòng chiếm tỷ lệ 1,65%. Như vậy, mức độ đánh giá không hài lòng về thái độ phục vụ của công chức bộ phận một cửa cấp xã giữa khảo sát của nghiên cứu và báo cáo của UBND tỉnh chênh lệch nhau không cao. Nhìn chung sự hài lòng của người dân về thái độ phục vụ TTHC là khá cao.

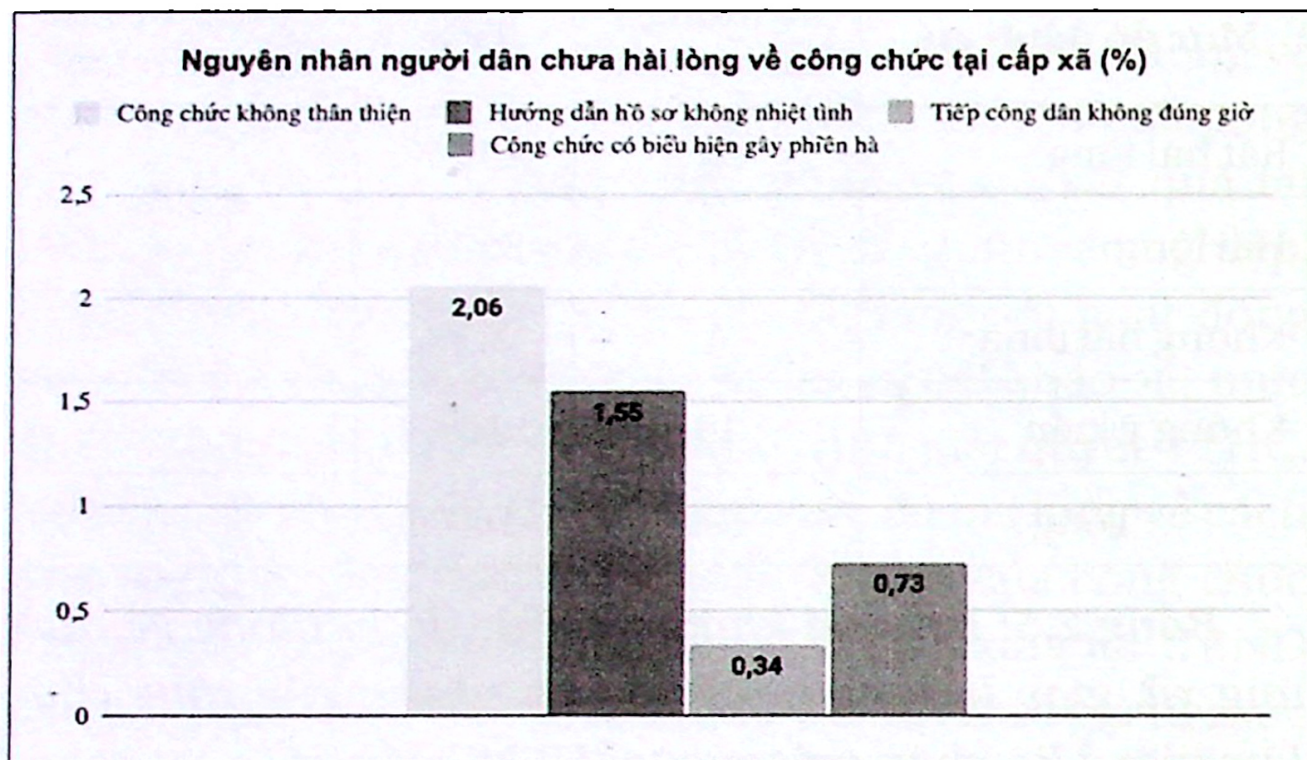
1 Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.

Mức độ đánh giá	Số lượng ý kiến chọn	Tỷ lệ	Tỷ lệ mức hài lòng trở lên
Rất hài lòng	91	48,2%	87,9%
Hài lòng	75	39,7%	
Không hài lòng	4	2,1%	
Không ý kiến	19	10%	
Tổng	189	100%	

Bảng 2.5: Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc ở Bộ phận một cửa tại UBND cấp xã

Nguyên nhân người dân chưa hài lòng về công chức tại Bộ phận một cửa các xã, phường, thị trấn gồm: công chức không thân thiện (2,06%), hướng dẫn hồ sơ không nhiệt tình (1,55%), tiếp công dân không đúng giờ quy định (0,34%) và công chức có biểu hiện gây phiền hà (0,73%)⁽¹⁾.

1 Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.



Biểu đồ 2.4: Nguyên nhân người dân chưa hài lòng về công chức tại Bộ phận một cửa ở cấp xã (Nguồn: Báo cáo của UBND tỉnh Đồng Nai)⁽¹⁾

Tác giả cho rằng thái độ phục vụ của chính quyền xã là một trong những cách thể hiện quan trọng tinh thần phục vụ nhân dân và văn hóa công sở. Một cơ quan có thái độ phục vụ nhân dân tốt cũng là một cơ quan thực hành văn hóa công sở tốt và ngược lại. Qua quá trình khảo sát sự hài lòng của người dân về chất lượng và thái độ phục vụ khi thực hiện TTHC, tác giả nhận thấy còn tồn tại một thực tế đối với nhiệm vụ đánh giá sự hài lòng của công dân khi thực hiện TTHC là nếu như các xã, phường, thị trấn cố tình lấy phiếu đánh giá TTHC về công tác chứng thực bản

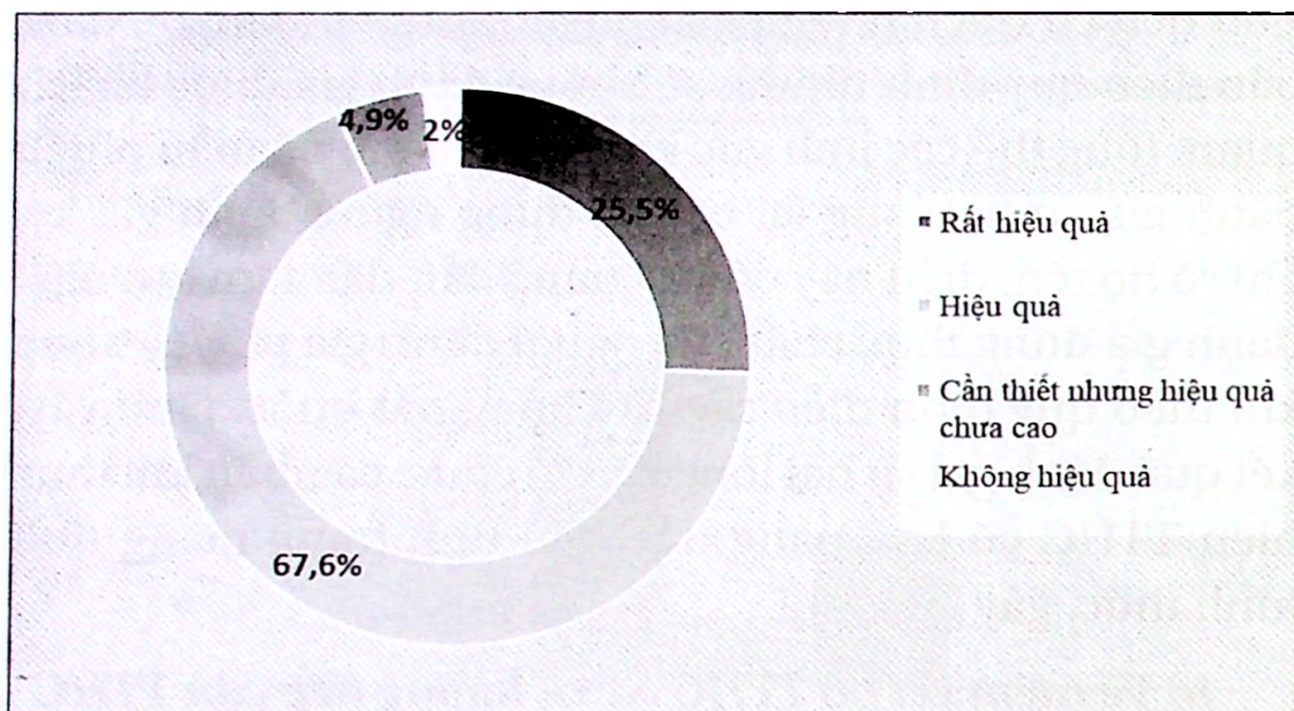
1 Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.

sao từ bản chính (chủ yếu ở quầy do công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm giải quyết) thì sẽ thuận lợi, đảm bảo theo quy định nhưng sẽ không đánh giá được khách quan, tổng thể các lĩnh vực khác; bên cạnh đó mẫu phiếu đánh giá sự hài lòng lại có nội dung người đánh giá ký, ghi rõ họ tên, điều này có khả năng dẫn đến tâm lý e ngại đánh giá đúng thực chất của người đánh giá phiếu, trong khi theo quy định điều này là không bắt buộc. Như vậy, kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC có khả năng dẫn đến tình trạng mang tính hình thức, gây lãng phí.

b) Về niêm yết bộ TTHC và xu hướng tiếp cận TTHC

Thực hiện TTHC là một trong những nội dung quan trọng đảm bảo quyền TCPL của người dân, liên quan trực tiếp đến cuộc sống và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân. Tại nội dung này, nghiên cứu sẽ bám sát theo một số chỉ tiêu quan trọng đồng thời so sánh với đánh giá thực tế của người dân để từ đó tìm ra nguyên nhân khiến cho việc thực hiện TTHC còn gặp nhiều hạn chế.

Để người dân thực hiện các TTHC thì điều đầu tiên người dân cần phải biết mình cần phải thực hiện thủ tục gì? Việc niêm yết công khai TTHC là một trong những nội dung được nhà nước quy định bắt buộc phải thực hiện để đáp ứng yêu cầu đó. Qua khảo sát người dân, có 55% số người được hỏi cho rằng đã từng xem qua bộ TTHC được niêm yết tại UBND cấp xã, 45% còn lại chưa từng xem qua. Trong số những người đã từng xem qua bộ TTHC, có 98,04% đánh giá bộ TTHC ở mức có hiệu quả, cần thiết (gồm các mức: Rất hiệu quả, Hiệu quả, Cần thiết nhưng hiệu quả chưa cao), 1,96% cho rằng không hiệu quả.



Biểu đồ 2.5: Kết quả khảo sát ý kiến người dân về hiệu quả niêm yết TTHC

Nghiên cứu cũng khảo sát các tiếp cận của người dân về TTHC thông qua các kênh thông tin phổ biến nhằm đánh giá kênh thông tin nào được sử dụng nhiều nhất và kênh thông tin nào có hiệu quả.

Cách thức người dân tiếp cận thông tin về TTHC	Số lượt ý kiến tối đa =189	Số ý kiến trả lời	Tỷ lệ %
Qua bộ TTHC được niêm yết		25/189	13,2%
Qua mạng internet (zalo, facebook, trang web, mạng xã hội khác)		78/189	41,3%
Bạn bè, hàng xóm, người thân		33/189	17,5%
Sách, báo		09/189	4,8%

Cách thức người dân tiếp cận thông tin về TTHC	Số lượt ý kiến tối đa =189	Số ý kiến trả lời	Tỷ lệ %
Qua loa phát thanh, tivi, đài radio		44/189	23,3%
Qua công chức chuyên môn hướng dẫn		20/189	10,6%
Ý kiến khác (qua hội nghị tuyên truyền, tờ gấp tài liệu, trợ giúp viên pháp lý)		4/189	2,1%

Bảng 2.6: Kết quả khảo sát cách tiếp cận của người dân về TTHC qua các nguồn thông tin phổ biến

Đa phần mọi người được hỏi cho rằng thông tin về TTHC được tìm hiểu thông qua niêm yết chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn là 13,2%. Trong khi đó, mạng xã hội, internet rõ ràng là một kênh có nhiều tiềm năng với 41,3%, đối tượng lựa chọn xu hướng này chủ yếu là nhóm đối tượng trong độ tuổi dưới 45 tuổi. Đáng chú ý là trong đó có đến 95% (chiếm 36/38 lượt ý kiến lựa chọn) số lượng người được hỏi trong nhóm độ tuổi dưới 30 tuổi đã lựa chọn cách thức tiếp cận thông tin TTHC qua các trang mạng xã hội, trang web, cổng thông tin điện tử, có thể lý giải nguyên nhân do đây là độ tuổi có nhiều điều kiện tiếp cận với internet và thói quen tiếp cận các thông tin hàng ngày chủ yếu bằng điện thoại, máy tính qua các trang mạng. Qua loa phát thanh, tivi, đài radio chiếm 23,3%, đây là cách tiếp cận thông tin mang tính phổ thông, thụ động của người dân, phụ thuộc vào nội dung quy định pháp luật mà chính quyền muốn truyền tải, nhóm đối tượng lựa chọn cách thức tiếp cận này chủ yếu là nhóm có độ tuổi trên 45 tuổi (chiếm 36/44 lượt ý kiến lựa chọn). Công chức chuyên

môn cũng là nguồn thông tin được lựa chọn để tìm hiểu thủ tục hành chính với tỷ lệ 10,6%. Qua tìm hiểu qua bạn bè, hàng xóm, người thân chiếm 17,5%. Sách, báo và các nguồn tư liệu tương đương tổng hợp về bộ TTHC có tỷ lệ rất thấp 4,8%.

Trong khảo sát tác giả cũng nhận được một ý kiến đóng góp nguồn tiếp cận từ luật sư - trợ giúp viên pháp lý, đây cũng là xu thế của các nước đang phát triển đồng thời cũng mạnh mẽ xuất hiện tại Việt Nam, tuy nhiên có vẻ như nguồn thông tin này vẫn còn rất lạ lẫm và phải còn rất lâu nữa mới có thể phổ biến xuất hiện. Tác giả nhận thấy người dân có xu hướng tiếp cận thông tin về các TTHC từ các nguồn không chính thống (qua trang mạng xã hội cá nhân, trang web, qua bạn bè, người thân) nhưng dễ hiểu. Bên cạnh đó tác giả có nhận định internet có triển vọng trở thành nguồn thông tin chính để người dân tiếp cận TTHC trong tương lai, đây cũng là xu hướng xây dựng chính phủ điện tử trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

d) Khả năng tháo gỡ vướng mắc, tranh chấp, kiến nghị của người dân và tổ chức về thi hành pháp luật của chính quyền cấp xã

Tuy trong quá trình nghiên cứu của đề tài có chỉ ra một số hạn chế trong việc thực hiện TTHC nhưng khi tác giả tiến hành khảo sát các đối tượng là người dân thì có đến 97,3% trả lời là “Chưa bao giờ” khi được hỏi “đã từng thực hiện kiến nghị về tổ chức thi hành pháp luật của UBND cấp xã bao giờ chưa?”. Kết quả này xuất phát từ hai nguyên nhân chính:

Thứ nhất, người dân chưa xây dựng được thói quen phản biện để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình do hiểu biết của người dân về TTHC, quy định về khiếu nại, kiến nghị và các quy định về văn hóa ứng xử tại cơ quan hành chính còn hạn chế.

Thứ hai, do tâm lý xuề xòa, ngại va chạm nên công dân có xu hướng “bỏ qua” những sự bất tiện của bản thân khi thực hiện TTHC, tâm lý này có phần ăn sâu vào suy nghĩ của một bộ phận người dân và khó thay đổi trong khoảng thời gian ngắn được.

Tổ chức, bảo đảm giải quyết TTHC và các hoạt động quản lý nhà nước, khả năng tháo gỡ vướng mắc, tranh chấp, kiến nghị của người dân và tổ chức về thi hành pháp luật của chính quyền cấp xã là một trong các nhiệm vụ thường xuyên nhất của UBND xã. Trong quá trình thực hiện, không thể thiếu ý kiến đóng góp, phản biện của người dân vì vậy bên cạnh việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cũng phải việc trang bị kiến thức pháp luật cho người dân để có thể nhận được cái nhìn khách quan nhất về năng lực, hiệu quả làm việc, những điểm yếu cần khắc phục giúp người dân đảm bảo quyền lợi của mình tốt hơn.

2.3. Nhận thức, ý thức chấp hành luật pháp của người dân

Đây là tiêu chí có nhiều chỉ tiêu thành phần nhất trong hệ thống tiêu chí đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL (9 chỉ tiêu với 25 điểm). Điều này thể hiện phần nào về mức độ đa dạng của các thiết chế tương ứng nhằm phục vụ PBGDPL cho người dân. Hiện nay trên địa bàn tỉnh,

nhiệm vụ PBGDPL được giao chủ yếu cho Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn trực tiếp thực hiện. Trong phạm vi nghiên cứu của nội dung này, tác giả sẽ triển khai tìm hiểu thực trạng công tác chỉ đạo, thực hiện, các thiết chế và đánh giá của người dân về hiệu quả của các thiết chế đó trong nhiệm vụ đảm bảo quyền TCPL cho người dân ở địa phương.

a) Hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, đảm bảo quyền công dân và quyền được thông tin, phổ biến, giáo dục

Hoạt động PBGDPL tại Đồng Nai trong giai đoạn 2017-2021 luôn được các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng chỉ đạo triển khai thường xuyên với nhiều mô hình mới; nhân rộng và phát huy các mô hình hay, hiệu quả như “Phiên tòa giả định”, tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng hình thức trực tuyến, sân khấu hóa, trực quan sinh động, tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua các trang facebook, Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật... Đặc biệt là Cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu pháp luật được UBND tỉnh tổ chức hàng năm từ năm 2018 đến nay đã thu hút hơn 1,7 triệu lượt thi với các quy định pháp luật liên quan đến nhiều lĩnh vực thiết thực cho đời sống như hình sự, dân sự, lao động, bảo hiểm xã hội, phòng, chống bệnh truyền nhiễm, phòng, chống tham nhũng, tố cáo... Cuộc thi đã tạo được sức lan tỏa rộng lớn trên địa bàn tỉnh về ý thức tìm hiểu và chấp hành pháp luật đặc biệt là trong các trường học.

Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL luôn được UBND tỉnh xác định là một trong những định hướng quan trọng trong công tác PBGDPL. Trên cơ sở đó, các cơ quan,

đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác PBGDPL với nội dung và hình thức phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng, địa bàn tuyên truyền.

Về nội dung: các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tập trung tuyên truyền, phổ biến các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; chú trọng giáo dục ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; tác động của chính sách, pháp luật; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: an ninh quốc phòng, ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; phòng chống tham nhũng, lãng phí; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; an toàn thực phẩm; an toàn giao thông; phòng, chống mua bán người, bạo lực gia đình, bạo lực học đường; về cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp; về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; về hỗ trợ khởi nghiệp; hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thực tiễn thi hành, áp dụng pháp luật, gắn với những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

Đồng thời, các cơ quan, đơn vị cũng thường xuyên đổi mới về nội dung tuyên truyền để phù hợp với bối cảnh và đối tượng tuyên truyền, theo đó tùy vào từng thời điểm để xác định nội dung tuyên truyền phù hợp. Ví dụ như thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra thì tập trung tuyên truyền pháp luật về phòng, chống dịch bệnh; các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm và quy định về xử lý vi phạm hành chính đối với các hành

vi này; thời điểm chuẩn bị cho Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp thì tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bầu cử; tuyên truyền phục vụ Đại hội Đảng các cấp, tuyên truyền, phổ biến về các vấn đề dư luận quan tâm, cần định hướng dư luận, tuyên truyền về dự thảo các văn bản pháp luật...

Về hình thức: các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền từ tuyên truyền trực tiếp, tờ rơi, áp-phích, pano, tranh tuyên truyền, tuyên truyền trực quan sinh động qua màn hình Led tại các điểm công cộng; tuyên truyền lưu động, qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở, thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, các câu lạc bộ pháp luật... Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chuyên mục về pháp luật trên các trang báo, chương trình truyền hình. Nhiều mô hình, cách làm hay trong công tác PBGDPL được các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục được triển khai hiệu quả. Cụ thể như tổ chức cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng hình thức trực tuyến, sân khấu hóa (tuyên truyền về bầu cử thông qua các tiểu phẩm); mô hình “Pháp luật cho mọi người” giữa Sở Tư pháp và Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai; mô hình “Câu chuyện truyền thanh” của huyện Định Quán, Fanpage “Tuổi trẻ Đồng Nai” của Tỉnh đoàn, “Thông tin giáo dục Đồng Nai” của Sở Giáo dục và Đào tạo, “tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua facebook; Fanpage “Bolero Yeu” của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kết hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đấu tranh phản

bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, chống phá trên mạng xã hội, v.v...

Với mục tiêu hướng mạnh về cơ sở, các cơ quan, đơn vị đã lồng ghép PBGDPL với hòa giải ở cơ sở, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, học tập tại cộng đồng và các phong trào vận động nhân dân tuân thủ, chấp hành pháp luật, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại; lồng ghép, phát huy vai trò hỗ trợ của các thiết chế thông tin tham PBGDPL ở cơ sở.

Tại địa bàn các xã, phường, thị trấn, Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện đã chỉ đạo các đơn vị, UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật lồng ghép thông qua hội nghị, tuyên truyền trực quan bằng panô, áp phích, tuyên truyền lưu động, tuyên truyền thông qua các buổi giao lưu văn hoá, văn nghệ, thông qua hệ thống loa truyền thanh của các xã, thị trấn và tủ sách pháp luật... tổ chức tuyên truyền qua các giờ học ngoại khóa cho giáo viên và học sinh trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đồng thời tổ chức các buổi tuyên truyền PBGDPL trực tiếp tại các khu dân cư trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền chủ yếu là các văn bản luật có những quy định liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ được công dân quan tâm như: pháp luật dân sự, hình sự, pháp luật về khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính, phòng, chống tham nhũng, pháp luật về hôn nhân và gia đình, v.v... và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản mới ban hành trong năm. Trong đó chú trọng việc tuyên truyền phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của địa phương mỗi năm. Ngoài nội dung tuyên truyền còn triển khai các luật, các cơ quan, đơn vị

triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh, huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế hộ gia đình, trang trại và tổ chức vận động xây dựng nông thôn mới và triển khai tuyên truyền các chủ trương chính sách thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... Các xã, phường, thị trấn tổ chức phát thanh các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phản ánh thực thi pháp luật trên địa bàn.

Năm	Phổ biến pháp luật trực tiếp (PBPLTT)		Thi tìm hiểu pháp luật		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)	Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (tin, bài)
	Số cuộc phổ biến pháp luật trực tiếp (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)			
2017	35.132	2.879.500	20	200.450	1.250.000	52.000	5.430
2018	33.447	2.811.150	90	285.634	1.134.375	72.253	7.435
2019	12.756	1.146.992	36	765.713	1.524.963	142.053	8.243
2020	13.710	1.696.630	317	1.955.807	1.051.860	176.850	8.325
2021	11.777	952.475	9	565.990	736.623	287.000	4.700

Bảng 2.7: Thống kê về kết quả PBGDPL giai đoạn 2017-2021 của UBND tỉnh Đồng Nai (Nguồn: Báo cáo của UBND tỉnh Đồng Nai).⁽¹⁾

1 UBND tỉnh Đồng Nai, Báo cáo số 9716/BC-UBND ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Các hình thức PBGDPL và đánh giá hiệu quả TCPL của người dân qua hình thức đó

Các hình thức tuyên truyền đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải đến người dân các nội dung về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Trong những năm qua, hoạt động PBGDPL của địa phương đã được triển khai với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú. Các phương thức tuyên truyền được chú trọng nhất vẫn là tổ chức hội nghị tuyên truyền, sau đó đến tuyên truyền qua loa phát thanh, cấp phát tài liệu, tờ gấp, khẩu hiệu, qua các hội thi tìm hiểu pháp luật, qua mạng internet, v.v...

Có thể nhận thấy có sự thay đổi về hình thức PBGDPL qua các năm, có hình thức có xu hướng gia tăng, có hình thức xu hướng giảm. Cụ thể số cuộc PBGDPL trực tiếp có xu hướng giảm liên tục qua các năm, năm 2017 là 35,132 cuộc, đến năm 2021 chỉ còn 11,777 cuộc; cùng với đó là số lượt người tham dự giảm, từ hơn 2,8 triệu lượt năm 2017 còn 952,475 lượt người tham dự vào năm 2021. Số tài liệu cấp phát có sự thay đổi tăng giảm không ổn định, riêng năm 2021 giảm nhiều hơn so với các năm từ 2017 đến 2020.

Đối với 2 hình thức: thi tìm hiểu pháp luật và đăng tải, phát tin, bài về pháp luật trên phương tiện thông tin đại chúng có xu hướng tăng liên tục từ năm 2017 đến năm 2020, riêng năm 2021 giảm. Trong khi đó, hình thức phát sóng chương trình PBGDPL trên hệ thống loa phát thanh ở cơ sở có xu hướng tăng liên tục từ 2017 đến 2021. Có thể lý giải năm 2021 là năm mà nhiều hình thức PBGDPL

giảm về số lượng tổ chức, số người tham dự như: hình thức PBGDPL trực tiếp (hội nghị tuyên truyền, lồng ghép họp khu phố, thôn, ấp, tổ), cuộc thi tìm hiểu pháp luật, đăng tải tin, bài; nguyên nhân chính là do đại dịch Covid-19 bùng phát, các hoạt động tập trung đông người không thể tổ chức (hội nghị, cuộc thi, họp tổ dân phố,...), đối với tin, bài đăng tải cũng có sự tập trung cho các thông tin liên quan tình hình diễn biến các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, vào thời điểm đó người dân có xu hướng quan tâm nhiều hơn về diễn biến dịch bệnh và phòng, chống dịch hơn các thông tin khác. Riêng thông tin pháp luật tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh không có xu hướng giảm mà tăng trong năm 2021, điều này có thể hiểu đây là hình thức tuyên truyền mang hiệu quả hơn trong thời điểm dịch bệnh bùng phát (do đây là hình thức mà không cần phải tập trung đông người, chỉ cần phát trên hệ thống loa ở cơ sở là mọi người, mọi nhà có thể nghe thấy được, có thể phát đi phát lại nhiều lần để người dân nắm thông tin), trong đó có nhiều thời điểm tập trung tuyên truyền quy định pháp luật về phòng, chống dịch bệnh.

Hình thức	Ý kiến phỏng vấn
Hội nghị tuyên truyền, phổ biến trực tiếp	Đây là hình thức tuyên truyền thiết thực nhất, nội dung pháp luật rất dễ lồng ghép vào các buổi hội nghị, người dân được trực tiếp nghe, giải đáp thắc mắc và đề xuất ý kiến tại chỗ, tuy nhiên cái khó của tuyên truyền miệng là việc phải làm sao tập hợp được nhiều đối tượng tham gia.
Cuộc thi tìm hiểu pháp luật	Đây là hình thức nếu tổ chức hiệu quả sẽ có sức lan toả rất lớn, xu hướng hiện nay các cuộc thi trực tuyến đem lại hiệu quả về sức hút tham gia của nhiều đối tượng hơn, không bị giới hạn về không gian, thời gian trong khi trước đây các cuộc thi chủ yếu hướng đến hình thức sân khấu hóa, thu hút được ít đối tượng tham gia. Các cuộc thi tìm hiểu pháp luật tạo ra không khí tuyên truyền rất tốt, sức hút lớn, tôi luôn đánh giá cao hình thức này. Tuy nhiên, vì lý do khách quan nên việc tổ chức cuộc thi vẫn còn thụ động, phụ thuộc nhiều vào chủ trương của cấp trên.
Tài liệu pháp luật	Tài liệu pháp luật hiện nay đã được trang bị tương đối đầy đủ, việc bổ sung các đầu sách được thực hiện định kỳ phù hợp với dung lượng của tủ sách pháp luật cấp xã. Nội dung các tài liệu phong phú, đa dạng trên nhiều lĩnh vực pháp luật, một số tài liệu dạng hỏi đáp được xây dựng dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với người dân. Tuy nhiên, hiệu quả tuyên truyền thông qua tài liệu phụ thuộc vào tính chủ động, tích cực nghiên cứu, tìm hiểu của người dân, chẳng hạn nếu như anh là người không có thói quen đọc hoặc lười đọc thì tài liệu cấp phát cho anh liệu có hiệu quả như mục đích của người cấp phát hay không?

Hình thức	Ý kiến phỏng vấn
Loa phát thanh	- Hệ thống loa truyền thanh của địa phương được bảo trì, đảm bảo phát thanh phục vụ nhiệm vụ, thời điểm dịch bệnh bùng phát thường xuyên phát đi những thông tin, diễn biến tình hình dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch cho bà con và các quy định pháp luật về phòng, chống dịch bệnh; ngoài ra trước đây, phát thanh thường xuyên các quy định pháp luật về phòng, chống tội phạm, ma túy, an toàn giao thông cho bà con trên địa bàn. - Một số đơn vị xã do hệ thống loa phát thanh có phần xuống cấp nên chưa thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất; tuy nhiên cũng cần nhìn nhận rằng ở vùng nông thôn, một số địa bàn xa trung tâm huyện chẳng hạn như Thanh Sơn, Núi Tượng, Cát Tiên thì cần thiết thông tin pháp luật đến với người dân qua hệ thống loa phát thanh, vì đơn giản là thông tin truyền đi nhanh, nhiều người có thể theo dõi, được phát đi nhiều lần, những điều này phần nào làm giảm bớt chi phí, thời gian, công sức cho công tác tuyên truyền.

Bảng 2.8: Ý kiến phỏng vấn về xu hướng, hiệu quả của các hình thức PBGDPL.

Qua nghiên cứu báo cáo và qua phỏng vấn có thể rút ra một số nhận định về xu hướng các hình thức PBGDPL như sau:

Thứ nhất, mỗi hình thức PBGDPL đều có ưu điểm nhất định của nó, tùy thời điểm, đối tượng và nguồn lực mà thực hiện hình thức cho phù hợp. Qua nghiên cứu, nhận thấy tiềm năng và xu hướng PBGDPL bằng hình thức thông qua mạng internet là xu hướng sẽ chiếm ưu

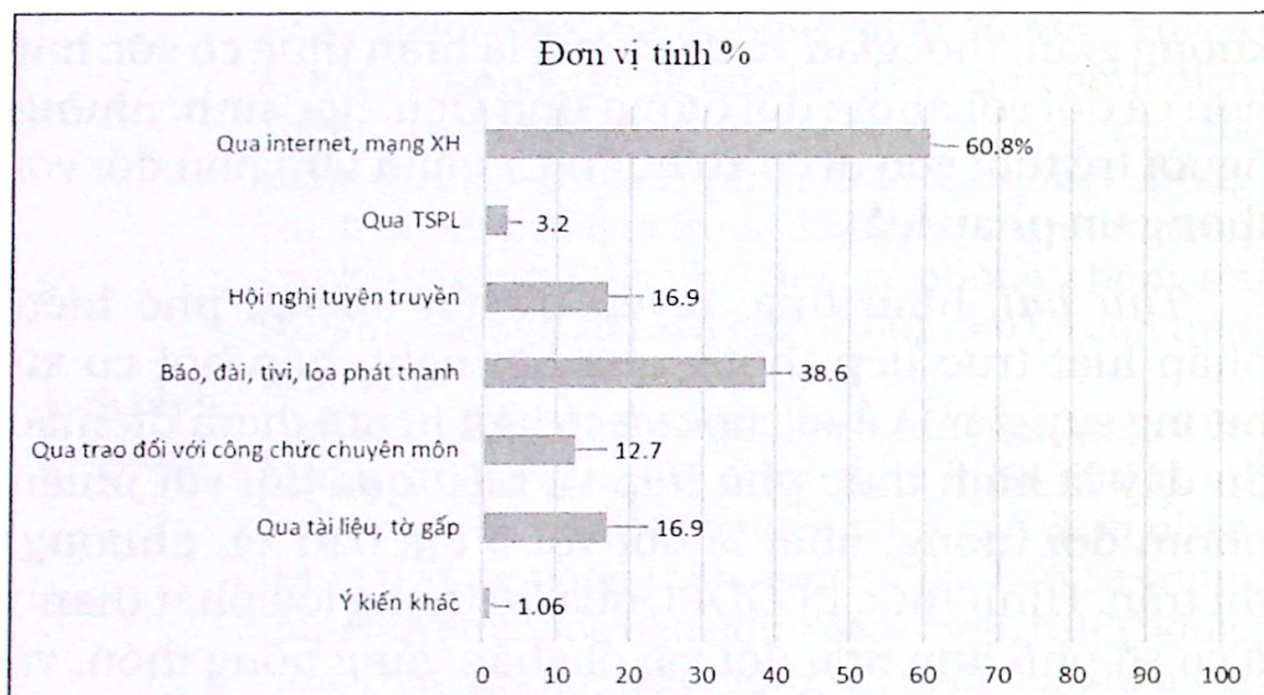
thế trong tương lai, thực tế việc PBGDPL qua các trang web, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội cá nhân, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến dễ dàng thu hút nhiều người tham gia hơn, không bị giới hạn nhiều về không gian, thời gian và đây cũng là hình thức có sức hút hơn cả đối với nhóm đối tượng sinh viên, học sinh, những người trẻ tuổi vốn dĩ có xu hướng ít quan tâm hơn đối với thông tin pháp luật.

Thứ hai, hình thức tuyên truyền miệng, phổ biến pháp luật trực tiếp thông qua hội nghị, họp hội có xu hướng suy giảm về số cuộc và số lượt người tham dự mặc dù đây là hình thức phù hợp và hiệu quả đối với nhiều nhóm đối tượng, nhất là đối với ở địa bàn xã, phường, thị trấn. Hình thức PBGDPL qua hệ thống loa phát thanh ở cơ sở phù hợp hơn đối với địa bàn vùng nông thôn, và phù hợp trong những thời điểm nhất định nào đó (như vừa qua thời điểm dịch bệnh bùng phát), đây là hình thức có điểm thuận lợi là truyền thông tin đi rộng khắp trên một địa bàn, mang tính phổ thông, dễ tiếp cận đối với người dân.

Thứ ba, một số hình thức tuyên truyền vẫn còn thụ động bởi nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân khách quan có thể kể đến việc vẫn còn lệ thuộc vào chương trình, kế hoạch của cấp trên như hình thức tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Vẫn có hình thức tuyên truyền phụ thuộc nhiều vào cơ sở vật chất, trang bị và kinh phí hoạt động của địa phương như hoạt động tuyên truyền bằng loa phát thanh.

Bên cạnh việc tìm hiểu thực trạng các hình thức PBGDPL, đề tài nghiên cứu đồng thời khảo sát mức độ phổ biến của các hình thức này với một số phương thức

TCPL khác của người dân trên thực tế để có cơ sở so sánh hiệu quả và xu hướng TCPL của người dân trong thời gian gần đây.



Biểu đồ 2.6: Kết quả khảo sát các hình thức tiếp cận thông tin pháp luật phổ biến của người dân

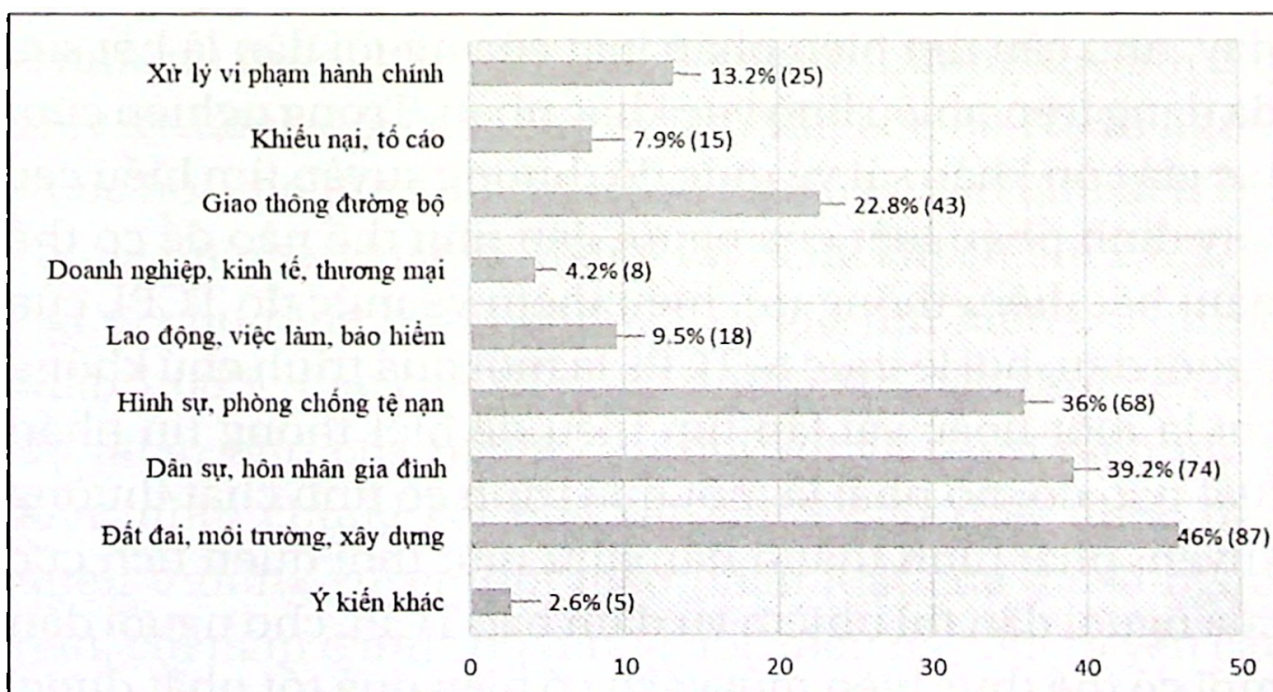
Dựa trên kết quả khảo sát cho thấy các hình thức TCPL của người dân qua internet đã trở nên phổ biến chiếm tới 60,8%, tiếp theo là tiếp cận qua báo, đài, tivi, loa phát thanh với 38,6%. Các hình thức khác như: tiếp cận qua tài liệu pháp luật, hội nghị tuyên truyền, trao đổi với công chức chuyên môn chiếm tỷ lệ không quá cao, phản ánh cách thức tiếp cận thông tin pháp luật qua các hình thức này còn hạn chế, trong đó đặc biệt là Tủ sách pháp luật chỉ được có 3,2% ý kiến lựa chọn, điều này phản ánh thực tế của hình thức Tủ sách pháp luật đang được áp dụng tại một số địa phương không được đánh giá cao về hiệu quả.

Qua đó có thể thấy, trong thời đại công nghệ hiện

nay việc TCPL qua internet đã chiếm một vai trò không nhỏ, thể hiện thái độ chủ động của người dân trong việc tìm hiểu pháp luật thay vì thụ động nhận thông tin qua tuyên truyền hội nghị, truyền thanh hay tờ gấp, tài liệu trước kia. Từ đó cho thấy chính quyền địa phương nên có những sự đổi mới thích hợp, phù hợp với nhu cầu của người dân để tăng hiệu quả tuyên truyền chính sách pháp luật của nhà nước.

c) Nhu cầu TCPL của người dân

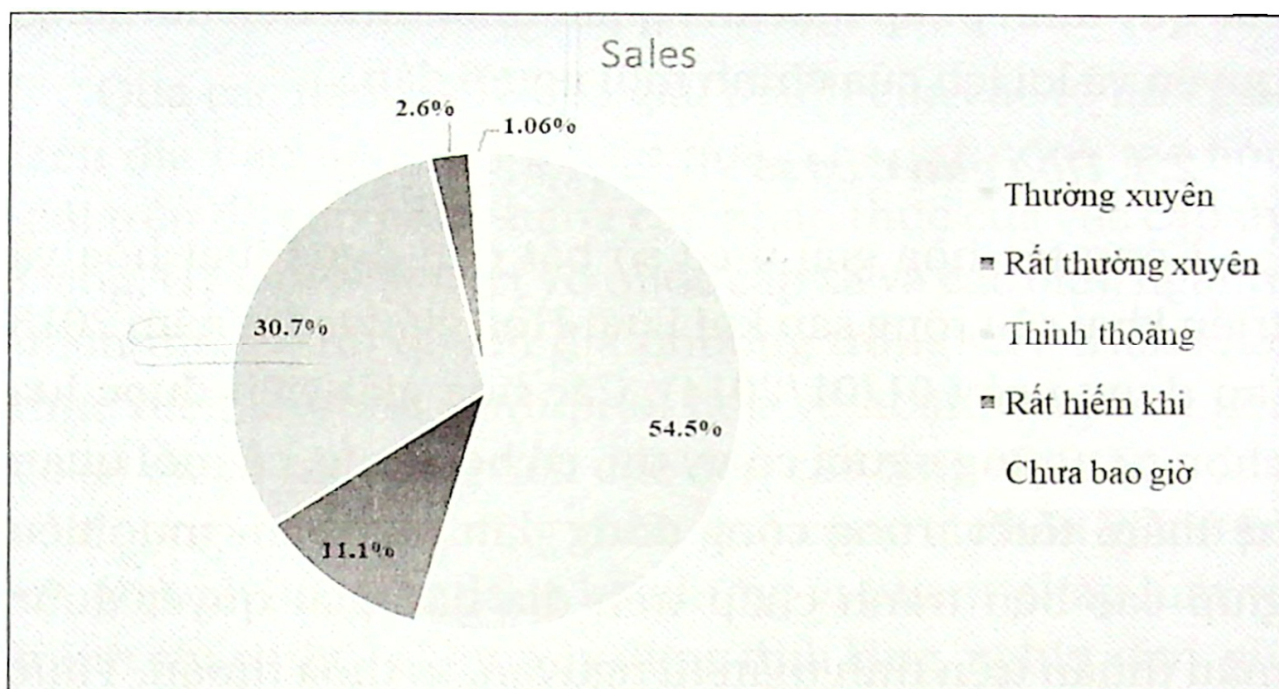
Tìm hiểu nhu TCPL của người dân là một yêu cầu quan trọng giúp cho việc PBGDPL trở nên thiết thực hiệu quả, bám sát vào nhu cầu của người dân và nguyện vọng của xã hội. Định hướng được nhu cầu TCPL của người dân là cơ hội để chính quyền có thể đạt được mục đích tuyên truyền cũng để làm tăng hiệu quả và sự thỏa mãn của người dân đối với các thiết chế TCPL.



Biểu đồ 2.7: Kết quả khảo sát nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân

Người dân có xu hướng tìm hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh hành vi phổ biến nhất liên quan các lĩnh vực như: các luật và quy định về đất đai, xây dựng, môi trường có xu hướng được tiếp cận nhiều nhất chiếm tỷ lệ 46% trên tổng số người được hỏi, vì liên quan trực tiếp đến nguồn tài sản lớn của người dân là đất đai. Tiếp theo là lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình cũng được quan tâm với 39,2%; pháp luật hình sự, phòng chống các loại tệ nạn chiếm 36%; liên quan pháp luật về giao thông đường bộ chiếm 22,8%; xử lý vi phạm hành chính chiếm 13,2%; lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm chiếm 9,5%; khiếu nại, tố cáo chiếm 7,9%; lĩnh vực pháp luật kinh tế, thương mại và doanh nghiệp có mức tìm hiểu thấp chỉ với 4,2%; thêm một số ý kiến khác liên quan quy định pháp luật về giáo dục, y tế, bồi thường, văn hóa chiếm 2,6%.

Kết quả này phần nào thể hiện điều kiện, tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương Đồng Nai hiện nay, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân là hết sức đa dạng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong nghiên cứu, tác giả còn khảo sát về mức độ thường xuyên tìm hiểu các quy định pháp luật của người dân như thế nào để có thể nắm bắt thêm thông tin, hiểu thêm về mức độ TCPL của người dân, bởi lẽ thực tế TCPL là một quá trình chứ không chỉ là một hoặc vài lần tìm hiểu để biết thông tin pháp luật nào đó, nó phải là một quá trình có tính chất thường xuyên, phải hình thành dần như một thói quen tích cực của người dân thì nhiệm vụ đảm bảo TCPL cho người dân mới có thể thực hiện một cách có hiệu quả tốt nhất được.



Biểu đồ 2.8: Kết quả khảo sát mức độ thường xuyên tìm hiểu các quy định pháp luật của người dân

Kết quả khảo sát thể hiện thông qua Biểu đồ 2.12 cho thấy có 65,5% số người được hỏi cho rằng họ tìm hiểu quy định pháp luật ở mức độ từ thường xuyên trở lên (11,1% ở mức rất thường xuyên, 54,5% ở mức thường xuyên), đây là tỷ lệ tương đối cao. Tuy nhiên, vẫn còn 30,7% số người được hỏi cho rằng họ chỉ thỉnh thoảng quan tâm đến các thông tin pháp luật, số người rất hiếm khi chiếm 2,6%, số người cho rằng mình không bao giờ tìm hiểu chiếm rất thấp 1,06%. Các con số phản ánh phần nào thực tế mức độ quan tâm của người dân đối với việc tìm hiểu pháp luật, nhìn chung kết quả vẫn chưa cho thấy được thói quen thường xuyên tìm hiểu pháp luật của đa số người dân, chỉ nằm ở mức độ tương đối, điều này đặt ra yêu cầu trong nhiệm vụ xây dựng chuẩn TCPL cần phải có giải pháp nhằm thay đổi nhận thức, thói quen và cho người dân nhận thấy được lợi ích của việc nắm bắt, am hiểu

các quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống, quyền và lợi ích của chính mỗi người dân.

2.4. Hòa giải ở cơ sở

Công tác hòa giải ở cơ sở bắt đầu được luật hóa và triển khai sâu rộng sau khi Luật Hòa giải ra đời năm 2013 (áp dụng ngày 01/01/2014). Các hòa giải viên được lựa chọn từ những người có uy tín, có học thức, có mối quan hệ thắm thiết trong cộng đồng dân cư nhằm mục tiêu giúp các bên tranh chấp trên địa bàn giải quyết được mâu thuẫn trên tinh thần tự nguyện, tự thỏa thuận. Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”, hàng năm, Sở Tư pháp đều tổ chức các hội nghị tập huấn kỹ năng hòa giải cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện, hòa giải viên ở cơ sở và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các Hội nghị tập huấn; theo đó, Sở Tư pháp đã đăng tải đầy đủ tài liệu tập huấn trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Đồng Nai và có văn bản triển khai đến UBND các huyện, thành phố để các tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo phù hợp với thời điểm tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 940 tổ hòa giải với 5.465 hòa giải viên, tính riêng trong năm 2021, các tổ hòa giải đã tiếp nhận 1.249 vụ việc yêu cầu hòa giải. Trong đó hòa giải thành: 926 vụ (đạt tỷ lệ 77%); hòa giải không thành chuyển cơ quan chức năng giải quyết: 277 vụ (đạt tỷ lệ

23%); số vụ việc chưa giải quyết xong: 46 vụ⁽¹⁾.

Qua các năm, tỷ lệ hòa giải thành của các tổ hòa giải trên địa bàn ngày càng hiệu quả. Kết quả công tác hòa giải trên đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện chương trình phối hợp về hoạt động hòa giải cơ sở đã có tác động tích cực đến các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần giảm đáng kể những vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ, nhằm xây dựng tình làng, nghĩa xóm, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố và phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng khu dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nói về vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở trong việc hạn chế các tranh chấp, khởi kiện phát sinh, kết quả khảo sát đối tượng công chức tư pháp - hộ tịch cho thấy có đến 58,8% số người được hỏi cho rằng rất quan trọng, 32% cho rằng quan trọng và 9,2% cho rằng bình thường, không có ý kiến cho rằng không quan trọng.

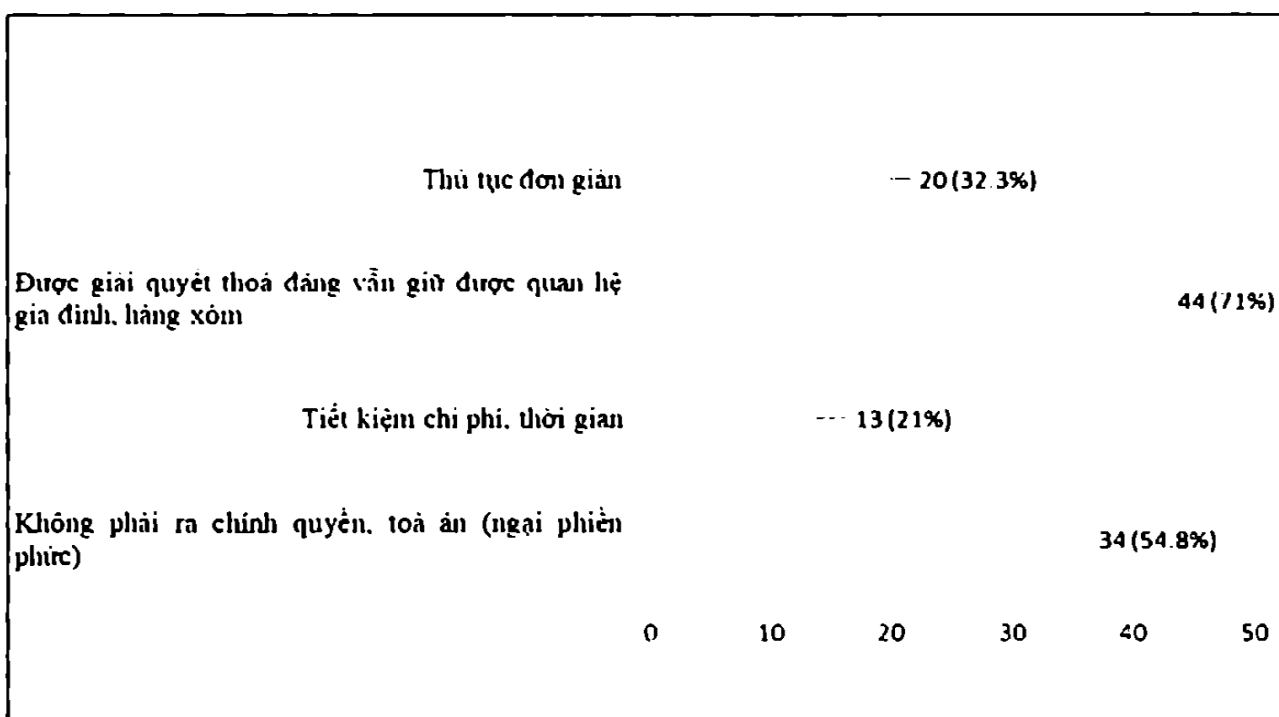
Hòa giải ở cơ sở là một hoạt động mang tính xã hội tự nguyện, tự quản ở cộng đồng và các hòa giải viên tham gia hòa giải hoàn toàn dựa trên tinh thần tự nguyện, trách nhiệm với cộng đồng và không có danh lợi. Khi tham gia

1 Báo cáo số 292/BC-STP ngày 26/11/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai về tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022.

công tác hòa giải, hòa giải viên thường gặp nhiều áp lực khác nhau, thường phải bỏ thời gian nghỉ ngơi cá nhân và làm thêm giờ để làm công tác hòa giải, loại trừ những nguy cơ tiềm ẩn, giải quyết nỗi lo, giải quyết tranh chấp cho người dân, góp phần duy trì sự hài hòa và ổn định của xã hội. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn một số người không hiểu công việc này, một bộ phận hòa giải viên tham gia công tác hòa giải ở cơ sở mà không có sự thấu hiểu, chia sẻ, ủng hộ từ phía gia đình... nên để làm tốt công tác hòa giải không phải là điều dễ dàng; đòi hỏi hòa giải viên phải: (i) có cảm xúc chân thật. Với tư cách là hòa giải viên, khi các bên tranh chấp đề nghị hòa giải, họ phải đón tiếp nồng hậu và phục vụ nhiệt tình, chủ động tìm hiểu sự việc mà hai bên báo cáo và chân thành lắng nghe ý kiến của các bên. Chỉ có thể hiện tình cảm chân thành thì lòng tin của quần chúng đối với hòa giải viên mới được củng cố và quần chúng mới có thể mở lòng chia sẻ. Sự thật chính là chìa khóa để mở ra cánh cửa hòa giải; (ii) Hai là hòa giải theo quy định của pháp luật. Khác với trước đây, bây giờ nhiều xung đột, tranh chấp liên quan đến nhiều luật liên quan, mọi người đều có ý thức pháp luật và bảo vệ quyền lợi, nên rất khó giải quyết và chỉ nhiệt tình hòa giải thôi là chưa đủ. Hòa giải viên cần chú trọng nghiên cứu luật pháp, chính sách liên quan mật thiết đến sản xuất và đời sống của người dân ở cơ sở, đưa ra những ý kiến, đề xuất phù hợp với chính sách pháp luật thì mới thuyết phục được các bên. Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên phải điều tra và hiểu đầy đủ nguyên nhân của tranh chấp, nhu cầu và ý tưởng của cả hai bên và “kê đơn thuốc” phù hợp; phải công bằng và chính đáng, dựa trên sự kiện và luật

pháp là tiêu chí, và không thiên vị. Chỉ bằng cách này, hòa giải viên mới có thể tạo dựng được uy tín trong nhân dân, giải quyết các tranh chấp và ngăn ngừa các tranh chấp xảy ra; (iii) phải kiên nhẫn, quá trình hòa giải xung đột và tranh chấp là một quá trình thuyết phục và hướng dẫn tích cực. Trong quá trình hòa giải cụ thể, các bên sẽ không nhất thiết chấp nhận ý kiến và đề xuất của hòa giải viên ngay từ đầu, và cần phải có một quá trình trao đổi và thương lượng lặp đi lặp lại. Nếu hòa giải viên thiếu kiên nhẫn, việc giải quyết tranh chấp có thể không diễn ra.

Tuy vậy, để có cái nhìn khách quan nhất về xu hướng lựa chọn hòa giải để giải quyết tranh chấp của người dân, trong nghiên cứu tác giả đã khảo sát ý kiến người dân, kết quả như sau:



Biểu đồ 2.9: Kết quả khảo sát lý do người dân lý do người dân chọn tiến hành hòa giải ở cơ sở khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp

Qua khảo sát cũng cho thấy, phần lớn người dân lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng hòa giải vì những lý do chủ yếu là được giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thỏa đáng nhưng vẫn giữ được quan hệ trong gia đình, tình làng nghĩa xóm, có đến 71% số người được hỏi trả lời ý kiến này; lý do tiếp theo là người dân không phải ra chính quyền, tòa án để giải quyết vì tâm lý ngại phiền phức, chiếm 54,8%; thủ tục giải quyết đơn giản, không rườm rà phức tạp, chiếm 32,3%; lý do tiết kiệm được chi phí, thời gian giải quyết chiếm 21%. Kết quả trên cho thấy xu hướng lựa chọn hình thức hòa giải của người dân liên quan nhiều đến yếu tố tâm lý vừa muốn đảm bảo lợi ích của mình, vừa không muốn mất lòng người khác, giữ gìn hòa khí và tâm lý ngại va chạm, phiền phức khi đem vụ việc ra chính quyền, tòa án để giải quyết, cùng với đó là tiết kiệm chi phí và rút gọn thời gian xử lý.

Tuy nhiên, còn tồn tại thực tế trong công tác hòa giải là áp lực trong một vụ việc hòa giải nhiều khi là rất lớn, giải quyết tranh chấp ở cơ sở phổ biến với các mâu thuẫn vụn vặt nhưng rất dễ gây kích động đối với các bên trong tranh chấp. Tình huống trong một vụ hòa giải nhiều khi khác hẳn so với quy chuẩn một buổi hòa giải theo quy định.

Tất cả những tồn tại, hạn chế nêu trên đã trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả công tác hòa giải ở cơ sở tại các địa phương này và ở khía cạnh nhất định đã gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL ở cơ sở.

2.5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là là tiêu chí được các địa phương cấp xã hoàn thành với số điểm trung bình khá cao, 100% các cấp trong đánh giá chuẩn TCPL đều đạt trong tiêu chí này. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở được đánh giá triển khai theo 5 chỉ tiêu thành phần trong đó.

Việc công khai các nội dung quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện quy chế dân chủ các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh đã cụ thể hóa nhiều nội dung, công khai cho nhân dân biết thông qua đài phát thanh, tổ chức họp dân, niêm yết công khai tại trụ sở UBND biết về những chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến nhân dân như: kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán, quyết toán thu chi ngân sách hàng năm; phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các loại quỹ theo quy định về mức thuế, phí, lệ phí, các nghĩa vụ của công dân, các khoản huy động nhân dân đóng góp, kết quả bình xét hộ nghèo; công khai danh sách nguồn thanh niên sẵn sàng nhập ngũ, diện miễn hoãn, chế độ chính sách xã hội, người có công.

Những vấn đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như: Huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi; xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa; quỹ khuyến học, quỹ vệ sinh môi trường, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ ngày vì người nghèo và các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư; thành lập Ban giám sát các công trình xây dựng do dân đóng góp; giữ gìn an ninh trật tự,

an toàn giao thông, vệ sinh môi trường thôn, bình xét gia đình văn hóa, hộ nghèo...

Về những nội dung nhân dân được tham gia ý kiến: UBND các xã, thị trấn đã tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến tham gia của nhân dân trước khi đưa ra quyết định như: xây dựng Nghị quyết của HĐND, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của UBND; việc xây dựng Hương ước, quy ước.

Những nội dung nhân dân giám sát, kiểm tra được thực hiện các hoạt động của cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế, các dự án đầu tư xây dựng, thực hiện an sinh xã hội thông qua tiếp xúc cử tri tham gia kỳ họp HĐND, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát cộng đồng. Các nội dung giám sát chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: dự toán, quyết toán ngân sách; giám sát xây dựng các công trình do dân đóng góp, quản lý và sử dụng đất đai; giám sát thu, chi ngân sách địa phương và các khoản đóng góp của dân, kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc liên quan đến tổ chức, công dân đều được UBND xã, phường, thị trấn công khai dân chủ nên đã hạn chế được các khiếu nại, thắc mắc trong nhân dân.

Tuy nhiên, cùng với kết quả đạt được, việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh vẫn còn những hạn chế do một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa làm hết vai trò trách nhiệm trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chưa gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị. Công tác kiểm tra, đôn đốc ở một số nơi vẫn chưa được quan tâm chỉ đạo sát sao.

Với vai trò là thước đo đánh giá sự dân chủ ở các địa phương, việc thực hiện dân chủ tốt đồng nghĩa với việc người dân đã có những hiểu biết về pháp luật ở mức cụ thể. Tuy nhiên qua khảo sát, tác giả nhận thấy việc thực hiện quy chế về dân chủ ở địa phương vẫn chưa đạt như kỳ vọng, kết quả đánh giá chuẩn TCPL ở khía cạnh thực hiện quy chế dân chủ có thể đã không phản ánh đúng thực trạng này. Các đánh giá của người dân về các nội dung thực hiện quy chế về dân chủ vẫn còn thiếu sự lạc quan nhất định khi chỉ 62,6% số người được hỏi cho rằng việc thực hiện quy chế dân chủ là hiệu quả ở các mức độ khác nhau, 6,4% số người được hỏi cho rằng quy chế dân chủ không thực sự hiệu quả và có đến 31% số người được hỏi không đánh giá vì không muốn hoặc không có đủ kiến để đánh giá.

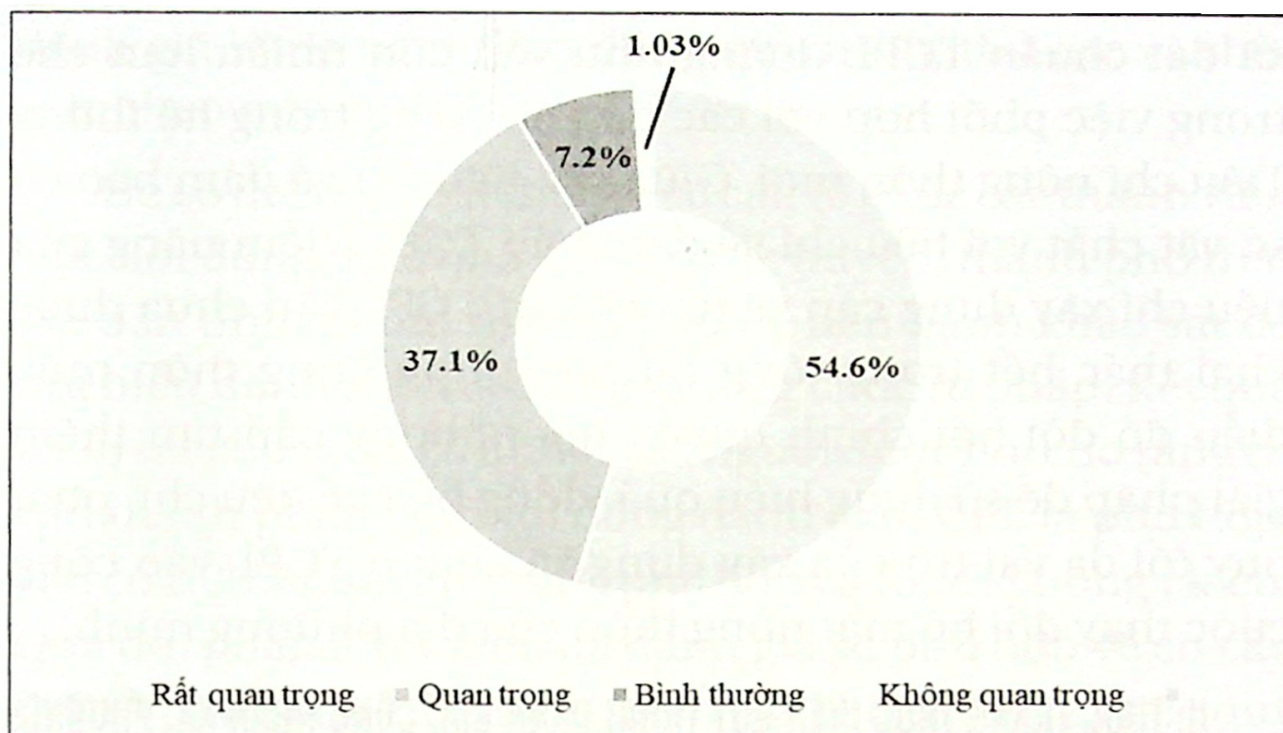
2.6. Xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong tổng thể phát triển nông thôn mới

Việc xây dựng nông thôn mới đang được triển khai sâu rộng ở các địa phương, nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân. Các địa phương đã tích cực chỉ đạo, hướng dẫn triển khai đồng bộ, nghiêm túc, đặc biệt chú trọng việc đánh giá chuẩn TCPL đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới. Các địa phương ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL trong thực hiện chương trình xây dựng mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, ra hướng dẫn về thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn TCPL, việc sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn TCPL để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới phối hợp tổ chức tuyên truyền, thông tin, tập huấn,

bố trí nguồn lực giúp địa phương tăng cường thực hiện cải cách TTHC, phát huy dân chủ, sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận thông tin nhất là ở cơ sở; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng phục vụ và cung cấp dịch vụ công, nâng cao hiệu lực hiệu quả thi hành pháp luật.

Hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL đã được thể hiện rõ qua “những con số biết nói” như các nội dung tuyên truyền pháp luật thường xuyên và phổ biến hơn đem đến cho đời sống văn hóa của người dân một tinh thần thượng tôn pháp luật, xây dựng văn hóa hành xử trong khuôn khổ pháp luật đóng góp vào sự thay đổi toàn diện trong việc xây dựng nông thôn mới.

Hiệu quả của chuẩn TCPL còn một phần thể hiện tinh thần tự nguyện tự giác, sẵn sàng đóng góp vật chất, góp một phần đất cho việc mở rộng đường giao thông nông thôn, các vụ việc vi phạm mục đích sử dụng đất ngoài xu hướng giảm còn theo đó là tinh thần tự giác khắc phục hậu quả, ý thức của bà con nhân dân trong đóng góp vào công việc chung của làng xã. Với việc phát huy hiệu quả của các nội dung chuẩn TCPL, bộ mặt nông thôn mới sẽ đảm bảo nhiều chuyển biến tích cực trong lối sống của người dân, góp phần xây dựng xã hội văn minh, thượng tôn pháp luật và xây dựng chính quyền vững mạnh.



Biểu đồ 2.10: Kết quả khảo sát đánh giá về vai trò của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong tổng thể phát triển nông thôn mới

Kết quả khảo sát cho thấy đa số cho rằng xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong tổng thể phát triển nông thôn mới đóng vai trò quan trọng, chiếm 91,7% (gồm mức quan trọng 37,1% và rất quan trọng 54,6%), số người đánh giá mức không quan trọng chỉ chiếm 1,03%. Có thể thấy rằng chiếm đa số trong đội ngũ công chức tư pháp ở cơ sở nhận thức rõ về tầm quan trọng của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch là đội ngũ chủ chốt tại các xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ và đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL, vì thế, kết quả khảo sát cho thấy tín hiệu lạc quan, đồng thời là cơ sở để đặt ra giải pháp để phát huy vai trò của đội ngũ công chức tư pháp nhiều hơn nữa trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Tuy nhiên, kết quả đạt được từ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL dường như vẫn còn nhiều hạn chế trong việc phối hợp với các tiêu chí khác trong hệ thống Tiêu chí nông thôn mới. Giữa các tiêu chí về đảm bảo cơ sở vật chất với tiêu chí về đảm bảo TCPL, tiềm năng của tiêu chí xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL vẫn chưa được khai thác hết trong tổng thể xây dựng nông thôn mới, điều đó đòi hỏi chính quyền địa phương cần tìm thêm giải pháp để sử dụng hiệu quả, đồng bộ các tiêu chí, phát huy tối đa vai trò của xây dựng xã chuẩn TCPL vào công cuộc thay đổi bộ mặt nông thôn của địa phương mình.

II. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL

1. Về hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL

Thực tiễn triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, tại 11 đơn vị các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều thành lập Hội đồng đánh giá TCPL với thành phần và hoạt động theo đúng quy định. Hội đồng đánh giá TCPL được thành lập ở cấp huyện thời gian qua đã phát huy được vai trò của mình trong việc xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu minh chứng của cấp xã đề nghị xét công nhận đạt chuẩn TCPL. Các cơ quan thành viên Hội đồng đã phát huy vai trò của mình trong việc kết hợp thực hiện nhiệm vụ, trong đó chủ lực vẫn là Phòng Tư pháp cấp huyện, với Trưởng phòng Tư pháp giữ vai trò thường trực Hội đồng đánh giá TCPL, hoạt động kết nối giữa các thành viên do cơ quan thường trực thực hiện; đồng thời, Phòng Tư pháp cũng đóng vai trò tham mưu chính, trực tiếp nhất cho Chủ tịch Hội đồng đánh giá TCPL về các vấn đề liên quan; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, nhắc

nhỏ kịp thời UBND các xã, phường, thị trấn trong việc đánh giá hàng năm theo đúng quy trình, thủ tục và thời gian theo quy định.

Để có thể nắm bắt thực tế cơ cấu tổ chức các thành viên của Hội đồng đánh giá TCPL ở các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát để tìm hiểu đánh giá của đội ngũ công chức tư pháp. Kết quả khảo sát cho thấy, có 82,44% số người được hỏi cho rằng cơ cấu thành phần của Hội đồng đánh giá TCPL là phù hợp, vẫn có 2,06% cho rằng chưa phù hợp và 15,5% không ý kiến. Qua đó, phần lớn ý kiến đã đánh giá sự phù hợp về cơ cấu thành phần của Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL, việc quy định các thành phần hợp lý, đầy đủ sẽ giúp đảm bảo cho Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện hoạt động hiệu quả thiết thực hơn.

2. Về tuân thủ quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, cùng với sự tuân thủ đúng quy định về cơ cấu tổ chức Hội đồng đánh giá TCPL, việc thực hiện đánh giá chuẩn TCPL hàng năm tại các địa phương từ cấp xã đến cấp huyện đã thực hiện theo đúng quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu TCPL, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL. Kết quả khảo sát về nội dung này

cho thấy tỷ lệ cao có 91,74% ý kiến đánh giá việc thực hiện tuân thủ đúng quy trình, thời gian quy định, 1,03% đánh giá việc thực hiện tuân thủ đúng quy trình, nhưng trễ so thời gian quy định, 1,03% đánh giá chưa đảm bảo đúng quy trình và 6,2% không ý kiến.

Xét về thời gian thực hiện đánh giá chuẩn TCPL, việc hoàn tất quá trình đánh giá hàng năm cũng tuân theo đúng quy định, qua khảo sát việc đánh giá đúng thời gian quy định chiếm đến 98,9%.

Như vậy, nhìn chung tuân thủ quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL trên địa bàn tỉnh được thực hiện một cách nghiêm túc theo đúng quy định. Đây là nhiệm vụ thực hiện hàng năm nên các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan ý thức rõ việc thực hiện. Nhìn vào kết quả từ năm 2017 đến nay, chỉ riêng năm 2017 có nhiều trường hợp các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã không kịp thời thực hiện đánh giá, gửi hồ sơ đề nghị bởi lý do đây là năm đầu tỉnh triển khai thực hiện nên nhiều địa phương còn lúng túng, bên cạnh đó chưa có sự phối hợp, hướng dẫn kịp thời giữa các cơ quan liên quan. Tuy nhiên, kể từ năm 2018 đến nay thì không xuất hiện tình trạng không tiến hành đánh giá, chậm đánh giá ở các xã, phường, thị trấn nữa.

III. THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL Ở TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chính sách, pháp luật của cấp Trung ương và địa phương về xây dựng cấp xã chuẩn TCPL

Xây dựng địa phương đạt chuẩn TCPL là nhiệm vụ đã được quy định trong Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn TCPL của người dân tại cơ sở và được tổ chức thí điểm ở 05 tỉnh, thành phố là Cà Mau, Điện Biên, Thái Bình, Quảng Bình và Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở tổng kết và rút kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai nhiệm vụ này tại 5 địa phương này, Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, trong đó triển khai đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn TCPL trong cả nước. Trên cơ sở Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định về ban hành quy định xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu TCPL, Hội đồng đánh giá TCPL và một số nội dung về xây dựng xã, phường thị trấn đạt chuẩn TCPL.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2017-2021 tồn tại một thực tế liên quan vấn đề văn bản, chính sách ở đây là Quyết định số 619/QĐ-TTg được ban hành theo hình thức không phải văn bản quy phạm pháp luật nhưng lại chứa đựng nội dung có tính quy phạm, được áp dụng bắt buộc chung đối với các cơ quan, tổ chức trong phạm vi toàn quốc. Do đó, xét về hình thức văn bản, việc ban hành

Quyết định chưa phù hợp với tinh thần của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện Quyết định trên thực tế thời gian qua cho thấy do chưa được ban hành theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, nên có nơi, có lúc, có địa phương triển khai nhiệm vụ được giao chưa nghiêm túc, chưa đồng bộ, thống nhất, chỉ chú trọng gắn với đánh giá xã đạt nông thôn mới, dẫn đến hiệu quả chưa rõ nét.

Do đó, kể từ ngày 01/01/2022 sẽ áp dụng theo quy định mới về chuẩn TCPL theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL. Các bản bản nói trên chính là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL được tiến hành đồng bộ trên phạm vi cả nước.

Tại Đồng Nai, các thể chế, chính sách về PBGDPL, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được thực hiện nghiêm túc trên địa bàn tỉnh. Các nhiệm vụ xây dựng thể chế, chính sách pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND và UBND tỉnh được đảm bảo theo quy định. Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL và chuẩn TCPL của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh Đồng

Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL và chuẩn TCPL của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định. Đây cũng là cơ sở để UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ xây dựng kế hoạch, mục tiêu tăng cường PBGDPL, hòa giải cơ sở và nhiệm vụ xây dựng chuẩn TCPL ở cấp xã.

Trước năm 2017, việc thực hiện các nội dung trên vẫn là các nội dung riêng lẻ, cho đến năm 2017, việc xây dựng và đánh giá xã đạt chuẩn TCPL được đưa vào thực hiện đã hình thành nên thước đo đánh giá hiệu quả các biện pháp tuyên truyền, giáo dục của nhà nước đối với quyền TCPL của người dân, trên cơ sở kết hợp thực hiện theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Từ thực tiễn đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong thời gian qua cho thấy, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước, nhất là tại cơ sở trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, sau 5 năm triển khai, vì còn là lĩnh vực mới được xây dựng, vì vậy các chính sách của Nhà nước vẫn chưa được hoàn thiện, một số tiêu chí, chỉ tiêu có nội dung chung chung, định tính dẫn tới cách hiểu, cách vận dụng chưa thống nhất gây khó khăn cho việc chấm điểm. Bên cạnh đó, một số tiêu chí chưa thực sự phù hợp, còn có khoảng cách so với nhu cầu điều kiện thực tế tại địa phương.

2. Năng lực của đội ngũ công chức chuyên môn, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở

Con người mà cụ thể ở đây là cán bộ, công chức chuyên môn và những cá nhân được phân công thực hiện các nhiệm vụ trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL là yếu tố quyết định đến hiệu quả hoạt động của nhiệm vụ này, trong các yếu tố ảnh hưởng thì yếu tố về năng lực của cán bộ, công chức làm công tác pháp luật có ảnh hưởng cao nhất, chiếm 62,9% số ý kiến lựa chọn. Cụ thể hơn, qua khảo sát đánh giá mức độ ảnh hưởng của công chức chuyên môn, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên cơ sở đến hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL cho thấy được có 57,7% ý kiến cho rằng đội ngũ này ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả; 40,2% cho rằng có ảnh hưởng và chỉ có 5,1% cho rằng không ảnh hưởng nhiều; không có ý kiến nào cho rằng hoàn toàn không ảnh hưởng. Điều này cho thấy được sự nhận thức rất rõ ràng về vai trò của đội ngũ này ảnh hưởng đến hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, đây sẽ là cơ sở quan trọng để đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế cũng như nguyên nhân hạn chế để có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Để việc thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL có hiệu quả thì một trong những nội dung quan trọng là công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức và lực lượng tham gia công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Hiện nay, đội ngũ công chức làm công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 3.041 người (trong đó bao gồm: 258 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; 373 báo cáo viên pháp luật cấp huyện; 2.410 tuyên truyền

viên pháp luật cấp xã)⁽¹⁾; có 940 tổ hòa giải với 5.465 hòa giải viên.⁽²⁾

Trong đó, lực lượng chính đóng vai trò nòng cốt trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại xã, phường, thị trấn chính là đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả sẽ tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của nhóm công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở và so sánh với đánh giá của người dân về hiệu quả của các nhóm này trong công việc để từ đó tìm ra những ưu điểm và hạn chế phục vụ nghiên cứu của đề tài.

2.1. Công chức tư pháp - hộ tịch xã, phường, thị trấn

Đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch xã, phường, thị trấn không chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực của mình mà còn phải thực hiện các chức năng khác được pháp luật quy định như theo dõi, tham mưu cho UBND cấp xã về công tác hòa giải, PBGDPL, kiểm soát văn bản, công tác tiếp dân, tiếp nhận và trả kết quả TTHC,... Để có thể đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ được giao đòi hỏi người công chức phải có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm giải quyết tình huống

1 Nguồn: Báo cáo số 9716/BC-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2 Nguồn: Báo cáo số 292/BC-STP ngày 26/11/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai về tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022.

phong phú, có khả năng giao tiếp tốt, công tâm, trình độ tin học văn phòng và linh hoạt trong công việc.

Hiện nay, theo số liệu thống kê toàn tỉnh có 296 công chức tư pháp - hộ tịch công tác ở 170 xã, phường, thị trấn.

Về độ tuổi: có đến 83,8% số công chức tư pháp - hộ tịch nằm ở độ tuổi từ 30 tuổi đến dưới 50 tuổi (từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi chiếm 51,4%, từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi chiếm 32,4%), đây là sự thuận lợi bởi nhóm độ tuổi này đang nằm trong độ tuổi “vàng” về sức khỏe, sự cống hiến, nhiệt huyết, học hỏi nâng cao trình độ cũng như có kinh nghiệm sống, kinh nghiệm công tác thực tiễn chuyên môn.

Về trình độ chuyên môn: có 259 công chức có chuyên môn luật từ trung cấp luật trở lên, 37 công chức có chuyên môn khác từ trung cấp trở lên. Có đến 289 công chức đạt trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên, chiếm đến 97,6%, đây có thể thấy là một thuận lợi, tỷ lệ cao về trình độ chuyên môn, điều này sẽ góp phần ảnh hưởng tích cực đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ này nói chung và chất lượng công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL nói riêng, đồng thời cũng giúp cho giảm bớt công sức cho việc đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức tư pháp - hộ tịch.

Về thời gian công tác tư pháp: có 31,4% công chức có thời gian công tác tư pháp từ 10 năm trở lên, đây là nhóm công chức có kinh nghiệm phong phú, vững vàng về chuyên môn nhưng tỷ lệ này thực sự chưa cao. Hàng năm, Sở Tư pháp với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã tích cực phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn Phòng

Tư pháp cấp huyện tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch để phục vụ công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; thường xuyên tổ chức tập huấn về các lĩnh vực chuyên môn của công tác tư pháp như: Công tác văn bản, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, hộ tịch, trợ giúp pháp lý... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch. Ngoài ra còn tổ chức cho công chức tư pháp - hộ tịch tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ liên quan đến các lĩnh vực pháp luật thiết thực, gần gũi với đời sống người dân và gắn với phạm vi nhiệm vụ của ngành, bổ sung các đầu sách pháp luật vào tủ sách pháp luật của các xã, phường, thị trấn để công chức tư pháp - hộ tịch vận dụng trong giải quyết công việc hằng ngày.

Kết quả khảo sát cho thấy có đến 75,24% ý kiến đánh giá ở mức độ từ thường xuyên trở lên (gồm thường xuyên và rất thường xuyên), có 22,7% cho rằng chỉ thỉnh thoảng, ý kiến cho rằng chưa bao giờ chiếm tỷ lệ rất thấp 2,06%. Tuy nhiên, kết quả khảo sát trên chỉ phản ánh được một khía cạnh là về mức độ thường xuyên, còn về khía cạnh tính chuyên sâu của việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng còn tồn tại hạn chế. Mặc dù việc tập huấn hiện nay về các nội dung nghiệp vụ tương đối chi tiết, tuy nhiên theo tìm hiểu trong nghiên cứu của đề tài thì riêng nội dung xây dựng cấp xã chuẩn TCPL chỉ được hướng dẫn qua các văn bản là chủ yếu, vẫn chưa có hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu nào về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL một cách bài bản và toàn diện, thường lồng ghép vào các đợt tập huấn liên quan công tác PBGDPL hoặc hòa giải ở cơ sở. Vì vậy trong thời gian tới, cần phải xây

dựng kế hoạch tập huấn nhiệm vụ này một cách cụ thể, chi tiết nhằm xây dựng đội ngũ nòng cốt phát huy được hiệu quả các thiết chế chuẩn TCPL ở địa phương.

Ngoài nhiệm vụ đóng vai trò nòng cốt trong lực lượng trực tiếp thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch còn được phân công thực hiện nhiều nhiệm vụ tại địa phương với khối lượng công việc lớn, nội dung các lĩnh vực chuyên biệt khác nhau như:

- Lĩnh vực hộ tịch được quy định bởi Bộ luật Dân sự 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Hộ tịch năm 2014.

- Lĩnh vực xây dựng, ban hành và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật quy định bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định bởi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

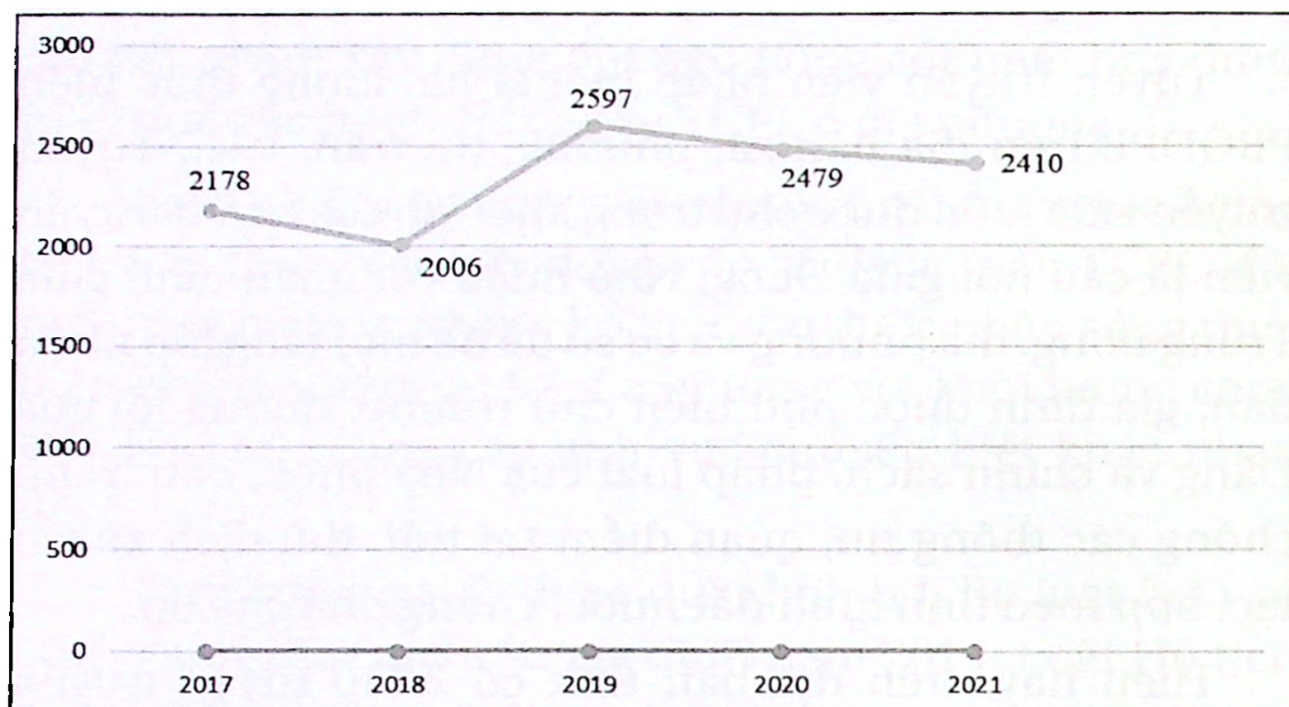
Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch phải thực hiện thêm nhiều các nhiệm vụ bổ trợ khác với vai trò là công chức được đào tạo về chuyên sâu về chuyên môn Luật như tham gia kiểm soát TTHC, tham gia hỗ trợ giải quyết thi hành án, làm đầu mối nhận và trả kết quả TTHC, giải quyết khiếu nại và tố cáo cũng khiến cho đội ngũ công chức tư pháp khó bao quát hết được những nhiệm vụ được phân công, điều này cũng giảm sự tập trung, gây ảnh hưởng đến việc nhiệm vụ thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại xã, phường, thị trấn.

2.2. Tuyên truyền viên pháp luật

Tuyên truyền viên pháp luật là lực lượng thực hiện PBGDPL trên địa bàn xã, phường, thị trấn, v.v... Tuyên truyền viên luôn được chú trọng, theo đó các tuyên truyền viên là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, giữa Trung ương, địa phương và cơ sở để đến mọi tầng lớp nhân dân, gia đình được phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đấu tranh chống các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, bóp méo tình hình đất nước, chống phá chế độ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 2.410 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã⁽¹⁾, trung bình mỗi xã, phường, thị trấn có 14,2 tuyên truyền viên pháp luật. Tuy vậy đội ngũ tuyên truyền viên trên địa bàn các xã, phường, thị trấn là không đồng đều và có sự đa dạng về thành phần như được lựa chọn từ những người có uy tín, trưởng thôn, trưởng khu dân cư, những người am hiểu về pháp luật, công chức và trưởng các ban, đoàn thể, hội ở cấp xã như Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Phụ nữ, Bí thư Đoàn thanh niên, công chức chuyên môn của xã, v.v...

1 Nguồn: Báo cáo số 9716/BC-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



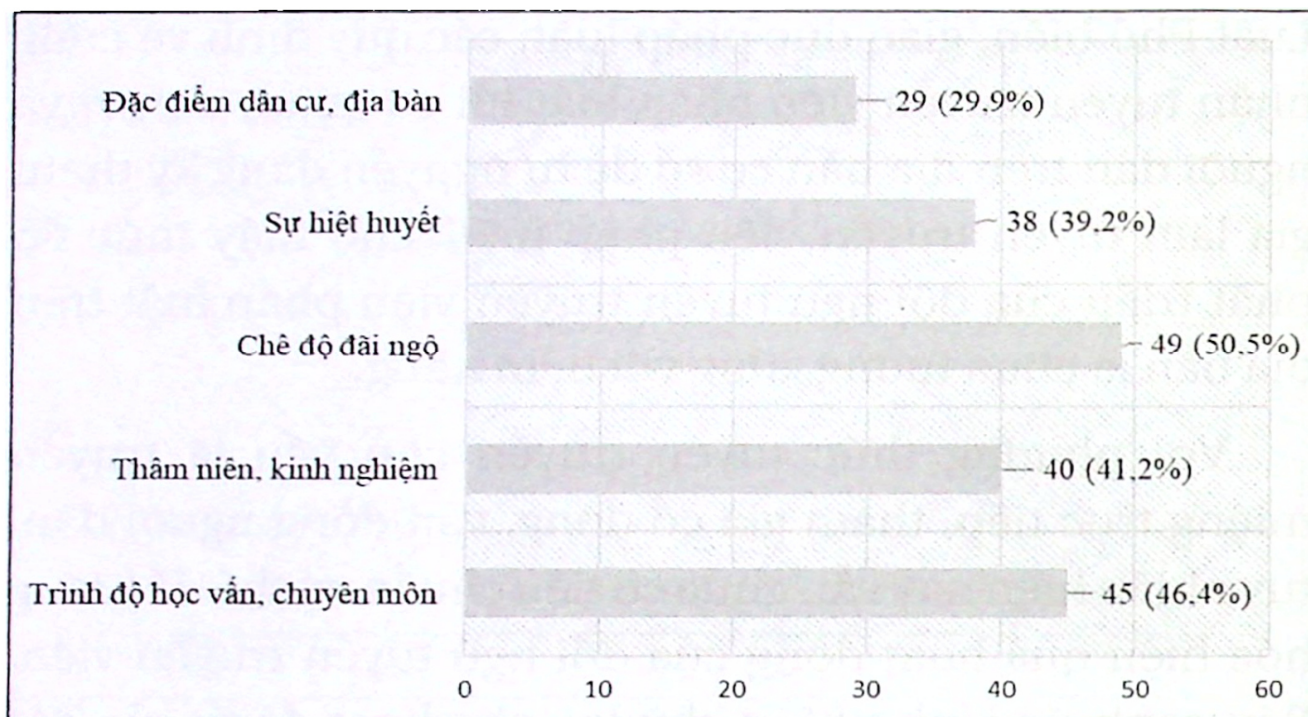
Biểu đồ 2.11: Biểu đồ phản ánh số lượng tuyên truyền viên pháp luật từ năm 2017 đến năm 2021 ở Đồng Nai (Nguồn: UBND tỉnh Đồng Nai)⁽¹⁾

Tuy vậy với quy định tại khoản 2, Điều 5 Thông tư 10/2016/TT-BTP quy định về việc công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật quy định “Định kỳ tháng 9 hàng năm, công chức tư pháp - hộ tịch chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi là địa bàn cơ sở) và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã thông báo công khai tiêu chuẩn

1 Báo cáo số 9716/BC-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

tuyên truyền viên pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; các quy định về công nhận tuyên truyền viên pháp luật tới cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn cơ sở để tự nguyện đăng ký tham gia làm tuyên truyền viên pháp luật” cho thấy mức độ phát triển của đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn là chưa tương xứng với tiềm năng.

Với phương thức tuyên truyền chủ yếu là truyền miệng trực tiếp, tham gia cổ động, vận động người dân, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có tiêu chuẩn cụ thể để lượng hóa hiệu quả hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên. Bên cạnh đó kinh phí và thù lao cho hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên được đảm bảo quy định tại Điều 9 Thông tư 10/2016/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, tuy nhiên trên thực tế tác giả tìm hiểu việc bố trí kinh phí cho đội ngũ tuyên truyền viên là khá khó khăn, kinh phí còn tương đối eo hẹp, chưa thực sự đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ tuyên truyền ở cơ sở đặt ra, do đó ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động tuyên truyền cũng như xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.



Biểu đồ 2.12: Kết quả khảo sát về yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật

Qua khảo sát, kết quả cho thấy có đến 50,5% số người được hỏi cho biết vấn đề chế độ đãi ngộ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật; kế đến là yếu tố trình độ học vấn, chuyên môn (46,4%); yếu tố thâm niên, kinh nghiệm (41,2%) và các yếu tố khác như sự nhiệt huyết của chính bản thân tuyên truyền viên pháp luật, vấn đề đặc điểm địa bàn, dân cư (như việc đi lại thuận tiện hay khó khăn, khu vực đông người dân sinh sống hay thưa thớt, vùng dân tộc thiểu số, người có đạo,...). Do tuyên truyền viên pháp luật thường là cán bộ, công chức kiêm nhiệm đảm nhận công việc chuyên môn ở các cơ quan thuộc chính quyền, đoàn thể nên sự tập trung toàn lực cho nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật là điều không thể. Chế độ đãi ngộ ở đây không chỉ là vấn đề hỗ trợ kinh phí thù lao, mà hơn thế nữa là sự

quan tâm của nhà nước đối với những người làm công tác này, cụ thể hơn là sự tạo điều kiện của cơ quan công tác cho tuyên truyền viên pháp luật được sắp xếp, bố trí thời gian thực hiện nhiệm vụ phổ biến pháp luật song song với nhiệm vụ chuyên môn.

2.3. Hòa giải viên

Hòa giải viên là người được công nhận theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở để thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở. Các hòa giải viên thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở, vì vậy hòa giải viên chính là những “thẩm phán cơ sở”, làm trung gian hòa giải, hạn chế trường hợp các bên đẩy mâu thuẫn đi xa hơn. Nếu các thẩm phán độc lập khi xét xử và chỉ tuân theo pháp luật thì hòa giải viên cũng tương tự sẽ tìm cách giải quyết phù hợp cho các bên, nhà nước sẽ không can thiệp vào quá trình hòa giải.

Hiện nay, Đồng Nai có 940 tổ hòa giải với 5.465 hòa giải viên⁽¹⁾ và thực tế đến nay các tổ hòa giải trên địa bàn các xã, phường, thị trấn đã căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương... đã bầu, công nhận những công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải, có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư, có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật

1 Nguồn: Báo cáo số 292/BC-STP ngày 26/11/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai về tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022.

tham gia các tổ hòa giải nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Qua biểu đồ thể hiện kết quả khảo sát cho thấy đối với hòa giải viên ở cơ sở, yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả là vấn đề thâm niên, kinh nghiệm (59,8%) trong thực hiện hòa giải, điều này khác với kết quả khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tuyên truyền viên pháp luật. Bởi lẽ, đối với hòa giải viên thì việc tiếp nhận và xử lý các mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng đòi hỏi có những kỹ năng, nghiệp vụ nhất định chứ không hề đơn giản, giải quyết mâu thuẫn có thể liên quan lợi ích của nhiều người nên đòi hỏi khả năng thuyết phục phải thật cao. Các yếu tố khác cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả, trong đó chế độ đãi ngộ là yếu tố thứ hai (54,6%) chỉ sau yếu tố thâm niên, kinh nghiệm, điều này cho chúng ta thấy được các vấn đề đãi ngộ, sự quan tâm về nhiều mặt của nhà nước đối với công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở là điều cấp thiết, phải đáp ứng được sự kỳ vọng của những người làm công tác này thì mới đạt được hiệu quả cao.

Theo số liệu thống kê của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Đồng Nai tính đến năm 2021, trong số 5.465 hòa giải viên ở cơ sở thì có 155 người có chuyên môn về luật, 5.310 người chưa qua đào tạo chuyên môn luật, hòa giải viên là người dân tộc thiểu số có 245 người⁽¹⁾. Qua nghiên cứu,

1 Nguồn: Báo cáo số 10/BC-HĐPH ngày 26/11/2021 của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Đồng Nai về kết quả thực hiện công tác PBGDPL năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

thực hiện xây dựng chuẩn TCPL tại cấp xã thì một trong những nhận định, đánh giá về những tồn tại, hạn chế của công tác hòa giải ở cơ sở là trình độ hiểu biết pháp luật của đội ngũ hòa giải viên còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu (có đến 20,6% số người được hỏi trả lời yếu tố đặc điểm dân cư, địa bàn). Nhiều hòa giải viên ở khu vực đi lại khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu hòa giải theo kinh nghiệm sống, theo luật tục và còn hạn chế trong việc vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể. Hoạt động hòa giải ở cơ sở chủ yếu vẫn dựa trên uy tín, kinh nghiệm sống và kiến thức hiểu biết xã hội của hòa giải viên mà hạn chế dựa trên quy định của pháp luật (có 30,9% số người được hỏi lựa chọn yếu tố trình độ học vấn, chuyên môn có ảnh hưởng). Một số trường hợp, do hòa giải viên không nắm vững các quy định của pháp luật nên vẫn tiến hành hòa giải những vụ việc không thuộc phạm vi hòa giải như hành vi vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý về mặt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật.

Đội ngũ hòa giải viên đã có những thay đổi lớn, dần đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn phục vụ công tác hòa giải trên thực tế, đảm bảo khách quan, công tâm, giúp người được tiến hành hòa giải tự nguyện, tự giác chấp hành, tự thỏa thuận giải quyết các mâu thuẫn. Tuy nhiên qua thời gian trình độ của đội ngũ hòa giải viên nhiều khi cũng bộc lộ một số bất cập do là lực lượng bán chuyên trách, thường không được đào tạo hoặc kỹ năng

chuyên môn luật thấp nên đôi khi giải quyết các vụ việc vẫn còn một số hạn chế như tiến hành hòa giải cả những mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm hành chính, hoặc thậm chí là hình sự, tỷ lệ hòa giải thành cao tuy nhiên các bên tham gia còn có trường hợp không tự giác chấp hành thỏa thuận, vi phạm, hoặc tiếp tục khiếu nại, kiện cáo nhau ra tòa hay những cơ quan có thẩm quyền cao hơn. Vì vậy, trong tương lai cần xây dựng thang tiêu chuẩn của hòa giải viên về trình độ và kỹ năng cần phải cao hơn nữa để có thể tham gia giải quyết các mâu thuẫn xã hội một cách hiệu quả hơn nữa.

3. Mức độ hiểu biết của người dân về các thiết chế TCPL

Sự hiểu biết của người dân về pháp luật và việc họ tiếp cận các thiết chế hiện có để bảo vệ các quyền là hai yếu tố quan trọng trong mục đích xây dựng chuẩn TCPL. Tuy nhiên đối với hệ thống thiết chế phục vụ quyền TCPL đa dạng thì sự tiếp cận giữa các thiết chế là không đồng đều nhau giữa mọi người. Vì vậy để đánh giá sự hiểu biết và nhận thức của người dân về quyền TCPL, tác giả lựa chọn cách thực hiện khảo sát đánh giá của người dân ở các mức độ khác nhau về hiệu quả của các thiết chế trong thực tế. Kết quả của khảo sát sẽ vừa cho thấy hiệu quả của thiết chế và mức độ phổ biến của thiết chế đó đối với nhu cầu của người dân. Tại nội dung khảo sát, đã chia các thiết chế để khảo sát ra làm 03 nhóm trong đó gồm:

- Nhóm các thiết chế về thực hiện quản lý hành chính gồm có HĐND, UBND cấp xã, Công an xã, phường, thị trấn và trưởng ấp, khu phố;

- Nhóm các thiết chế về giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư gồm UBND, tổ hòa giải, trưởng ấp, khu phố;

- Các thiết chế và hình thức tuyên truyền, PBGDPL và hỗ trợ gồm: UBND cấp xã (Hội nghị, truyền thanh, tủ sách pháp luật), tuyên truyền viên, các hội, đoàn thể.

3.1. Hiểu biết của người dân về hiệu quả nhiệm vụ bảo đảm TCPL của nhóm các thiết chế quản lý hành chính ở cấp xã

Khi được hỏi ý kiến về đánh giá đối với hoạt động của HĐND, 77,3% số người được hỏi cho rằng HĐND đã bảo đảm quyền TCPL của nhân dân (đánh giá ở mức độ rất hiệu quả và hiệu quả); có 79,9% người dân đánh giá vai trò của UBND và 74% người dân cho rằng công an xã đã thực hiện từ mức hiệu quả trở lên về hoạt động của mình; về vai trò của trưởng thôn, ấp, khu phố có 87,8% số người được hỏi đã trả lời rằng có vai trò trong thực hiện TCPL một cách hiệu quả cho người dân ở các mức độ tốt và rất tốt.

Trong đó đánh giá của người dân về lực lượng công an xã có xu hướng cao hơn đánh giá của UBND, kết quả này một phần thể hiện tính chất công việc thường xuyên xuất hiện tại hiện trường, bảo đảm an ninh trật tự của lực lượng công an. Mặc dù cuộc khảo sát không tập trung đánh giá trực tiếp vai trò của UBND và công an xã nhưng kết quả khảo sát dường như cho thấy rằng hai thiết chế này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu TCPL của người dân. Về tỷ lệ đánh giá không hiệu quả, liên quan đến hoạt động của UBND và công an cấp xã, hai thiết chế này

có tỷ lệ đánh giá không hiệu quả cao hơn các thiết chế khác, UBND cấp xã là 7,4%, công an cấp xã là 7,9%. Thực tế tồn tại tâm lý rằng: UBND cấp xã và công an cấp xã thường xuyên giải quyết các vấn đề của người dân tại cơ sở một cách trực tiếp, sự tiếp xúc hàng ngày với người nhiều, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ không thể tránh khỏi những vấn đề không hài lòng của người dân, vì thế tâm lý người dân biết đến hai thiết chế này trong giải quyết các vấn đề tại cơ sở nhiều hơn nên khi đánh giá sẽ có sự chi phối bởi yếu tố cảm nhận cá nhân.

Kết quả khảo sát cho thấy trưởng thôn, ấp, khu phố mặc dù là người thường xuyên có mặt ở khu dân cư nhưng vai trò trong giải quyết các vấn đề của người dân không cao do hạn chế về thẩm quyền. Vai trò của trưởng thôn theo tác giả tìm hiểu cũng có một sự quan trọng đáng kể trong việc phối hợp giải quyết các vụ việc trên thực tế của UBND liên quan đến các vấn đề phát sinh trong cộng đồng dân cư.

3.2. Hiểu biết của người dân về hiệu quả bảo đảm TCPL của nhóm các thiết chế về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, tố cáo

Các thiết chế về giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn và khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ở cơ sở có nhiệm vụ như các “cơ quan tư pháp” ở cấp xã. Đánh giá của người dân về nhóm thiết chế này phần nào còn thể hiện niềm tin của họ đối với những quyết định, các giải pháp được đưa ra trong mỗi vụ việc cụ thể có được công tâm, công bằng hay không.

UBND là thiết chế có mức độ đánh giá là phổ biến nhất với 98,9% số người được hỏi đánh giá. Điều này cho thấy người dân có xu hướng giải quyết hầu hết các tranh chấp, mâu thuẫn, khiếu nại tố cáo tại UBND. Đồng thời cũng phản ánh một thực trạng là người dân lựa chọn UBND xã để giải quyết hầu hết các tranh chấp, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo mà bỏ quan vai trò của một số thiết chế khác được xây dựng sẵn trên địa bàn. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy có đến 87,35% số người được hỏi chưa từng thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ở cơ sở.

Đối với sự hiểu biết của người dân về thiết chế hòa giải: kết quả khảo sát cho thấy niềm tin vào các tổ hoà giải ở cơ sở chỉ nằm ở mức tương đối. Như đã phân tích ở phần trên, chức năng của các tổ hoà giải ở cơ sở là hoà giải hoặc hướng dẫn các bên tự giải quyết tranh chấp giữa họ nhằm bảo đảm sự công bằng và ổn định ở cơ sở.

Tuy nhiên, nói chung những người được phỏng vấn có vẻ hiểu biết không nhiều về các tổ hoà giải này và sự tin tưởng vào thiết chế này chưa đạt đến tuyệt đối. Chỉ có 33,3% số người được hỏi biết đến tổ hoà giải, hoà giải viên, còn con số không biết đến tổ hoà giải lên tới 66,7%. Đây là con số phản ánh thực tế người dân không phải ai cũng biết đến công tác hoà giải của tổ hoà giải ở cơ sở, vì thực chất người dân chỉ được hoà giải khi nào có những tranh chấp, xung đột trong gia đình (những vụ việc bạo lực gia đình), hàng xóm (hàng xóm láng giềng lời qua tiếng lại, xích mích với nhau về những chuyện vụn vặt trong đời sống sinh hoạt, công việc). Mặt khác, vẫn có một bộ phận không nhỏ người dân không quan tâm nhiều đến các hoạt động, thiết chế ở cơ sở nên không biết đến tổ hoà giải hay ai là hoà giải viên cũng là điều dễ hiểu. Có 74,6% số người

được hỏi đánh giá các tổ hòa giải, hòa giải viên hoạt động hiệu quả (mức hiệu quả và rất hiệu quả), có đến 22,2% ý kiến hoài nghi, phân vân về hiệu quả hoặc không có cơ sở đánh giá nên lựa chọn trả lời không rõ, mặc dù biết đến thiết chế này.

Trường thôn là thiết chế được đánh giá ở mức hiệu quả trở lên chiếm 74,6%. Từ thực tế cho thấy đây là chức danh có sự gần gũi và hoạt động gần bó trực tiếp đối với cuộc sống hàng ngày của người dân, được người dân biết đến nhiều, nên khi khảo sát ý kiến chỉ có 6,3% số người dân được hỏi không có ý kiến đánh giá.

3.3. Hiểu biết của người dân về hiệu quả bảo đảm TCPL của nhóm các thiết chế tuyên truyền và hỗ trợ

Các thiết chế tuyên truyền và hỗ trợ nhìn chung nhằm trang bị kiến thức pháp luật cho người dân thông quan hoạt động của mình. Đối với các thiết chế này trong đề tài tiến hành lấy ý kiến khảo sát của người dân về tính có ích của thiết chế đối với việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân.

Nhìn chung, việc tham gia các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với người dân chiếm tỷ lệ còn chưa cao, có đến 67,2% người được hỏi cho biết chưa từng tham gia.

Vai trò của các hội, đoàn thể được đánh giá tương đối tích cực có 65,6% số người được khảo sát cho rằng vai trò của các hội, đoàn thể là có hiệu quả trong việc đảm bảo quyền TCPL của người dân.

Về tủ sách pháp luật, hiệu suất sử dụng rất thấp khi chỉ có 14,8% số người được hỏi cho rằng đã từng sử dụng,

không có ý kiến nào cho rằng sử dụng thường xuyên và có đến 85,2% số người được hỏi trả lời chưa từng sử dụng qua, kết quả cho thấy người dân có xu hướng đánh giá tử sách pháp luật khá thấp dù đây là hình thức PBGDPL được duy trì khá lâu trong nhiều năm và được quan tâm bố trí ở các địa phương.

Nghe tuyên truyền pháp luật qua loa phát thanh có đến 74% số người được hỏi cho rằng đã từng nghe hoặc thường xuyên nghe. Mặc dù khảo sát không đi sâu vào mức độ hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng đối với việc TCPL của người dân nhưng rõ ràng rằng những người được hỏi đã cho rằng vai trò của phương tiện thông tin đại chúng là quan trọng và thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày.

4. Sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức của địa phương

Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL là nhiệm vụ được giao cho cả hệ thống chính trị trong đó ngành Tư pháp đóng vai trò chính. Thông tư 07/2017/TT-BTP quy định Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu giúp UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xem xét, đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL. Như vậy trong công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL, vai trò của ngành Tư pháp là chủ đạo trong việc xây dựng văn bản kế

hoạch, theo dõi tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, theo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BTP việc đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL được giao cho Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL, quy định Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, Phó Chủ tịch hội đồng là Trưởng phòng Tư pháp, ủy viên hội đồng là đại diện các cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí TCPL như Công an huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện... cho thấy để xây dựng cấp xã chuẩn TCPL cần có sự tham gia và vào cuộc của nhiều ban, ngành, đoàn thể trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngoài vai trò chính của ngành Tư pháp, quy trình xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên địa bàn huyện còn liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đặc thù khác như thiết chế dân chủ ở cơ sở do của Phòng Nội vụ/công chức được giao thực hiện thiết chế ở cơ sở; quy trình giải quyết vụ việc hành chính thuộc các lĩnh vực như Tài nguyên môi trường, Văn hóa, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công an, Quân sự... Về kinh phí và cơ sở vật chất cho thực hiện do phòng Tài chính - Kế hoạch, công chức Tài chính - Kế toán bảo đảm.

Tuy vậy, hiện nay vẫn đề tương tác giữa các phòng ban, công chức trong các lĩnh vực chuyên môn vẫn còn những hạn chế nhất định. Sự phụ thuộc vào nhiều nguồn thông tin trong việc đánh giá có thể dẫn đến các nguy cơ như tiến độ đánh giá bị kéo dài, quá nhiều thông tin để đánh giá khiến cho việc kiểm chứng số liệu khó khăn, công chức ở một vị trí phải đảm nhiệm cung cấp nhiều số liệu báo cáo có thể hoàn thiện báo cáo ở mức độ chung

chung, hình thức kéo theo việc đánh giá xã chuẩn TCPL có thể thiếu khách quan. Theo tìm hiểu của tác giả thì hiện nay việc cung cấp thông tin giữa các chức danh và giữa các đơn vị là nhiệm vụ bắt buộc, tuy nhiên quy định cụ thể về nội dung thông tin giữa các vị trí còn chung chung, không quy định chi tiết về thời gian hoàn thiện, nhiều chỉ tiêu đánh giá có quy định tài liệu kiểm chứng còn mơ hồ dẫn tới nguy cơ sự phối hợp giữa các bộ phận thiếu sự đồng bộ, các thiết chế phát triển không có sự phối hợp hỗ trợ cho nhau dẫn đến thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL không đảm bảo hiệu quả.

Khảo sát về hiệu quả phối hợp giữa các cá nhân liên quan trong việc thu thập số liệu phục vụ đánh giá chuẩn TCPL của địa phương cho thấy 81,5% số công chức được hỏi cho rằng việc phối hợp ở mức độ tốt và rất tốt, còn lại là đánh giá ở mức độ bình thường 18,6% và không có đánh giá ở mức độ không tốt cho thấy việc phối hợp vẫn còn có thể cải thiện hơn nữa giữa các chức danh trong tổng thể nhiệm vụ đánh giá xã chuẩn TCPL.

Bên cạnh đó, đề tài cũng khảo sát đối tượng công chức tư pháp về việc có hay không sự đùn đẩy trách nhiệm đánh giá chuẩn TCPL tại xã, phường, thị trấn, kết quả có 27,8% ý kiến cho rằng có sự đùn đẩy trách nhiệm thực hiện cho công chức tư pháp khi thực hiện đánh giá, chiếm đa số với 53,5% cho rằng không có sự đùn đẩy trách nhiệm và có 18,6% không ý kiến trả lời. Tuy con số 27,8% cho rằng có tình trạng đùn đẩy là con số không quá cao nhưng đã cho thấy tín hiệu xuất hiện ý kiến phản ánh về vấn đề này, và qua tìm hiểu, trao đổi khi tiếp cận vấn đề này ở địa phương thì thật sự đây là một hạn chế trong công tác

đánh giá chuẩn TCPL ở cơ sở. Bởi thực tế vai trò chủ lực của công chức tư pháp tại cơ sở trong đánh giá chuẩn TCPL được quy định trong văn bản liên quan và trên thực tế triển khai thực hiện số lượng công việc chủ yếu cũng tập trung cho nhóm đối tượng công chức này, những việc thuộc phạm vi công chức khác như văn hóa - xã hội, công an ít hơn rất nhiều nên xuất hiện tình trạng dồn đẩy cho công chức tư pháp.

5. Các nguồn lực về kinh phí, vật chất

5.1. Nguồn kinh phí

Về kinh phí xây dựng cấp xã chuẩn TCPL có phạm vi rất rộng, mỗi thiết chế hoạt động trong nội dung của nhiệm vụ này cũng đều có kinh phí hoạt động được quy định cụ thể được bố trí trong nguồn ngân sách của địa phương. Tuy nhiên trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu, tác giả chỉ giới hạn phạm vi tìm hiểu về nguồn kinh phí được quy định để đánh giá xã đạt chuẩn TCPL gồm có: kinh phí để bảo đảm cho công tác PBGDPL theo quy định (chỉ tiêu 9, Tiêu chí 3) và kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định (chỉ tiêu 3, Tiêu chí 4). Đây là hai tiêu chí thể hiện nội dung bắt buộc phải thực hiện do điểm đánh giá của tiêu chí sẽ bị trừ nếu không thực hiện nội dung này.

Theo số liệu của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, tính riêng trong năm 2021 nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động PBGDPL trên toàn tỉnh là 7.355.490.000, trong đó cấp tỉnh là 3.576.367.000 đồng, cấp huyện 2.040.550.000

đồng, cấp xã là 1.738.573.000 đồng⁽¹⁾. Qua nghiên cứu thực tế cho thấy kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL là ở một số xã, phường, thị trấn còn hạn chế và có sự khác nhau về bố trí kinh phí giữa các địa phương, kinh phí chủ yếu dành cho hoạt động tổ chức hội nghị PBGDPL, in ấn cấp phát tài liệu. Tham khảo tại Thông tư liên tịch 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn TCPL của người dân tại cơ sở do Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ban hành cho thấy việc bố trí kinh phí để thực hiện công tác PBGDPL là rất chi tiết và có định mức cụ thể. Tuy vậy trong quá trình nghiên cứu nhận thấy một số vấn đề thực tế, đó là:

Thứ nhất, kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL thường bị giới hạn trong nguồn ngân sách được phân bổ của địa phương, tức kinh phí để thực hiện phải san sẻ cho các mục tiêu chung để đảm bảo sự hoạt động đồng bộ của địa phương.

Thứ hai, với nguồn kinh phí giới hạn, các nội dung của nhiệm vụ PBGDPL rất khó để thực hiện đầy đủ, đảm bảo về mặt nội dung cũng như quyền lợi của các cá nhân phục vụ nhiệm vụ này.

Về kinh phí cho hoạt động hòa giải: mặc dù đã được quy định rõ tại Điều 6, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và Điều 12 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/2/2014

1 Nguồn: Báo cáo số 10/BC-HĐPH ngày 26/11/2021 của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Đồng Nai về kết quả thực hiện công tác PBGDPL năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTP-BTC ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở đã quy định về nội dung chi, mức chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc tại khoản 19 Điều 4: “Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): Mức chi tối đa 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải”.

Địa phương	Kinh phí chung cho HGCS (đơn vị tính: triệu đồng)	Kinh phí chi thù lao HGV (đơn vị tính: triệu đồng)
Biên Hòa	57,92	42,2
Cẩm Mỹ	110,8	20,8
Định Quán	129	33
Long Khánh	43,6	21,2
Long Thành	43,4	26,6
Nhơn Trạch	26,8	17,2
Tân Phú	103,9	17,8
Thống Nhất	65,2	23,6
Trảng Bom	27	17,3
Vĩnh Cửu	65,35	9,35
Xuân Lộc	31	15,6
Toàn tỉnh	703,97	244,65

Bảng 2.9: Kinh phí công tác hòa giải ở cơ sở năm 2021 tại Đồng Nai⁽¹⁾

1 Nguồn: Báo cáo số 10/BC-HĐPH ngày 26/11/2021 của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Đồng Nai về kết quả thực hiện công tác PBGDPL năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

Trên thực tế, 100% các đơn vị đề tài lựa chọn khảo sát đều có bố trí được kinh phí duy trì hoạt động cho tổ hòa giải và kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên theo vụ việc, vấn đề ở đây là ít hay nhiều, đảm bảo hay chưa. Mặc dù qua các năm, nhiệm vụ của các tổ hòa giải đều tăng đều đặn, nhiều vụ việc phát sinh mới với tình tiết rất phức tạp đòi hỏi người hòa giải viên phải bỏ công sức, thời gian ra để nghiên cứu, để đi lại bảo đảm cho nhiệm vụ hòa giải được diễn ra thuận lợi. Cũng không ít vụ việc được phản ánh về người được hòa giải manh động, xúc phạm, gây hấn cả với hòa giải viên. Trước những thực tế đó đòi hỏi nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải là rất cần thiết.

Thực tế hiện nay bố trí kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở vẫn còn hạn hẹp, thường được bố trí chung trong kinh phí thực hiện PBGDPL, do đó vấn đề đặt ra là cần có sự quan tâm đáng về mặt đảm bảo nguồn lực kinh phí cho công tác này.

5.2. Các nguồn lực về cơ sở vật chất

Cũng như nguồn lực về kinh phí, nguồn lực về cơ sở vật chất là rất phong phú và đa dạng như trụ sở làm việc, trang thiết bị, các dụng cụ hỗ trợ,.. Tuy nhiên trong khuôn khổ nghiên cứu đề tài, tác giả tập trung đánh giá các yếu tố về cơ sở vật chất được quy định để đánh giá xã đạt chuẩn TCPL, trong đó gồm có: Địa điểm tiếp nhận và trang bị phục vụ giải quyết TTHC (chỉ tiêu 2, Tiêu chí 2), Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở như đài truyền thanh cấp xã, hệ thống loa truyền thanh cơ sở, Tủ sách pháp luật và hệ thống máy tính phục vụ tra cứu pháp luật (chỉ tiêu 7, Tiêu chí 3).

Về địa điểm tiếp nhận và trang bị để giải quyết TTHC theo điểm b, khoản 2, Điều 13, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC quy định thì trang bị của bộ phận một cửa gồm "...khu vực cung cấp thông tin, TTHC; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống; bố trí khu vực đặt các trang thiết bị: máy lấy số xếp hàng tự động kết nối tới Hệ thống thông tin một cửa điện tử; các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, TTHC, tra cứu kết quả giải quyết TTHC...", qua thực tế quan sát một số địa điểm tiếp nhận TTHC của các UBND xã bố trí trang thiết bị ở mức đảm bảo như ghế chờ, bàn viết và quầy giao dịch, cơ bản đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở được quy định tại các văn bản rất phong phú để đáp ứng sự đa dạng của các hình thức PBGDPL. Trong nội dung của đánh giá xã chuẩn TCPL, các thiết chế được quy định trong đánh giá gồm có đài truyền thanh cấp xã, hệ thống loa truyền thanh cơ sở, Tủ sách pháp luật và hệ thống máy tính phục vụ tra cứu pháp luật. Tuy nhiên theo tìm hiểu của tác giả thì mức độ hoàn thiện của các thiết chế này là không cao do việc trang bị máy tính để tra cứu pháp luật là không phổ biến (như vừa tìm hiểu ở phần trên), một số hệ

thống loa truyền thanh ở các xã có vấn đề về kỹ thuật ở các mức độ khác nhau từ không sử dụng được đến việc phải sửa chữa thường xuyên đòi hỏi trong tương lai cần phải có sự đầu tư thêm về cơ sở vật chất để phục vụ nhu cầu TCPL của người dân.

Về tủ sách pháp luật, thực chất qua tìm hiểu thực tế ở các UBND cấp xã, có rất ít người sử dụng, khai thác hiệu quả, số lượng đầu sách bổ sung còn hạn chế và chưa kịp thời cập nhật những loại sách, báo, tài liệu pháp luật mới.

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TCPL Ở ĐỒNG NAI

1. Những thuận lợi, kết quả đạt được và nguyên nhân

1.1. Những thuận lợi, kết quả tích cực đạt được

Trong thời gian từ năm 2017 đến nay, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như:

Thứ nhất, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo: các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã có sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò của pháp luật và công tác đảm bảo TCPL cho người dân trong quản lý, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đã trở thành mối quan tâm thường xuyên của hầu hết các cấp ủy Đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể. Hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra được chú trọng, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giữa các ngành, các cấp triển khai rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống các văn bản mang tính pháp lý liên quan đến thực hiện nhiệm vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và

chuẩn TCPL của Trung ương đã được cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Thứ hai, về xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện: các hoạt động đảm bảo TCPL cho người dân dần dần đi vào nề nếp theo kế hoạch, chương trình cụ thể, được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm hơn trước. Nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện đều được lựa chọn phù hợp với từng đối tượng và phù hợp với nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương. Nhiều nội dung pháp luật đã đi vào cuộc sống, đến được với tầng lớp nhân dân. Các hình thức TCPL khá phong phú, đã kết hợp công tác giáo dục chính trị tư tưởng và các hoạt động tuyên truyền, vận động khác.

Thứ ba, về đội ngũ nhân lực thực hiện công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được xây dựng, củng cố kiện toàn, tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kỹ năng. Đội ngũ cán bộ, công chức dần nắm vững kiến thức pháp luật, cập nhật được các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực vận dụng, thi hành pháp luật từng bước được nâng cao rõ rệt. Bên cạnh đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện, công tác này còn thu hút một lực lượng đông đảo tham gia như: cộng tác viên trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, các phóng viên, biên tập viên các chương trình, chuyên mục pháp luật của các báo đài...

1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Một là, các văn bản pháp lý liên quan đến đảm bảo TCPL cho người dân đã được các cơ quan nhà nước ở

Trung ương ban hành kịp thời, phù hợp tạo khung pháp lý ổn định cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Hai là, đạt được những kết quả tích cực một phần là do luôn được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, với phương châm hướng mạnh công tác tuyên truyền, PBGDPL về cơ sở, góp phần đảm bảo TCPL cho người dân.

Ba là, công tác tổ chức triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về PBGDPL, hòa giải cơ sở và chuẩn TCPL và việc thông tin báo cáo được các địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng thời gian quy định. Điều này đã tạo sự thuận lợi rất lớn cho công tác thống kê, sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện, qua đó kịp thời giúp cho UBND các cấp nắm bắt được những ưu điểm để tiếp tục phát huy cũng như những khó khăn, vướng mắc cần nhanh chóng tháo gỡ, đảm bảo cho công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được thực hiện có hiệu quả.

2. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân trong triển khai thực hiện các nội dung TCPL, các tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

a) Những hạn chế, vướng mắc

Thứ nhất, tại cấp tỉnh hạn chế, tồn tại các vấn đề: (i) chưa kiểm tra được nhiều đơn vị cấp xã và chưa thực hiện được việc đánh giá kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra; (ii) chưa đổi mới phương thức tập huấn, bồi

đương đối với cán bộ, công chức có liên quan đến công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, chưa tạo được sự trao đổi hai chiều để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đối tượng tham gia tập huấn, bồi dưỡng.

Thứ hai, tại cấp huyện có các vấn đề tồn tại, hạn chế sau: (i) công tác chỉ đạo, đôn đốc, triển khai đánh giá, công nhận của một số đơn vị cấp huyện chưa tích cực, toàn diện; (ii) chưa có giải pháp phát huy hết hiệu quả hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện, các đơn vị cấp huyện chưa bố trí được kinh phí cho hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL; (iii) một số đơn vị đánh giá chưa chính xác dẫn đến kết quả đạt chuẩn TCPL chưa phản ánh đúng thực tế thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị cấp xã trên địa bàn.

Thứ ba, tại cấp xã có các vấn đề tồn tại, hạn chế sau: (i) một số đơn vị cấp xã triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL có dấu hiệu chậm lại, ảnh hưởng đến tiến độ của địa phương, mặc dù đã được UBND cấp huyện đôn đốc, nhắc nhở; (ii) một số lãnh đạo cấp xã sự quan tâm, chỉ đạo thiếu quyết liệt trong xây dựng đơn vị đạt chuẩn TCPL; (iii) về mặt kỹ năng, nghiệp vụ một số đơn vị cấp xã không lưu trữ hồ sơ, tài liệu minh chứng hoặc lưu trữ không khoa học; (iv) kinh phí bố trí để thực hiện các tiêu chí TCPL còn hạn chế.

Thứ tư, riêng về thực hiện đánh giá các tiêu chí, tồn tại vấn đề từ 2017 đến nay là việc xây dựng tài liệu minh chứng. Qua tìm hiểu thực tế trong quá trình nghiên cứu đề tài nhận thấy rằng việc tập hợp, xây dựng tài liệu minh chứng cho từng chỉ tiêu trong các tiêu chí là rất nhiều và

ở các xã, phường, thị trấn đôi khi còn khác nhau về các tài liệu minh chứng này. Có nơi tập hợp, xây dựng khá bài bản, công phu nhưng cũng có nơi làm tương đối sơ sài, hình thức, lúng túng trong tập hợp tài liệu minh chứng, việc khắc phục hồ sơ kém chất lượng còn chậm, chưa đảm bảo yêu cầu. Do đó, thiết nghĩ cần có quy chuẩn chung thống nhất để các xã, phường, thị trấn cần thiết tập hợp những loại văn bản, tài liệu, giấy tờ, hình ảnh nào thật sự cần thiết, phản ánh đúng thực chất kết quả thực hiện, vừa đảm bảo tính khoa học, tránh sự lãng phí thời gian, công sức, vừa tránh tình trạng đối phó hình thức.

Thứ năm, về công tác sơ kết, tổng kết, báo cáo đánh giá: Đây là nội dung mà các địa phương thực hiện đầy đủ hàng năm. Trên thực tế, các hoạt động sơ kết, tổng kết, thống kê và cả báo cáo liên quan về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL được tổng hợp chung khi tiến hành sơ kết, tổng kết hay trong báo cáo về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở. Tại các xã, phường, thị trấn nhìn chung chưa tách các nội dung này ra riêng biệt, phần lớn thực hiện chung trong báo cáo PBGDPL hoặc báo cáo tổng kết công tác tư pháp.

b) Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Một là, do nhận thức về tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh còn chưa cao. Điều này là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tồn tại, vướng mắc kéo theo như: (i) sự quan tâm, chỉ đạo thiếu tính sâu sát, quyết liệt; (ii) hạn chế trong việc bố trí các nguồn lực con người, kinh phí, vật chất cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Hai là, TCPL có phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực cũng như khối lượng công việc lớn, liên quan đến nhiều hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị và hoạt động của chính quyền cấp xã, trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân nên đây là nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá xã chuẩn TCPL còn chưa được đảm bảo, việc đánh giá tương đối khó kiểm chứng, vẫn còn mang tính hình thức, không thực chất. Ví dụ như một trong những công việc mà cấp xã phải thực hiện đó là khảo sát thông qua phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện TTHC, số lượng tham gia đánh giá tối thiểu là 15% trở lên số lượt TTHC được giải quyết của năm trước liền kề. Tuy nhiên thực tế số lượng TTHC ở nhiều xã là rất lớn, có xã lên đến 20.000 TTHC/năm đồng nghĩa với việc phải lấy 3.000 phiếu khảo sát chất lượng, như vậy là rất khó khăn. Cũng vì khối lượng công việc lớn nên việc đánh giá xã chuẩn TCPL còn có phần thiếu thực chất, không phản ánh đúng điều kiện TCPL của người dân ở cơ sở.

Ba là, việc xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch về PBGDPL, hòa giải cơ sở và chuẩn TCPL tại một số địa phương còn mang tính chung chung, thiếu cụ thể, chưa có biện pháp kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện.

2.2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân trong quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL và hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL

a) Hạn chế, vướng mắc

Thứ nhất, Hội đồng đánh giá TCPL còn hạn chế trong việc xem xét, đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL, thực tế hầu

như cấp xã trình hồ sơ đề nghị công nhận thì khả năng được công nhận đạt chuẩn TCPL gần như chắc chắn; điểm số tự đánh giá của cấp xã và điểm đánh giá của Hội đồng đánh giá TCPL chênh lệch không nhiều, thậm chí không thay đổi; những vấn đề này có thể thấy rõ qua kết quả đánh giá TCPL các năm từ 2018 đến nay (trừ năm 2017 có nhiều đơn vị cấp xã chưa kịp đề nghị công nhận do chưa hoàn thành hồ sơ).

Thứ hai, việc triển khai đánh giá chuẩn TCPL đã được UBND cấp xã quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng ở một số xã, phường, thị trấn việc chỉ đạo, lãnh đạo công tác này còn chậm, chưa kịp thời. Việc chấm điểm còn chưa phù hợp, phản ánh chưa đúng với thực tiễn tại địa phương.

Thứ ba, việc tiến hành rà soát, kiểm tra về quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL ở cấp xã, cấp huyện và hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện chưa được thực hiện thường xuyên, bài bản; thường được lồng ghép trong hoạt động kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở do đó dẫn đến sự thiếu sự chuyên sâu, mang tính hình thức.

b) Nguyên nhân

Một là, quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL vẫn còn mang nặng tính thủ tục, cộng với thời điểm tập hợp, xây dựng tài liệu minh chứng, tập trung đánh giá, công nhận là vào tháng 01 của năm, đây là lúc nhiều cơ quan, địa phương bận rộn với việc tiến hành các hoạt động

tổng kết, đánh giá khác, khối lượng các công việc khá nhiều nên việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL cũng bị ảnh hưởng.

Hai là, khi tiến hành đánh giá, Hội đồng đánh giá TCPL hầu như chỉ xem xét dựa trên kết quả tự đánh giá của cấp xã thông qua bộ tài liệu minh chứng, điều này dẫn đến tính thiếu khách quan, phản ánh có thể chưa đúng thực tế mức độ TCPL của địa phương, làm cho hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL chưa cao, nghĩa là việc đánh giá còn mang màu sắc “quan liêu”. Thiết nghĩ đây là nguyên nhân cần phải có giải pháp cụ thể, thực hiện nghiêm túc thì hiệu quả đánh giá TCPL đối với các xã, phường, thị trấn mới thực sự chất lượng.

Ba là, vẫn tồn tại tâm lý cho rằng nhiệm vụ xây dựng chuẩn TCPL ở xã, phường, thị trấn là nhiệm vụ của ngành Tư pháp, dẫn đến sự tích cực trong hoạt động phối hợp của các thành viên Hội đồng đánh giá TCPL không phải lúc nào cũng được phát huy tối đa, vì thế xuất hiện thái độ thiếu sự quan tâm, thờ ơ, chưa tròn trách nhiệm của một số thành viên.

2.3. Những hạn chế, tồn tại xuất phát từ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

a) Quy định pháp luật về đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã tìm hiểu và nhận định một số hạn chế, bất cập liên quan các quy định về đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL như: về phân loại điểm số đánh giá theo loại xã, quy định một số chỉ

tiêu không cần thiết, hình thức hoặc mang tính chất định tính. Tuy nhiên, hiện nay các hạn chế, bất cập vừa nêu liên quan đến các quy định của Quyết định số 619/QĐ-TTg đã được giải quyết sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Tuy nhiên, qua nghiên cứu nhận thấy rằng trong Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg vẫn có vấn đề hạn chế, bất cập trong các quy định về đánh giá cấp xã đạt chuẩn TCPL. Cụ thể đó là tại khoản 3, Điều 4 quy định: *“Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”*.

Xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL với mục tiêu, ý nghĩa quan trọng nhất là đảm bảo cho người dân có thể TCPL một cách toàn diện, đầy đủ, chính xác về những thông tin pháp lý, kiến thức pháp luật để người dân nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp. Như vậy, đối tượng thụ hưởng của chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL mà nhà nước hướng đến không ai khác chính là người dân. Nâng cao dân trí pháp luật sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã nói riêng. Do đó, thước đo về kết quả thực hiện việc đảm bảo TCPL cho người dân chính là trình độ hiểu biết về luật pháp, về cách ứng xử, hành vi tuân thủ pháp luật của người dân, là các con số về kết quả thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL, hòa giải cơ sở, các con số về số vụ vi phạm pháp luật và xa hơn nữa là hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.

Những lập luận này muốn hướng đến khẳng định: Đối tượng thụ hưởng là người dân và kết quả đo lường việc đảm bảo TCPL cũng phải tính từ người dân.

Trên thực tế, qua kết quả đánh giá TCPL các năm từ 2018 đến nay ở Đồng Nai (trừ năm 2017 do có nhiều đơn vị cấp xã chưa kịp đề nghị công nhận do chưa hoàn thành hồ sơ), chỉ có những đơn vị cấp xã nào có cán bộ, công chức bị kỷ luật do vi phạm pháp luật trong hoạt động thực thi công vụ thì xã, phường, thị trấn đó mới không đạt chuẩn. Như vậy, quy định trường hợp “điều kiện trực tiếp” nếu bị vướng thì sẽ không được công nhận đạt chuẩn TCPL như khoản 3, Điều 4 của Quyết định 25/2021/QĐ-TTg chưa đảm bảo hoàn toàn tính hợp lý. Điều này sẽ dẫn đến một thực tế, đó là sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của tất cả người dân ở một xã, phường, thị trấn nào đó trong năm nhằm đạt được sự công nhận đạt chuẩn TCPL có thể bị phá vỡ bởi chính một cá nhân cán bộ, công chức vi phạm pháp luật như khoản 3, Điều 4 đã quy định.

b) Năng lực của công chức chuyên môn, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở

Hạn chế: Đội ngũ công chức chuyên môn, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở còn hạn chế về kỹ năng, nghiệp vụ, tinh thần nhiệt huyết, cống hiến. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn mà đặc biệt được đào tạo luật là điều kiện thiết yếu đối với đội ngũ nhân lực làm công tác này. Như đã phân tích ở nội dung thực trạng trong chương 2, vẫn tồn tại vấn đề về năng lực, trình độ chuyên môn, nhất là đối với tuyên truyền viên pháp luật,

hòa giải viên ở cơ sở, nhiều người thậm chí còn có trình độ học vấn chưa cao, không có trình độ chuyên môn, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ qua kinh nghiệm thực tiễn.

Nguyên nhân: nhận thức của một số cán bộ, công chức, tuyên truyền viên, hòa giải viên về tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL còn hạn chế, đặc biệt tại các đơn vị đã đạt chuẩn nông thôn mới; một số cá nhân chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu, chưa thực sự quan tâm chú trọng khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng nên không hiểu rõ quy định để thực hiện chính xác, đầy đủ.

c) Trình độ hiểu biết, mức độ quan tâm pháp luật của người dân

Hạn chế: Công tác đảm bảo TCPL cho người dân đòi hỏi phải cả một quá trình dài và phụ thuộc khá nhiều vào trình độ dân trí, ý thức chấp hành pháp luật của mỗi người. Thế nhưng trình độ nhận thức và hiểu biết của người dân vẫn còn hạn chế, một bộ phận không nhỏ người dân còn thờ ơ, thiếu quan tâm, thiếu tính chủ động trong việc tiếp nhận, tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống của mình; thiếu tinh thần đóng góp xây dựng, hạn chế đóng góp ý kiến tham gia vào giải quyết các vấn đề của địa phương; vi phạm pháp luật diễn ra ở nhiều địa phương.

Nguyên nhân: Tâm lý ngại va chạm, góp ý kiến xây dựng, tham gia vào các hoạt động của địa phương. Các đối tượng tuyên truyền và nhân dân bước đầu nắm được nội dung những kiến thức pháp luật nhưng chưa tạo được thói quen và ý thức chấp hành pháp luật.

d) Sự phối hợp giữa các cơ quan, cá nhân có trách nhiệm

Hạn chế: Sự phối hợp giữa các cơ quan, cá nhân có trách nhiệm của địa phương còn thiếu tính gắn kết, chia sẻ. Ở một số địa bàn xã, phường, thị trấn còn tâm lý xem nhẹ nhiệm vụ đảm bảo TCPL cho người dân, sự phối hợp chưa tốt, ít dành sự quan tâm thích đáng. Ở cấp huyện sự phối hợp giữa các cơ quan cấp huyện có lúc còn chưa chặt chẽ, Phòng Tư pháp vẫn thực hiện hầu hết các công việc liên quan TCPL, đặc biệt là các thành viên Hội đồng đánh giá TCPL vẫn xuất hiện tình trạng tham gia “hình thức”, chưa phát huy được vai trò cụ thể của mình. Ở cấp tỉnh thì sự quan tâm, hướng dẫn thực nhiệm vụ đảm bảo TCPL cho cấp huyện, cấp xã chưa thật sự mang tính chất chuyên sâu, bộc lộ những trường hợp chưa kịp thời theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ TCPL (cụ thể là năm 2017 nhiều xã, phường, thị trấn chưa thể hoàn thành hồ sơ, các năm sau một số địa phương vẫn còn lúng túng trong việc đánh giá chuẩn TCPL; một số đợt tập huấn, bồi dưỡng chưa đáp ứng kỳ vọng về mặt chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ).

Nguyên nhân: Một là, xuất phát từ quan niệm ngành Tư pháp đóng vai trò chủ lực dẫn đến sự quan tâm, phối hợp của các cơ quan liên quan chưa đạt được mức độ cao nhất. Hai là, chưa có cơ chế đảm bảo tính phối hợp một cách chặt chẽ, chưa có biện pháp xử lý trách nhiệm của cơ quan, địa phương lơ là, thờ ơ, chưa kịp thời, chưa quyết liệt trong việc thực hiện phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo.

đ) Các nguồn lực phục vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Hạn chế: Các nguồn lực cho công tác xây dựng xã đạt chuẩn TCPL chưa đáp ứng một cách toàn diện những yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực đảm bảo cho nhiều địa phương cho hoạt động thực thi công vụ còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL là nhiệm vụ lớn nhưng còn hạn chế trong bố trí kinh phí, cụ thể trong công tác hòa giải cơ sở, PBGDPL. Sự quan tâm bố trí nguồn lực của chính quyền ở các địa phương là khác nhau, thiếu tính đồng bộ.

Nguyên nhân: Nguồn ngân sách nhà nước vẫn còn hạn hẹp, nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL là nhiệm vụ lâu dài, nguồn lực cần có sự tính toán, cân nhắc phù hợp và cân đối trong tổng thể hiện các nhiệm vụ chung của mỗi địa phương. Một số địa phương do thiếu sự chú trọng, xem nhẹ nhiệm vụ này nên chưa dành nguồn lực ở mức độ thỏa đáng.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở ĐỒNG NAI

I. NHỮNG THÁCH THỨC, YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL Ở ĐỒNG NAI THỜI GIAN TỚI

Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ của nước ta, có diện tích tự nhiên 5.902km², dân số hơn 3 triệu người, trong đó có khoảng 60% dân số sống ở nông thôn. Tỉnh Đồng Nai có 09 huyện, 02 thành phố, gồm 170 đơn vị hành chính cấp xã; là một tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía nam, lại tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh cùng với chính sách năng động nên Đồng Nai có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Đồng Nai đang phát triển về mọi mặt, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, kinh tế - văn hóa - xã hội, xóa đói giảm nghèo được thực hiện hiệu quả, nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó trong những năm gần đây, Đồng Nai phải đối mặt với nhiều vấn đề như: sự gia tăng dân số cơ học diễn ra khá nhanh chóng, nguyên nhân là do Đồng Nai đã và đang phát triển nhiều khu công nghiệp thu hút số lượng lớn lao động từ các vùng, miền khác nhau, kéo theo việc phải giải quyết các vấn đề xã hội, an ninh trật

tự, giao thoa văn hóa, lối sống giữa các vùng, miền; ý thức pháp luật, trình độ dân trí chênh lệch; các hoạt động kinh tế phát triển nhanh, ngành nghề đa dạng, v.v... Tất cả các vấn đề trên làm cho hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương trở nên nặng nề hơn, khối lượng công việc nhiều hơn. Để cho hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương đạt hiệu quả, một trong những giải pháp hữu hiệu và thiết thực, khả thi nhất là tăng cường các hoạt động thông tin, truyền tải chính sách, pháp luật đến với mọi người dân nhằm nâng cao dân trí pháp luật, hình thành lối sống, hành vi ứng xử phù hợp quy định pháp luật, tạo ra sự bình đẳng, trật tự, an toàn trong xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương.

Các vấn đề trên đặt ra những yêu cầu, thách thức đối với công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung, trong đó có nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL nói riêng. Theo đó, việc đảm bảo TCPL cho người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang đứng trước những thách thức, yêu cầu sau:

Thứ nhất, là một tỉnh có phạm vi tương đối rộng, nhiều vùng khác nhau bao gồm thành thị, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo và là tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, công nhân lao động làm việc, những điều này tạo ra sự đa dạng về đối tượng TCPL. Do đó, trong công tác xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch về TCPL phải đảm bảo được sự cân đối phù hợp trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL cho các nhóm đối tượng.

Thứ hai, đòi hỏi phải có đội ngũ làm công tác pháp luật, cụ thể như: báo cáo viên pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở vừa đông đảo về số lượng, vừa nắm vững kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ để có thể thực hiện hoạt động liên quan xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên phạm vi rộng, đối tượng đa dạng, đáp ứng phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao.

Thứ ba, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời gian qua tuy đạt được nhiều kết quả tích cực ban đầu, nhưng sắp tới cần phải tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ này, điều này đòi hỏi cần có các giải pháp đảm bảo tính cụ thể, khả thi, mang tính thiết thực tránh hình thức. Bên cạnh đó, cần thiết có những giải pháp liên quan việc huy động được các nguồn lực tham gia nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; đòi hỏi có sự gắn kết với việc thực hiện các nhiệm vụ khác của địa phương để giảm tải bớt sự trùng lặp trong thực thi, giảm chi phí, công sức mà vẫn phát huy được hiệu quả.

Thứ tư, sự đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL ngày càng tăng để đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra của công tác này. Ngân sách địa phương chi cho công tác này phải đảm bảo tính cân đối với các hoạt động, lĩnh vực khác, trong khi việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động TCPL cho người dân đang là một vấn đề khó khăn.

II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TCPL Ở ĐỒNG NAI THỜI GIAN TỚI

1. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả thực hiện các nội dung, các tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

1.1. Tăng cường sự chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Một là, các cấp ủy Đảng thực hiện chỉ đạo sát sao, thường xuyên, liên tục, kịp thời đối với các cơ quan quản lý nhà nước về PBGDPL, hòa giải cơ sở và xây dựng chuẩn TCPL. Qua thực tiễn nhận thấy, ở địa phương nào cấp ủy Đảng có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời đối với việc đảm bảo TCPL cho người dân thì nơi đó nhiệm vụ này được triển khai thực hiện tốt, đạt hiệu quả cao và quản lý nhà nước cũng được đảm bảo. Đây là nội dung quan trọng không thể thiếu trong việc nâng cao hiệu quả TCPL cho người dân, điều này bắt nguồn từ cơ chế của hệ thống chính trị ở nước ta là Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Có sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung, đổi mới trên các lĩnh vực nói riêng mới có thể đạt được những kết quả tốt đẹp.

Hai là, tại cấp tỉnh tập trung ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cấp huyện thực hiện có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BTP); tiến hành tổ chức tập huấn chuyên sâu nội dung Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư 09/2021/TT-BTP trong đó chú trọng đổi mới hình thức tập huấn để

nâng cao chất lượng và tác động mạnh mẽ hơn đến nhận thức của cán bộ, công chức tham gia tập huấn; đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện quy định về cấp xã đạt chuẩn TCPL và đánh giá việc khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, tránh tình trạng sau khi được kiểm tra và chỉ đạo nhưng vẫn không cải thiện chất lượng thực hiện nhiệm vụ; giải đáp khó khăn, vướng mắc khi cấp huyện yêu cầu và tổng hợp kiến nghị của cấp huyện để gửi đến các cơ quan có thẩm quyền góp phần hoàn thiện thể chế về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện quy định về cấp xã đạt chuẩn TCPL đồng thời hướng dẫn các địa phương xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp cấp xã chưa đạt chuẩn TCPL hoặc việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL không đúng quy định pháp luật.

Một lãnh đạo Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai khẳng định: “Để nâng cao hiệu quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới, Sở Tư pháp sẽ tiếp tục đẩy mạnh vai trò tham mưu cho UBND tỉnh nhằm nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL. Bên cạnh đó, thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan tư pháp cấp huyện thực hiện nghiêm túc, chất lượng, nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn TCPL gắn với xây dựng nông thôn mới”.

1.2. Tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng đảm bảo thực hiện xây dựng cấp xã chuẩn TCPL thực chất, hiệu quả

Kiểm tra, đánh giá chất lượng việc thực hiện là hoạt động không thể thiếu trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn

TCPL, tinh thần chung của các đợt kiểm tra công tác này là tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để cùng nhau tìm ra những giải pháp tháo gỡ. Để cho hoạt động kiểm tra, đánh giá được nâng cao hơn nữa thì cần phải quan tâm thực hiện một số việc như sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp trong công tác kiểm tra, trong đó các cơ quan, đơn vị cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn, cơ quan thuộc ngành Tư pháp đóng vai trò chủ chốt, các cơ quan, đơn vị thành viên của Hội đồng phối hợp PBGDPL, Hội đồng đánh giá TCPL và một số cơ quan, đơn vị khác có trách nhiệm cần phải chủ động, tích cực phối hợp với cơ quan ngành Tư pháp cùng cấp.

Hai là, công tác kiểm tra phải được thực hiện theo đúng tinh thần là tìm hiểu khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ, giúp đỡ, hỗ trợ nhau để hoàn thành tốt công tác chứ không phải chỉ phê bình, nhìn vào những hạn chế mà không xem xét đến kết quả tích cực đạt được. Đồng thời, việc tiến hành kiểm tra phải đảm bảo tránh gây khó khăn, phiền hà cho các cơ quan, đơn vị địa phương được kiểm tra.

Ba là, cần tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác đảm bảo TCPL cho người dân ở cơ sở. Phải tiến hành làm việc, kiểm tra trực tiếp ở cơ sở để nắm bắt chính xác, cụ thể tình hình triển khai thực hiện, cũng như lắng nghe những kiến nghị, phản ánh của cấp dưới, qua đó tổng hợp, phân tích để đưa ra giải pháp cụ thể, khả thi, sát với thực tiễn hơn. Đồng thời, sau các đợt kiểm tra phải có đánh giá, kết luận ở từng đơn vị, địa phương

trong việc triển khai thực hiện công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

2. Nhóm giải pháp khắc phục hạn chế, vướng mắc về quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL

2.1. Nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò Hội đồng đánh giá TCPL

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện, cần phải tập trung vào các công việc sau:

Một là, cần điều chỉnh lại quy chế hoạt động theo hướng tăng cường trách nhiệm đối với các thành viên trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phân định rõ ràng trách nhiệm các thành viên.

Trong năm Hội đồng đánh giá TCPL thường chỉ họp vào thời điểm tiến hành đánh giá hồ sơ của xã, thị trấn gửi lên đề nghị công nhận, tuy vậy có khi tiến hành họp vẫn thiếu vắng một vài thành viên tham gia vì lý do bận việc. Một số chỉ tiêu đánh giá cần có ý kiến của ngành liên quan nhưng vắng mặt, bên cạnh đó công chức tư pháp - hộ tịch ở dưới xã cho hay việc chấm điểm đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc phạm vi phụ trách của công an, văn hóa - xã hội nhiều khi chậm trễ gây ảnh hưởng chung, thậm chí có trường hợp đùn đẩy luôn cho công chức tư pháp thực hiện luôn cho nhanh. Do đó, hiệu quả hoạt động của Hội đồng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đánh giá, chính vì vậy phát huy vai trò của Hội đồng là một giải pháp cần thiết.

Hai là, phát huy hơn nữa vai trò của các cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá TCPL trong việc tạo ra cơ chế phối hợp giữa các thành viên khác, cơ quan thường trực cần thường xuyên, liên tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thành viên thực hiện và kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các thành viên để cùng tìm giải pháp tháo gỡ. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị thành viên cũng cần nâng cao hơn nữa tinh thần tự giác, trách nhiệm của mình trong công tác vì hiện nay vẫn quan niệm cho rằng TCPL là nhiệm vụ của ngành Tư pháp, cụ thể trong Hội đồng đánh giá TCPL là nhiệm vụ của cơ quan thường trực, điều này trên thực tế dẫn đến tình trạng cơ quan thường trực phải làm nhiều công việc của Hội đồng đánh giá TCPL.

Về phía các địa phương cấp huyện, cần tăng cường vai trò của Hội đồng đánh giá TCPL trong chỉ đạo, theo dõi, đánh giá đảm bảo khách quan, bám sát thực tiễn; có hướng dẫn cụ thể để các đơn vị cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, đặc biệt cần quan tâm hướng dẫn từng tiêu chí TCPL. Chủ động bồi dưỡng nguồn nhân lực tại địa phương; tổ chức tập huấn, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm để cùng giải quyết khó khăn, vướng mắc, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

Ba là, nâng cao chất lượng các cuộc họp Hội đồng đánh giá TCPL. Trong các cuộc họp không chỉ nêu ra những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém, xác định nguyên nhân hạn chế mà còn phải cùng nhau trao đổi, thảo luận để đưa ra các giải pháp tối ưu có thể giải quyết được các vấn đề khó khăn đặt ra chứ không phải

là tiến hành các cuộc họp hình thức, không đem lại hiệu quả thiết thực.

2.2. Nâng cao chất lượng tự đánh giá chuẩn TCPL ở xã, phường, thị trấn

Theo quy định của việc đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL thì việc cấp xã tự tiến hành đánh giá mức độ thực hiện đạt được các yêu cầu của tiêu chí TCPL, đây là cơ sở để lập hồ sơ đề nghị công nhận và cũng là cơ sở chính để Hội đồng đánh giá TCPL cấp huyện xem xét. Do đó, hoạt động tự chấm điểm đánh giá của cấp xã đóng vai trò vô cùng quan trọng, thể hiện về mặt hình thức những kết quả đạt được của địa phương thông qua các chỉ số định tính, định lượng. Chất lượng tự đánh giá của cấp xã vì thế được đặt ra, việc tự đánh giá phải thực chất, phản ánh đúng kết quả thực hiện các nhiệm vụ ở các chỉ tiêu, tiêu chí TCPL, tránh trường hợp đánh giá vô căn cứ, thiếu khoa học và chạy theo thành tích.

Sẽ không loại trừ khả năng phản ánh không đúng thực chất kết thực hiện các tiêu chí TCPL, có thể một số xã, thị trấn chưa làm được đến mức như thế nhưng điểm số vẫn có thể chấm cao, do việc tự đánh giá không thể nào tránh khỏi ý chí chủ quan của đơn vị tự chấm điểm, của các cá nhân thực hiện nhiệm vụ này. Vì vậy, chất lượng tự đánh giá nếu như tốt thì hiệu quả thực hiện công tác đảm bảo TCPL cho người dân mới tốt được.

3. Nhóm giải pháp khắc phục các hạn chế, tồn tại xuất phát từ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai

3.1. Nghiên cứu, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL

Trải qua 5 năm triển khai công tác xây dựng xã chuẩn TCPL, tuy đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của nhiệm vụ thực hiện TCPL cho người dân, nhưng bộ tiêu chí cấp xã chuẩn TCPL vẫn còn tồn tại một số quy định mang tính định tính, cần phải có sự nghiên cứu điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tế của các địa phương qua đó tác giả đề xuất một số thay đổi như sau:

Thứ nhất, các cơ quan, cá nhân thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL quan tâm, nghiên cứu kỹ, đề xuất ý kiến thay đổi quy định về điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL theo quy định tại khoản 3, Điều 4 (ở mục 2.4.2.3 đã trình bày) nhằm tháo gỡ rào cản cho các xã, phường, thị trấn khi mà đã phấn đấu, nỗ lực cả năm nhưng lại bị ảnh hưởng bởi một cá nhân là cán bộ, công chức đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

Thứ hai, cần phải mở rộng vai trò đánh giá của người dân đối với mức độ chuẩn TCPL của cấp xã. Qua thực tế cho thấy việc đánh giá hiệu quả của người dân chỉ dừng lại ở mức hài lòng hoặc không, nội dung đánh giá chỉ tập trung trong việc giải quyết TTHC mà không cung cấp cái nhìn khái quát hơn về các thiết chế TCPL khác. Mặt khác vấn đề lấy ý kiến đánh giá của nhân dân theo cách thủ công cũng tiềm ẩn nhiều hạn chế như gây ra sự phiền hà của người dân, sự lãng phí giấy tờ và thời gian kiểm kê của

công chức. Vì vậy việc lấy ý kiến đánh giá của người dân theo tác giả rất cần có sự tham gia của các ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là các ứng dụng đánh giá chất lượng dịch vụ công qua điện thoại di động và internet như hiện nay việc thực hiện đã có nhiều căn cứ khả thi để triển khai trên thực tế. Bên cạnh đánh giá của người dân cũng cần có sự vào cuộc đánh giá của các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, v.v...

Thứ ba, xây dựng cấp xã chuẩn TCPL là lĩnh vực rộng, có liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Quy chế dân chủ ở cơ sở,... bên cạnh đó là một hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy người dân có xu hướng TCPL qua các nguồn thông tin pháp luật không chính thống, dễ hiểu nhưng thông tin không đầy đủ rõ ràng. Vì vậy trong thời gian tới, cần nghiên cứu đơn giản hóa nội dung của các quy định pháp luật theo hướng phù hợp điều kiện của địa phương, bám sát với tình hình thực tế nhưng vẫn tuân thủ theo quy định chung của Nhà nước. Kiến nghị với các cơ quan tỉnh xây dựng các bộ thủ tục hành chính theo hướng đơn giản để chính quyền và người dân có thể tiếp cận dễ dàng và dễ áp dụng.

3.2. Kiện toàn, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức xã, đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên

Do yêu cầu công việc đặc thù liên quan đòi hỏi người thực hiện phải có kiến thức và trình độ chuyên môn luật ở các mức độ khác nhau, vì vậy yêu cầu tiên quyết đối với cán bộ, công chức và đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên là phải nắm vững được luật pháp, được đào tạo cơ bản về luật cũng như phải thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bản thân mỗi nhiệm vụ trong các thiết chế chuẩn TCPL lại đòi hỏi người thực hiện cần có các yêu cầu về kỹ năng phong phú. Chính vì vậy, công tác xây dựng đào tạo, tập huấn cán bộ làm công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL cần mang những nét đặc thù riêng.

Thứ nhất, ngay từ việc bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phục vụ công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL phải có sự đánh giá kỹ càng năng lực, trình độ trong đó trình độ chuyên môn luật là quan trọng nhất, bên cạnh đó, người công chức trực tiếp thực hiện xây dựng cấp xã chuẩn TCPL còn phải có kỹ năng bao quát đối với từng nhiệm vụ cụ thể, như kỹ năng thuyết trình, tuyên truyền miệng như các tuyên truyền viên, kỹ năng hòa giải của hòa giải viên, kỹ năng tổ chức hội nghị khi thực hiện các thiết chế dân chủ... đối với các nhiệm vụ còn lại mỗi thiết chế lại đòi hỏi những yêu cầu riêng về trình độ chuyên môn khác nhau nhưng phải đảm bảo được yếu tố rất quan trọng là uy tính trong mắt người dân để việc áp dụng các thiết chế TCPL được người dân tin tưởng sử dụng. Vì vậy chính việc bố trí công chức và lựa chọn đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải

viên cần phải thực hiện nghiêm túc ngay từ khâu đầu tiên này để đảm bảo lựa chọn được nhân tài có trình độ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, có tinh thần nhiệt huyết và quyết tâm công hiến cho địa phương.

Thứ hai, yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ là rất thường xuyên. Để quá trình thực thi công vụ của người công chức sẵn sàng đổi mới cùng với quá trình cải cách hành chính, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, địa phương cần theo sát, cập nhật những văn bản của trung ương, cũng như của tỉnh, thường xuyên tổ chức tập huấn, triển khai các nội dung cải cách, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, giao tiếp, kỹ thuật sử dụng công nghệ vào quản lý hành chính nhà nước trong thời kỳ công nghiệp 4.0. Đảm bảo không để cán bộ, công chức làm công tác pháp luật bị tụt hậu lại so với đổi mới trong cải cách hành chính của đất nước.

Đối với đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên, thành viên Ban thanh tra nhân dân cũng cần phải có những nội dung đào tạo đặc thù để phục vụ yêu cầu công việc như tuyên truyền viên cần thiết phải được đào tạo về kỹ năng tuyên truyền miệng và tuyên truyền hội nghị, hòa giải viên cần được đào tạo về kỹ năng hòa giải và giải quyết tranh chấp, trưởng thôn cần được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý ở khu dân cư, kỹ năng vận động quần chúng... Việc đào tạo đội ngũ trên vừa phải gắn với các nhiệm vụ chung về chuẩn TCPL và xây dựng nông thôn mới, làm sao để phát huy tối đa hiệu quả của các thiết chế chuẩn TCPL trong tổng thể phát triển kinh tế xã hội nói chung và xây dựng nông thôn mới, xây dựng cấp xã chuẩn TCPL nói riêng.

Thứ ba, cần phải nâng cao chế độ đãi ngộ, lương thưởng, tạo môi trường làm việc phù hợp để cán bộ, công chức cấp xã và đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên có thể phát huy hết năng lực của bản thân. Cần phải xây dựng chế độ lương, thưởng, đãi ngộ, phụ cấp hợp lý, đảm bảo cho các đối tượng tham gia vào công tác pháp luật của địa phương được hỗ trợ xứng đáng, yên tâm thực hiện chức năng của mình.

3.3. Nâng cao nhận thức cho người dân về các điều kiện TCPL

Qua khảo sát cho ta thấy nhu cầu sử dụng các thiết chế TCPL của người dân trên thực tế là không đồng đều nhau. Người dân có xu hướng lựa chọn UBND trong giải quyết hầu hết các vấn đề liên quan đến pháp luật. Đây rõ ràng là một lỗ hổng trong việc trang bị cho người dân kiến thức về các thiết chế đảm bảo quyền TCPL cho người dân ở địa phương. Vì vậy trong thời gian tới, song song với việc xây dựng và duy trì các thiết chế, chính quyền xã cần phải thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về các điều kiện để có thể tiếp cận đối với các thiết chế đó. Trong phạm vi nội dung giải pháp xin đề xuất một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, cần thay đổi cách nghĩ, cách nhìn của nhân dân đối với pháp luật, để làm sao cho người dân nắm được các quyền lợi và nghĩa vụ của mình, làm tốt công tác tuyên truyền, PBGDPL cần có sự tìm hiểu về thái độ của người dân đối với pháp luật, họ hiểu pháp luật như thế nào? Pháp luật có vai trò gì trong cuộc sống của họ?... Có thể nói, phần lớn người dân thường cho rằng “pháp luật” là những mệnh lệnh mà người ta cần phải tuân thủ,

là hình phạt, là trừng trị...; người khác thì cho rằng, pháp luật chỉ là để giải quyết các tranh chấp. Người dân thường chỉ quan tâm tới pháp luật khi bản thân họ phải rơi vào tình thế sự việc miễn cưỡng, lợi ích bị xâm hại... dính líu tới pháp luật (kiện cáo, tranh chấp, bị phạt, bị cưỡng chế...). Bởi vậy, khi tuyên truyền, PBGDPL cần giải thích, phân tích cho người dân hiểu được rằng pháp luật không chỉ bao gồm các quy định cưỡng chế, thực thi pháp luật, biện pháp giải quyết tranh chấp. Pháp luật còn bao gồm các quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, khuyến khích sự giao dịch lành mạnh giữa các thành viên trong xã hội vì sự phát triển và bảo đảm trật tự ổn định. Pháp luật là một môi trường thuận lợi tạo điều kiện cho con người giao dịch với nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo cho các thành viên trong xã hội phụ thuộc và gắn bó với nhau một cách hợp lý.

Thứ hai, cần phải xây dựng cho người dân văn hóa ứng xử dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật, trang bị cho người dân kiến thức pháp luật, ưu tiên giải quyết các tranh chấp trên tinh thần luật pháp, nâng cao vai trò của tổ hòa giải, ban hòa giải trong giải quyết các mâu thuẫn nhỏ phát sinh trong đời sống xã hội của người dân.

Thứ ba, xây dựng thói quen TCPL đối với người dân theo hướng tiếp cận với các nguồn thông tin chính thống. Như xây dựng văn hóa đọc để người dân khai thác hiệu quả hơn từ sách pháp luật cũng như niêm yết các bộ TTHC. Xây dựng thói quen tham gia các hội nghị tuyên truyền pháp luật, chủ động tiếp cận và vận dụng các quy định của pháp luật vào đời sống.

3.4. Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng

PBGDPL là một trong các trụ cột quan trọng nhất của nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Tuy nhiên qua các khảo sát cho thấy các phương thức tuyên truyền phổ biến truyền thống dường như có sự “hụt hơi” so với các hình thức tiếp cận mới qua báo chí, truyền hình và internet. Vì vậy, cần phải có sự thay đổi về hoạt động PBGDPL về cả nội dung và hình thức để nâng cao hiệu quả của các thiết chế sẵn có đồng thời bắt kịp với xu hướng TCPL mới của người dân. Trong đó về nội dung, PBGDPL cần đổi mới theo hướng không chỉ đáp ứng nhu cầu kiến thức cơ bản về pháp luật mà còn phải thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, không dài trải nhiều mà chỉ nên tập trung vào các quy định pháp luật cụ thể có liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân, thông qua các vụ việc cụ thể để phổ biến pháp luật cho người dân nhằm trang bị cho đối tượng nhận thức, mặt khác giúp họ có khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác, sinh hoạt.

Trên cơ sở nội dung, chương trình giáo dục pháp luật chung do Bộ Tư pháp ban hành, biên soạn lại phù hợp với đặc điểm, điều kiện, trình độ nhận thức, tính chất công việc của từng đối tượng cụ thể, tập trung khai thác các hình thức tuyên truyền pháp luật theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực, vùng miền, cụ thể như các chuyên đề cho thanh niên, phụ nữ, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người lao động trong các doanh nghiệp... với các vấn đề pháp luật thiết thực gắn với nhu cầu tìm hiểu thực tế của từng nhóm đối tượng.

Để đảm bảo thực hiện quyền TCPL của người dân, trước hết người dân phải biết về những quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực đó. Trong thời gian tới, để đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả của công tác PBGDPL cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, việc PBGDPL phải được thực hiện có trọng điểm và gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, có thể tập trung tuyên truyền theo thời gian hoặc không gian.

Ví dụ theo không gian: Những địa bàn xảy ra các loại tội phạm về ma túy, tệ nạn xã hội ta cần gắn vào đó việc tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy, về hiểm họa của ma túy đối với cuộc sống. Những điểm nóng xã hội về đất đai cần chú trọng tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai, về mua bán, thừa kế. Những nơi có nhiều khiếu nại, tố cáo cần phổ biến pháp luật về thủ tục, quy trình, quyền và nghĩa vụ của người dân liên quan đến khiếu nại, tố cáo... Ngoài ra, có thể tuyên truyền gắn với thời điểm, có thể gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, ví dụ thời điểm sắp diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương có thể tăng cường tuyên truyền Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các quyền và nghĩa vụ của cử tri...

Thứ hai, kết hợp PBGDPL với tư vấn pháp luật và hoà giải ở cơ sở. PBGDPL, tư vấn pháp luật và hoà giải ở cơ sở có mối quan hệ mật thiết trong việc xây dựng ý thức pháp luật, tăng cường sự hiểu biết pháp luật, khuyến khích thói quen ứng xử xã hội bằng pháp luật trong nhân dân.

Để nâng cao hiệu quả, phát huy thế mạnh của các hình thức trên, cần đưa yêu cầu thực hiện PBGDPL khi tiến hành. Hình thành trách nhiệm tự giác thực hiện PBGDPL cho đối tượng tư vấn pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả và mở rộng đối tượng, phạm vi hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động để đảm bảo mọi người dân đều có khả năng được hưởng dịch vụ này khi cần thiết. Đồng thời, khai thác và phát huy tác dụng, hiệu quả của hình thức trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, hoà giải cơ sở khi thực hiện PBGDPL. Thực hiện giải thích, hướng dẫn, phổ biến kiến thức pháp luật liên quan đến từng vụ việc cụ thể đang trợ giúp, tư vấn cho đối tượng, giúp họ nâng cao hiểu biết pháp luật, tự điều chỉnh hành vi xử sự phù hợp với quy định của pháp luật, tự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ ba, cần kết hợp nhịp nhàng hiệu quả giữa các hình thức tuyên truyền như: Kết hợp tuyên truyền miệng, tuyên truyền trực quan, tuyên truyền thông qua các cuộc hội thảo... thực tế cho thấy hiện nay việc tuyên truyền PBGDPL trên địa bàn huyện, tuy đã có nhiều đổi mới song điều kiện phục vụ cho buổi tuyên truyền, nhất là tuyên truyền trên hội nghị còn những hạn chế nhất định, nhiều nội dung tuyên truyền, báo cáo viên pháp luật chỉ đơn thuần giảng bằng lời trên nghị trường mà chưa có hình ảnh minh họa hoặc máy chiếu hỗ trợ, điều đó làm giảm hiệu quả buổi tuyên truyền. Ví dụ buổi tuyên truyền về pháp luật an toàn giao thông, các tình huống vi phạm nếu báo cáo viên pháp luật chỉ đơn thuần giảng bằng lời mà không có hình ảnh minh họa thì mức độ tiếp thu của người nghe sẽ hạn chế. Bên cạnh đó tuyên truyền pháp

luật để có hiệu quả cao cũng đòi hỏi báo cáo viên pháp luật phải chuẩn bị nội dung bài giảng chu đáo, nội dung bài giảng, bài tuyên truyền, phổ biến cần đi sâu vào nhu cầu cần nắm bắt thông tin của người nghe. Đối với các văn bản luật sửa đổi có thay thế, bổ sung cũng cần đi sâu làm rõ những điểm mới của văn bản. Ngoài ra, với đặc điểm tuyên truyền pháp luật để nhân dân hiểu đúng và thực hiện cho đúng thì báo cáo viên pháp luật không những chỉ giảng luật và các quy định mà cần nêu những tình huống minh họa để phân tích chứng minh thì hiệu quả sẽ cao hơn rất nhiều.

Thứ tư, kết hợp hỏi đáp trong tuyên truyền pháp luật, đây là yêu cầu quan trọng nhằm khai thông, giải đáp những thắc mắc trong nhân dân về những vấn đề đang gặp hoặc đã gặp nhưng chưa rõ.

Để thực hiện có hiệu quả nội dung này, địa phương cần phối hợp tốt với cơ quan chức năng tuyên truyền phổ biến pháp luật để nhân dân có thể chuẩn bị những câu hỏi, những ý kiến thắc mắc cần được giải đáp tại hội nghị hoặc Ban tổ chức hội nghị có thể chuẩn bị một số câu hỏi thường gặp thực hiện hỏi đáp tại hội nghị, như vậy, nội dung buổi tuyên truyền vừa sôi nổi, vừa thu hút sự quan tâm của nhân dân, từ đó đưa ra những giải đáp cần thiết phù hợp với nhu cầu tìm hiểu của nhân dân.

Thứ năm, cần nắm bắt xu hướng tiếp cận với pháp luật của người dân trong tình hình mới. Qua khảo sát cho thấy nhu cầu TCPL thông qua mạng internet chiếm tỷ lệ rất cao và có nhiều tiềm năng phát triển hơn cả, bên cạnh đó các hình thức TCPL qua báo chí và truyền hình cũng

có ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân với hiệu quả được đánh giá là tốt hơn các hình thức PBGDPL truyền thống. Vì vậy chính quyền các cấp cần đón đầu xu thế để có thể tăng cường hiệu quả PBGDPL cho người dân qua các hình thức này. Các nhiệm vụ cụ thể có thể thực hiện như xây dựng cổng thông tin điện tử qua đó trở thành kênh thông tin chính thống cung cấp cho người dân về chủ trương chính sách của địa phương, công khai minh bạch các kế hoạch, quy hoạch trên địa bàn. Hơn thế nữa hiện nay có thể áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cao hơn như xây dựng các phần mềm trên nền tảng điện thoại hoặc máy tính để cung cấp các dịch vụ công cho người dân như giải quyết TTHC cũng như là phương tiện để người dân có thể tương tác, phản ánh với chính quyền những sự vụ cụ thể diễn ra trên thực tế. Xây dựng chính quyền điện tử làm tăng hiệu quả làm việc của các cơ quan chính quyền, tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan chính quyền. Người dân, doanh nghiệp được các cơ quan chính quyền cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ nhanh hơn, thuận tiện hơn bằng việc cung cấp thông tin, dịch vụ trực tuyến. Người dân trở thành trung tâm trong quá trình các cơ quan chính quyền cung cấp thông tin và dịch vụ.

3.5. Đảm bảo nguồn kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động xây dựng cấp xã chuẩn TCPL

Trong thời gian qua, việc bố trí kinh phí và trang bị vật chất cho các hoạt động của chính quyền xã nói chung và nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL nói riêng còn nhiều bất cập. Nguồn ngân sách cho các hoạt động PBGDPL còn hạn chế, thậm chí kinh phí hoạt động của tổ

hòa giải và hỗ trợ cho hòa giải viên còn được bố trí rất eo hẹp. Các thiết chế hỗ trợ như hệ thống loa truyền thanh, tủ sách pháp luật, hội trường tổ chức hội nghị đã xuống cấp, hạn chế điều kiện thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL trên địa bàn. Vì vậy đề xuất một số nội dung thực hiện để đảm bảo nguồn kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động này như sau:

Thứ nhất, việc bố trí kinh phí cho các hoạt động PBGDPL, hòa giải cũng như: phụ cấp cho tuyên truyền viên, hòa giải viên cần được xây dựng chi tiết và đưa vào dự toán ngân sách cấp xã hàng năm. Việc bố trí kinh phí cho các hoạt động trên cũng cần được quy định cụ thể hơn nữa, trong đó bên cạnh hạn mức chi tối đa, cần đặt ra hạn mức chi tối thiểu đảm bảo kinh phí và thù lao cho đội ngũ thực hiện các nhiệm vụ này.

Thứ hai, các địa phương trên địa bàn tỉnh chủ động lập kế hoạch tăng cường phân bổ nguồn ngân sách nhà nước cho các công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Nguồn vốn phải đáp ứng đủ cho các hoạt động, bám sát tiến độ các hoạt động để đáp ứng kịp thời cho từng quá trình triển khai. Ngành Tư pháp cần nâng cao hiệu quả hoạt động của xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL, làm nổi bật vai trò của công tác này trong tổng thể xây dựng nông thôn mới tỉnh thấy rõ được tầm quan trọng của công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL đến phát triển kinh tế, xã hội, từ đó đề xuất tăng cường nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Thứ ba, ngoài kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên, nguồn đầu tư của nhà nước nên thật sự hiệu quả hơn thông qua những đánh giá, thống kê đầy đủ chính xác, đảm bảo

hoàn thiện các mục tiêu về cơ sở vật chất như phòng họp, hội nghị, trung tâm học tập cộng đồng với trang thiết bị đầy đủ, hệ thống loa truyền thanh của các xã cần phải được bảo dưỡng, thay thế sửa chữa thường xuyên, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tuyên truyền pháp luật của nhà nước, trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng cho cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết TTHC, đảm bảo triển khai thuận lợi chính quyền điện tử. Các cấp chính quyền nên dành một phần kinh phí cho việc khen thưởng, biểu dương các chính quyền và cá nhân là tấm gương thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

3.6. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, đảm bảo mục tiêu xây dựng cấp xã chuẩn TCPL trong tổng thể xây dựng nông thôn mới

Công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL là hoạt động có liên quan tới rất nhiều các cơ quan, ban, ngành, vì vậy cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị để khai thác được hiệu quả các điều kiện cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Trên cơ sở nhiệm vụ của các cơ quan liên quan, đề xuất xây dựng một số sự phân công và phối hợp như sau:

Thứ nhất, đối với nhiệm vụ của Ngành Tư pháp⁽¹⁾:

- Xây dựng và tham mưu cho UBND, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách nông thôn mới liên quan đến xây dựng xã đạt chuẩn TCPL.

1 Gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp, Hội đồng đánh giá chuẩn TCPL, Hội đồng phối hợp PBGDPL và công chức chuyên môn của UBND xã, phường, thị trấn.

- Quán triệt, phổ biến, truyền thông để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

- Tham mưu cho UBND chỉ đạo, hướng dẫn, đề ra giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí TCPL theo trách nhiệm và phạm vi quản lý của UBND huyện, UBND xã, thị trấn, các cơ quan và đơn vị liên quan.

- Chỉ đạo, hướng dẫn đối với UBND các xã, thị trấn, thực hiện chấm điểm, tổ chức đánh giá và thực hiện công nhận xã đạt chuẩn TCPL.

- Đề xuất, triển khai giải pháp khắc phục, cải thiện, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí TCPL trên cơ sở đánh giá hàng năm, đặc biệt chú ý các tiêu chí, chỉ tiêu và địa phương chưa đạt chuẩn TCPL hoặc các tiêu chí, chỉ tiêu đạt kết quả thấp.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả: chọn mô hình triển khai điểm, nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về cấp xã chuẩn TCPL có hiệu quả cao.

- Kiểm tra khi có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về các vấn đề có liên quan đến việc đánh giá, công nhận cấp xã chuẩn TCPL trên địa bàn.

Thứ hai, đối với cơ quan quản lý tài chính (Sở Tài chính ở tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch ở cấp huyện): phối hợp bố trí kinh phí và các nguồn lực, ban hành các hướng dẫn về xây dựng dự toán và trang bị cần thiết phục vụ mục tiêu xây dựng cấp xã chuẩn TCPL trên địa bàn.

Thứ ba, đối với cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh: khai thác hệ thống truyền thanh, truyền hình hiệu quả,

xây dựng tin bài, tư liệu, tài liệu hình ảnh làm phương tiện truyền thông thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

Thứ tư, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể: tuyên truyền, tham gia tích cực vào nhiệm vụ xây dựng các thiết chế TCPL tại địa phương. Tích cực vận động người dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, tham gia vào các hoạt động PBGDPL. Tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của quần chúng nhân dân tham gia trong các tổ chức đoàn thể. Vận động các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà hảo tâm đóng góp, ủng hộ kinh phí, cơ sở hạ tầng, vật chế để hỗ trợ cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

Thứ năm, UBND các xã, phường, thị trấn: triển khai các kế hoạch xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết (kinh phí nhân lực, vật lực và cơ sở vật chất) trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Duy trì báo cáo định kỳ, sơ kết tổng kết kết quả thi hành các nhiệm vụ được giao, kịp thời phản ánh và đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

3.7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đảm bảo thực hiện xây dựng cấp xã chuẩn TCPL thực chất, hiệu quả

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có việc đẩy mạnh thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng các thiết chế. Đây là khâu không thể thiếu và là một trong những hoạt động cơ bản

của quản lý nhà nước, bảo đảm cho hiệu lực, hiệu quả của nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL và quản lý nhà nước về chuẩn TCPL được phát huy.

Thanh tra, kiểm tra nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL do các chủ thể có thẩm quyền tiến hành nhằm xem xét, kiểm soát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật của các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn cũng như các tổ chức, cá nhân có chức trách, nhiệm vụ hoặc có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL nhằm phát huy những nhân tố tích cực đồng thời phát hiện, phòng ngừa, xử lý vi phạm trong công tác này. Nội dung của thanh tra, kiểm tra là soát xét việc chấp hành nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, pháp luật về các nội dung chuẩn TCPL. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, các chủ thể có trách nhiệm quản lý nhà nước có thể đánh giá thực trạng, phát hiện, xử lý kịp thời sai phạm, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL của UBND cấp huyện, xã, Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện, Phòng Tư pháp huyện, thành phố; cải tiến cơ chế quản lý, hoàn thiện nội dung, biện pháp, hình thức tổ chức PBGDPL tạo điều kiện cho pháp luật đi vào cuộc sống. Việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp thông qua báo cáo từ cơ sở, có thể tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành thông qua kế hoạch kiểm tra xác định trước, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thanh tra, kiểm tra đột xuất nhằm đánh giá những sự việc, những nội dung mang tính thời sự để nắm được tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị hoặc khi có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

Qua kiểm tra, thanh tra phải có những nhận xét đầy đủ, đánh giá khách quan về nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL. Từ đó có sự chỉ đạo sát sao và xác định các giải pháp tối ưu để khắc phục, từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại trong thực tiễn tiến hành; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoặc tự mình điều chỉnh kế hoạch, chương trình, đề án, nội dung thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL phù hợp với nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và đời sống sinh hoạt, học tập của nhân dân trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, công tác thi đua khen thưởng cũng cần được quan tâm chỉ đạo thường xuyên để kịp thời tôn vinh, động viên, khuyến khích các điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu qua đó khích lệ, cổ vũ tinh thần các tổ chức, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.

KẾT LUẬN

Thực hiện xây dựng cấp xã chuẩn TCPL là một minh chứng cụ thể cho nỗ lực của chính quyền từ Trung ương đến địa phương trong công cuộc đảm bảo quyền TCPL cho người dân. Trong khuôn khổ của nội dung đề tài nghiên cứu, tác giả hệ thống hoá được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và đánh giá về thực tiễn về công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL tại tỉnh Đồng Nai. Từ đó đã tìm hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL hiện nay. Sự ảnh hưởng có thể đến từ yếu tố có tính chất khách quan, nhưng cũng có thể đến từ yếu tố tính chất chủ quan, trong đó những kết quả chính rút ra được như sau:

Thứ nhất, về cơ bản chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã xây dựng, duy trì và phát huy được các thiết chế đảm bảo quyền TCPL của người dân và thực hiện có hiệu quả vai trò của các thiết chế đó.

Thứ hai, hiệu quả của công tác xây dựng cấp xã chuẩn TCPL phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách pháp luật của nhà nước, trình độ nhận thức của người dân, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức và đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên, các điều kiện về kinh phí, thù lao và trang bị cơ sở vật chất, v.v... mà trong đó

vẫn còn nhiều yếu tố tồn tại những hạn chế và cần được hoàn thiện.

Thứ ba, từ kết quả nghiên cứu về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, tác giả đề xuất nhiều giải pháp mang tính đồng bộ; trong đó nêu bật lên vai trò của quy định pháp luật, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, tuyên truyền viên, hòa giải viên trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quyền TCPL của công dân cùng với các nội dung khác như: tập trung đổi mới các nội dung, hình thức phổ biến pháp luật, đảm bảo các điều kiện về kinh phí cũng như điều kiện trang bị cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản của cơ quan Đảng, Nhà nước

Bộ Tư pháp (2017), *Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm chỉ tiêu TCPL, Hội đồng đánh giá TCPL và nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.*

Bộ Tư pháp (2021), *Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.*

Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc, lần thứ XII*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc, lần thứ XIII*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng trong công tác*

PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (2016), Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL và chuẩn TCPL của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Đồng Nai (2021), Báo cáo số 10/BC-HĐPH ngày 26/11/2021 về kết quả thực hiện công tác PBGDPL năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Quốc hội (2012), Luật Phổ biến giáo dục pháp luật (Luật số 14/2012/QH13) ngày 20/6/2012.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2018), Công văn số 594/STP-PBGDPL ngày 14/3/2018 công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2017.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2019), Công văn số 598/STP-PBGDPL ngày 06/3/2019 công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2018.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2020), Công văn số 256/STP-XDPBPL ngày 03/2/2020 công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2019.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2021), Công văn số 447/STP-XDPBPL ngày 24/2/2021 công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2020.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2022), Công văn số 300/STP-XDPBPL ngày 26/01/2022 công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn TCPL năm 2021.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2021), Báo cáo số 292/BC-STP ngày 26/11/2021 về tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2020), Công văn số 2126/STP-XDPBPL ngày 04/9/2020 về việc nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (2020), Công văn số 3774/STP-XDPBPL ngày 21/12/2020 về việc thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đảm bảo theo quy định.

Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2021), Báo cáo số 9715 BC/UBND ngày 13/8/2021 về tổng kết thực hiện Đề án “Tăng cường công tác PBGDPL tại địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2013 -2016” đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2021), Báo cáo số 9716/BC-UBND ngày 31/8/2021 về tổng kết thực hiện Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2021), Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021 về kết quả khảo sát ý kiến người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2021), *Công văn số 4022/UBND-THNC ngày 16/4/2021 về việc nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL*.

B. Tài liệu tham khảo là sách, bài báo tạp chí, kỷ yếu khoa học bản in

Bùi Văn An (2021), *Chính sách PBGDPL ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Bộ Tư pháp (2015), *Kỷ yếu Hội thảo Tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở*, Hà Nội.

Trương Văn Dũng (2016), “Quyền tiếp cận pháp luật của người dân; một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Tạp chí *Nghiên cứu Con người* số 3 (84), tr. 20-24.

Nguyễn Văn Đạm (2004), *Từ điển tường giải và liên tưởng Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 817.

Trần Ngọc Đường (1999), “Giáo dục pháp luật - Một số vấn đề lý luận cơ bản”, *Kỷ yếu Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 1997-1999*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Phan Chí Hiếu (2015), “Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về TCPL trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, (số chuyên đề Tiếp cận pháp luật), tr. 5-13.

Dương Thị Thanh Hiếu (2019), “Công tác PBGDPL, xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và xây dựng cấp

xã đạt chuẩn TCPL - Một số vướng mắc và giải pháp hoàn thiện”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật* số 5 (326), tr. 59-64.

Trần Thị Ngọc Hồng (11/2018), “Nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn TCPL trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật* (số Chuyên đề Tiếp cận pháp luật ở tỉnh Quảng Bình), tr 7-11.

Đỗ Xuân Lâm (2006), “*Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Đỗ Xuân Lâm (2020), “Giải pháp đổi mới công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 1 (343), Tr. 7-12.

Nguyễn Lâm (2002), *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa Hà Nội, tr. 718.

Tạ Thị Minh Lý (2015), Một số vấn đề lý luận về tiếp cận pháp luật, *Kỷ yếu Hội thảo Tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở*, Hà Nội.

Nguyễn Đình Đăng Lục (1990), *Giáo dục pháp luật và quá trình hình thành nhân cách*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 32.

Phạm Hoàng Linh (2015), “Thực trạng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật* số 8 (281), tr 33-36.

Nguyễn Thị Lại (11/2018), “Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật góp phần xây dựng nông thôn mới”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật* (số Chuyên đề

Tiếp cận pháp luật ở tỉnh Quảng Bình), tr 3-6.

Nguyễn Thị Hồng Luyến (11/2018), “Công tác tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật qua việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật* (số Chuyên đề Tiếp cận pháp luật ở tỉnh Quảng Bình), tr 20-23.

Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

Hoàng Phê (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, tr. 371.

Hoàng Thị Kim Quế (2011), “Bàn về hiệu quả PBGDPL ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Khoa học pháp lý*, số 8, tr. 3-8.

Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên, 2005), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 288.

Vũ Trọng Toàn (2015), “Trung tâm pháp luật cộng đồng - Mô hình tiếp cận pháp luật của người dân ở Australia”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, (số chuyên đề Tiếp cận pháp luật), tr. 91-96.

Lê Nguyên Thảo (2015), “Một số vấn đề về Tủ sách pháp luật, Câu lạc bộ pháp luật - Mô hình tiếp cận pháp luật tại cộng đồng”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, (số chuyên đề Tiếp cận pháp luật), tr. 78-95.

Nguyễn Thanh Tịnh, Phan Hồng Nguyên (2020), “Đổi mới, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL trong điều kiện hiện nay”, Tạp chí *Dân chủ và pháp luật*, số 10 (343), Tr. 3.

Võ Khánh Vinh (2020), *Chính sách pháp luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Ngân Vũ (2021), “Giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát đánh giá hiệu quả tác động của công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Gia Lai”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 1 (346), tr. 59-62.

Nguyễn Văn Vi (2015), “Hoạt động PBGDPL trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, Tạp chí *Tổ chức Nhà nước*, số 07, tr.48-51.

Nguyễn Tất Viên (2017), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về PBGDPL*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp (1997), *Một số vấn đề về PBGDPL trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

Nguyễn Như Ý chủ biên (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hoá thông tin, tr. 1637.

C. Tài liệu tham khảo là tài liệu điện tử

Đỗ Xuân Lâm (2020), “Thực tiễn thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật”, <<https://lsvn.vn/thuc-tien-thuc-hien-luat-pho-bien-giao-duc-phap-luat.html>>, (16/8/2021).

Phan Thanh Long (2013), “Bàn về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động PBGDPL”, *Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật* - Bộ Tư pháp.

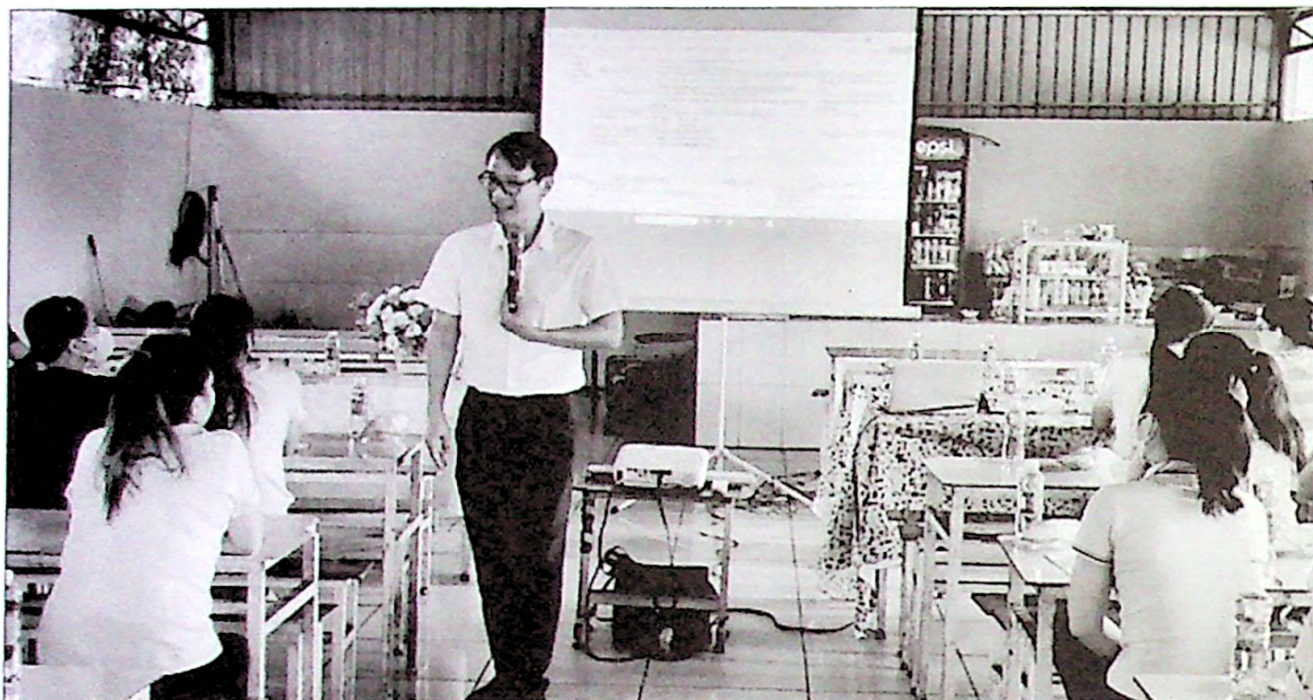
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG
LIÊN QUAN CÔNG TÁC XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở TỈNH ĐỒNG NAI**



Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai tuyên truyền pháp luật cho công nhân - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai tuyên truyền pháp luật cho công nhân tại Công ty TNHH sản xuất toàn cầu LixiL (Long Thành) - Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Long Thành.



*Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai tuyên truyền pháp luật
cho công nhân tại CĐCS Công ty TNHH 2J Vina (Long Khánh)
Nguồn: Phòng Tư pháp TP. Long Khánh.*



*Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai tổ chức phổ biến, tư vấn pháp luật
tại Trường THPT Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.*



Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai tuyên truyền, tư vấn pháp luật cho bà con trong tỉnh - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Các luật sư trao đổi, tư vấn pháp lý cho người dân tại buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại huyện Xuân Lộc - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả nhân rộng mô hình điểm tư vấn pháp luật miễn phí cho người dân với đoàn kiểm tra của tỉnh - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai tổ chức tuyên truyền pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường, hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam cho học sinh huyện Tân Phú - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



*Các em học sinh trong buổi tuyên truyền pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường, hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam do Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai tổ chức -
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Tọa đàm tình hình thực hiện PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn TCPL và Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai -
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



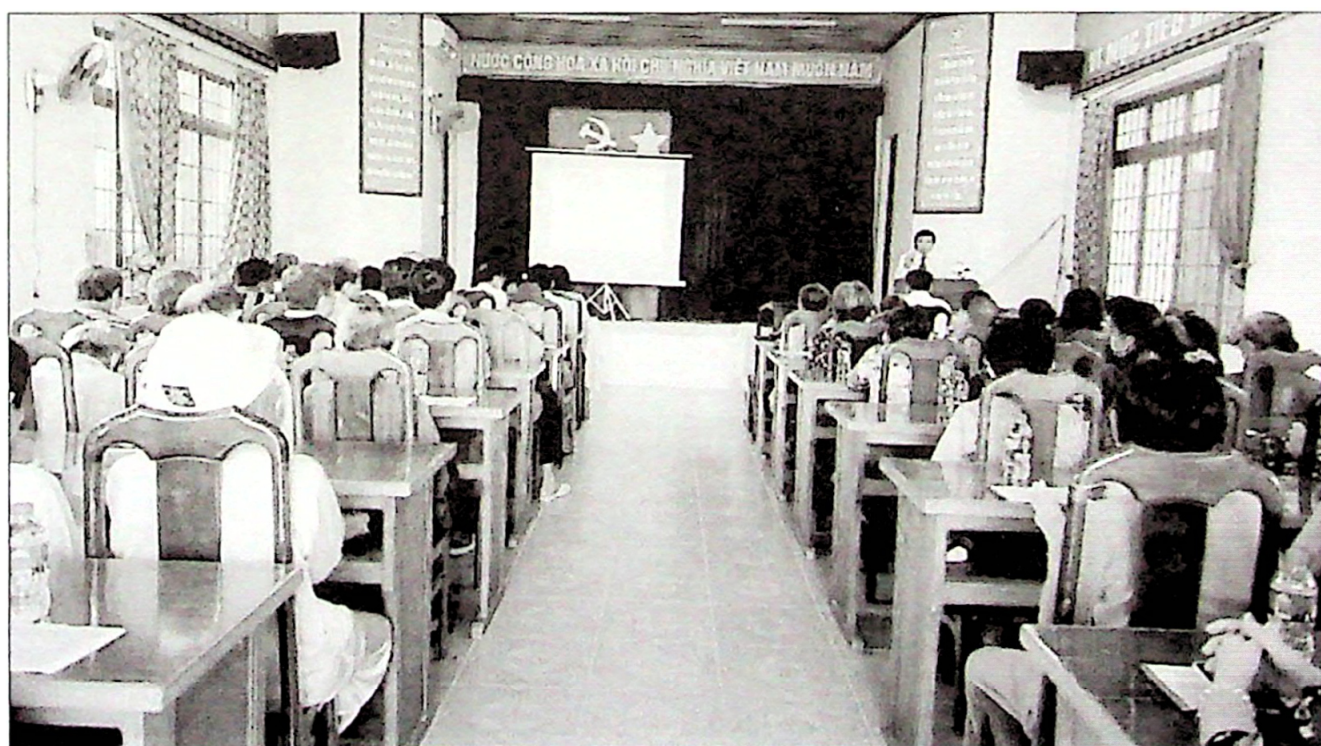
Hoạt động tuyên truyền, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Long Khánh - Nguồn: Phòng Tư pháp TP. Long Khánh.



Hội nghị truyền truyền, PBGDPL cho các báo cáo viên pháp luật cấp huyện; tuyên truyền viên cấp xã và hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn huyện Nhơn Trạch năm 2023 - Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.



*Hội nghị truyền truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho báo cáo viên pháp luật cấp huyện; tuyên truyền viên cấp xã và hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn huyện Nhơn Trạch năm 2023 -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.*



*Huyện Nhơn Trạch phối hợp tổ chức chương trình phổ biến pháp luật, tư vấn pháp luật của Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.*



*UBND huyện Cẩm Mỹ tổng kết 10 năm thi hành PBGDPL -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Cẩm Mỹ.*



*Câu chuyện truyền thanh - mô hình tuyên truyền
pháp luật hiệu quả tại huyện Định Quán -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Định Quán.*



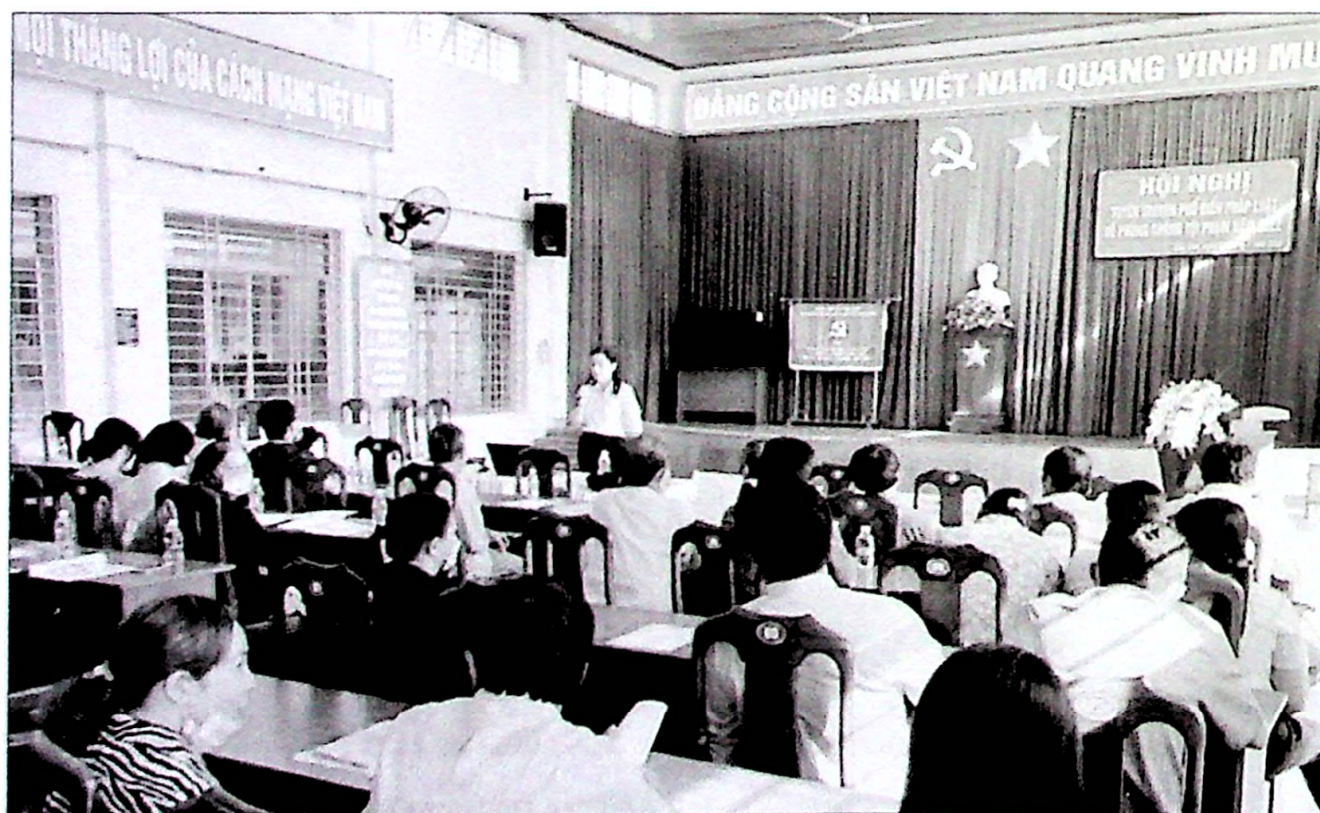
*Công an huyện Vĩnh Cửu tích cực tuyên truyền, vận động và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân làm Căn cước công dân -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Vĩnh Cửu.*



*Công an huyện Nhơn Trạch phối hợp tổ chức tuyên truyền PCCC và CNCH cho người dân -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.*



*Các thanh, thiếu niên dự buổi tuyên truyền,
phổ biến pháp luật do tại TP. Biên Hòa năm 2023 -
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Tập huấn về phòng, chống tội phạm tại thành phố
Long Khánh - Nguồn: Phòng Tư pháp TP. Long Khánh.*



*Huyện Cẩm Mỹ tổ chức Cuộc thi viết
"Tìm hiểu Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia" -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Cẩm Mỹ.*



*Long Khánh tập huấn pháp luật cho cán bộ, hội viên
Hội Cựu chiến binh - Nguồn: Phòng Tư pháp TP. Long Khánh.*



*Hội đồng phối hợp PBGDPL thành phố Long Khánh
tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động 06 tháng -
Nguồn: Phòng Tư pháp TP. Long Khánh.*



*Huyện Tân Phú tổ chức tập huấn chuyên sâu về xử phạt
vi phạm hành chính - Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Tân Phú.*



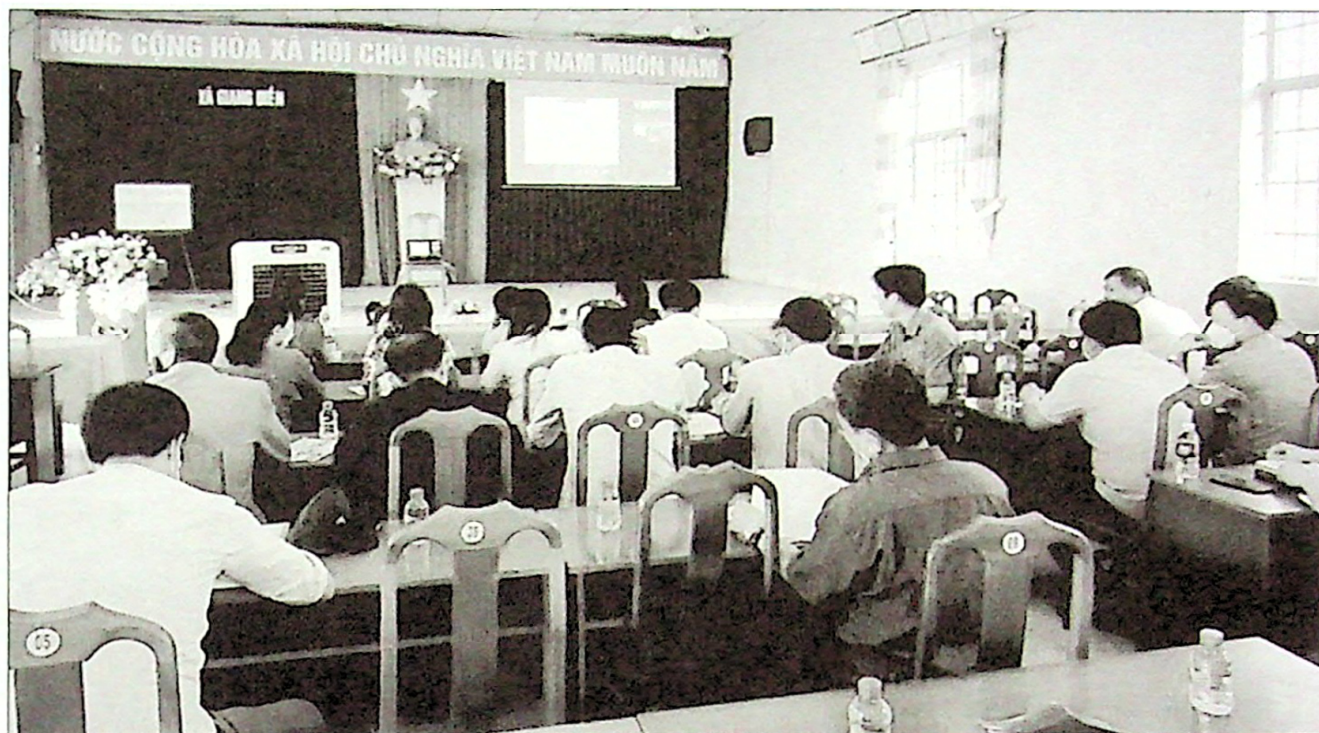
Hội nghị tập huấn chuẩn TCPL năm 2022 tại Đồng Nai.



*Hội nghị tập huấn Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
quý 3/2022 tại Đồng Nai.*



*Hội nghị tập huấn chuyên sâu về chuẩn TCPL
tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai năm 2023.*



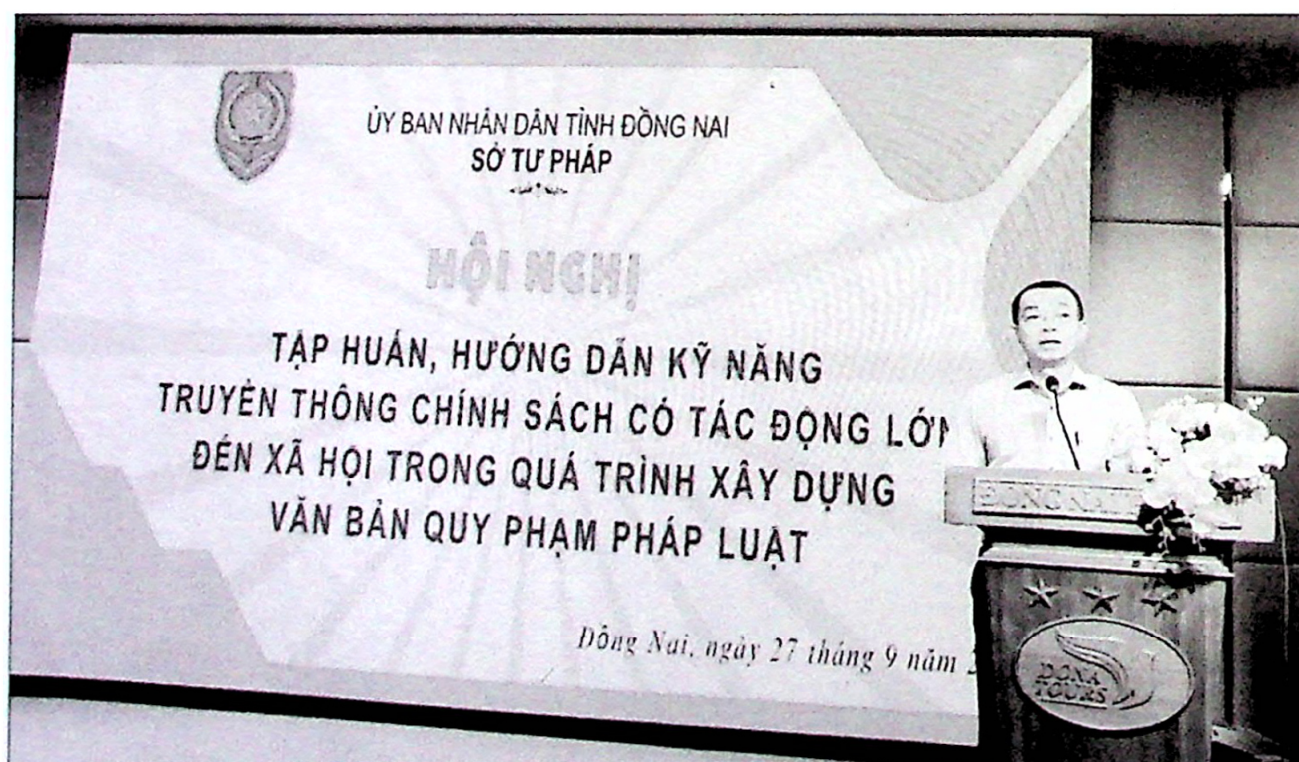
*Hòa giải viên của xã Giang Điền, huyện Trảng Bom
tham dự Hội nghị trực tuyến tập huấn kỹ năng hòa giải
do Sở Tư pháp tổ chức.*



*Hòa giải viên của xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch
tham dự Hội nghị trực tuyến tập huấn kỹ năng hòa giải
do Sở Tư pháp tổ chức.*



*Huyện Nhơn Trạch tổ chức hội nghị triển khai các quy định pháp luật về phòng chống tội phạm công nghệ cao -
Nguồn: Phòng Tư pháp huyện Nhơn Trạch.*



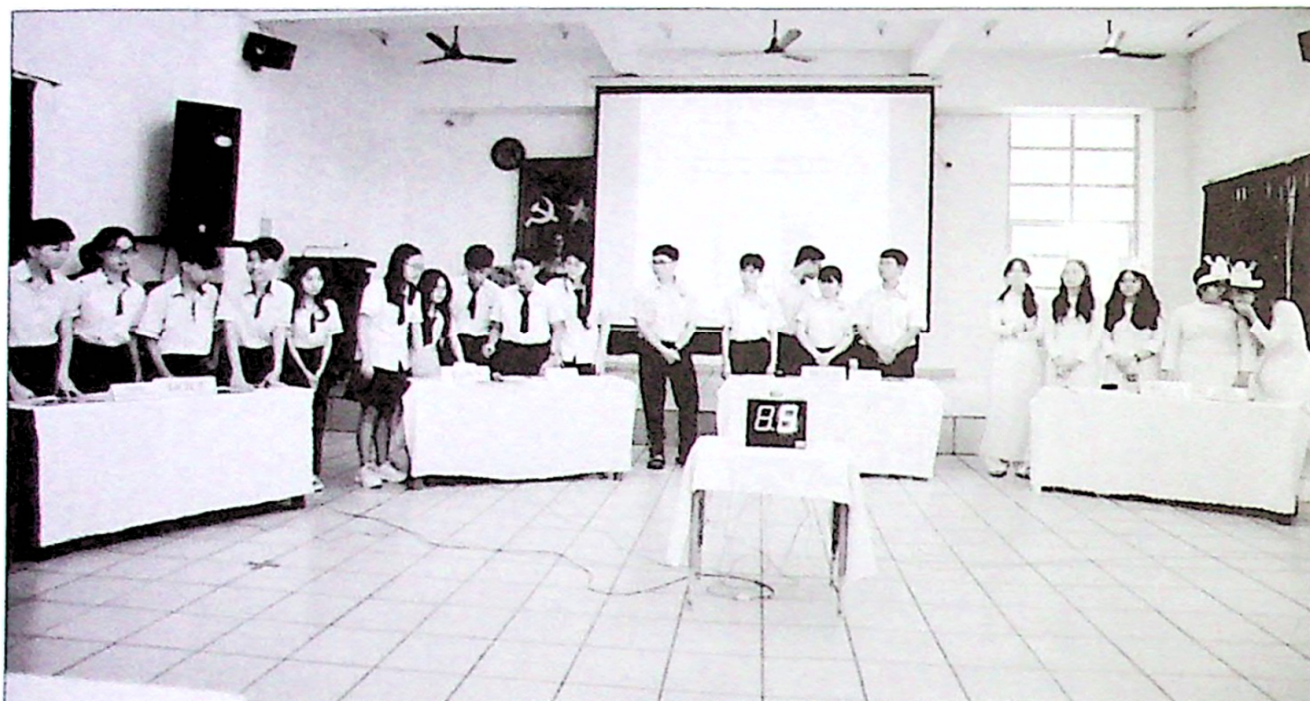
Hội nghị tập huấn về truyền thông chính sách tại Đồng Nai năm 2023 - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Hội nghị phổ biến quy định pháp luật hình sự tại tỉnh Đồng Nai - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Đại diện Hội LHPN tỉnh triển khai nội dung liên quan đến pháp luật về bình đẳng giới trong hội viên phụ nữ và người dân xã Sông Thao, huyện Trảng Bom - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



*Cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho học đường năm 2023
tại Đồng Nai - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



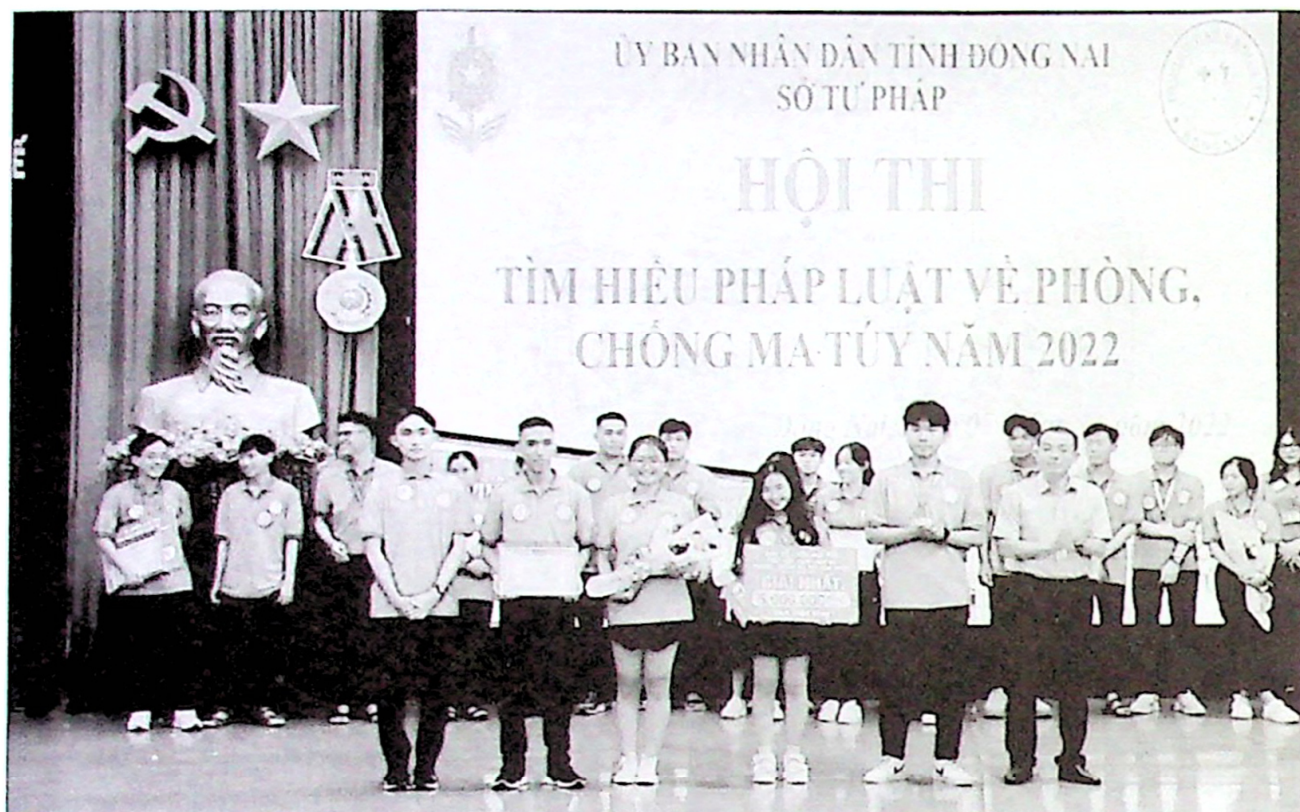
*Cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho học đường năm 2023
tại Đồng Nai - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về an toàn thông tin,
tỉnh Đồng Nai năm 2023 - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về an toàn thông tin,
tỉnh Đồng Nai năm 2023 - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Hội thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy năm 2022
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Lễ tổng kết trao giải cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật năm 2022" và
khen thưởng 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật -
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



*Đội thi huyện Xuân Lộc tại Hội thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng tỉnh Đồng Nai năm 2020 -
Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.*



Lễ tổng kết trao giải cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật" năm 2020 tại Đồng Nai - Nguồn: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.



Trao Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai cho các tập thể, cá nhân đạt giải trong cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật năm 2023".



Đồng Nai đạt giải Ba Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV (2023).

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT..... 21

I. Một số khái niệm cơ bản 21

1. Khái niệm, nội dung, hình thức TCPL 21

2. Khái niệm chuẩn TCPL của người dân ở xã, phường, thị trấn 34

II. Giá trị xã hội của pháp luật và vai trò, ý nghĩa công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL 37

1. Giá trị xã hội của pháp luật ở Việt Nam 37

2. Vai trò, ý nghĩa của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL..... 46

3. Vai trò của công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới 48

III. Nội dung và các tiêu chí đánh giá xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL 52

1. Nội dung của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL 52

2. Các tiêu chí đánh giá 53

IV. Quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.....	59
1. Đối với UBND cấp xã	59
2. Đối với UBND cấp huyện.....	62
V. Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL	64
1. Chính sách, pháp luật của Trung ương và địa phương về xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.....	65
2. Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở	66
3. Trình độ nhận thức của người dân về luật pháp	67
4. Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức của địa phương trong xây dựng cấp xã chuẩn TCPL.....	67
5. Đầu tư các nguồn lực cho công tác xây dựng xã đạt chuẩn TCPL	68

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở ĐỒNG NAI HIỆN NAY.....

I. Thực trạng triển khai thực hiện nội dung xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL và các Tiêu chí đánh giá... 71	71
1. Thực trạng triển khai thực hiện nội dung của xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL	71
2. Thực trạng triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.....	85
II. Thực trạng thực hiện quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.....	126
1. Về hoạt động của Hội đồng đánh giá TCPL.....	126
2. Về tuân thủ quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL	127

III. Thực trạng tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở tỉnh Đồng Nai 129

1. Chính sách, pháp luật của cấp Trung ương và địa phương về xây dựng cấp xã chuẩn TCPL..... 129

2. Năng lực của đội ngũ công chức chuyên môn, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở 132

3. Mức độ hiểu biết của người dân về các thiết chế TCPL144

4. Sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức của địa phương149

5. Các nguồn lực về kinh phí, vật chất 152

IV. Đánh giá về thực trạng xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai 157

1. Những thuận lợi, kết quả đạt được và nguyên nhân ... 157

2. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân..... 159

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở ĐỒNG NAI 171

I. Những thách thức, yêu cầu đối với việc nâng cao hiệu quả công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai thời gian tới 171

II. Các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai thời gian tới 174

1. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả thực hiện các nội dung, các tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL..... 174

2. Nhóm giải pháp khắc phục hạn chế, vướng mắc về quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL..... 177

3. Nhóm giải pháp khắc phục các hạn chế, tồn tại xuất phát từ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở Đồng Nai..... 180

KẾT LUẬN 197

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 199

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN CÔNG TÁC
XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN
PHÁP LUẬT Ở TỈNH ĐỒNG NAI..... 207**

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT Ở TỈNH ĐỒNG NAI**

Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai

Mã ISBN: 978-604-475-469-7

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
BÙI THỊ LÂM NGỌC

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHÓ GIÁM ĐỐC TRƯỞNG VĂN TUẤN

Biên tập: Đào Thị Thu Thanh
Biên tập kỹ thuật: Nguyễn Thị Hồng Tươi
Trình bày: Minh Huyền
Sửa bản in: Thu Thanh
Bìa: Minh Huyền

In: 1.000 bản. Khổ: 16 x 24 cm. In tại: Công ty Thiên Ngôn - 134/8
Hoàng Hoa Thám, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM.

Số xác nhận ĐKXB: 2372 – 2023 / CXBIPH / 3 – 332 / ĐoN,
Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 18/7/2023, Quyết
định xuất bản số: 18/QĐA-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày:
15/12/2023. In xong và nộp lưu chiểu: quý 1/2024.

**Nhà xuất bản Đồng Nai,
1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hoà, Đồng Nai
Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P Kinh doanh: 946 521 - P Kế toán: 946 520
Email: dongnainxb@gmail.com; Web: nxbdongnai.vn**

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
Ở TỈNH ĐỒNG NAI**



0000575701



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1953J (210 cũ), đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251) 3946519 - 3946521 - 3825292 - 3946520 - 3946530

Email: dongnainxb@gmail.com; Web: nxbdongnai.vn

ISBN: 978-604-475-469-7